

Trầm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật



Trầm Hương 5 – Bộ Mới – 2011

Tạp Chí Trần Hương 5

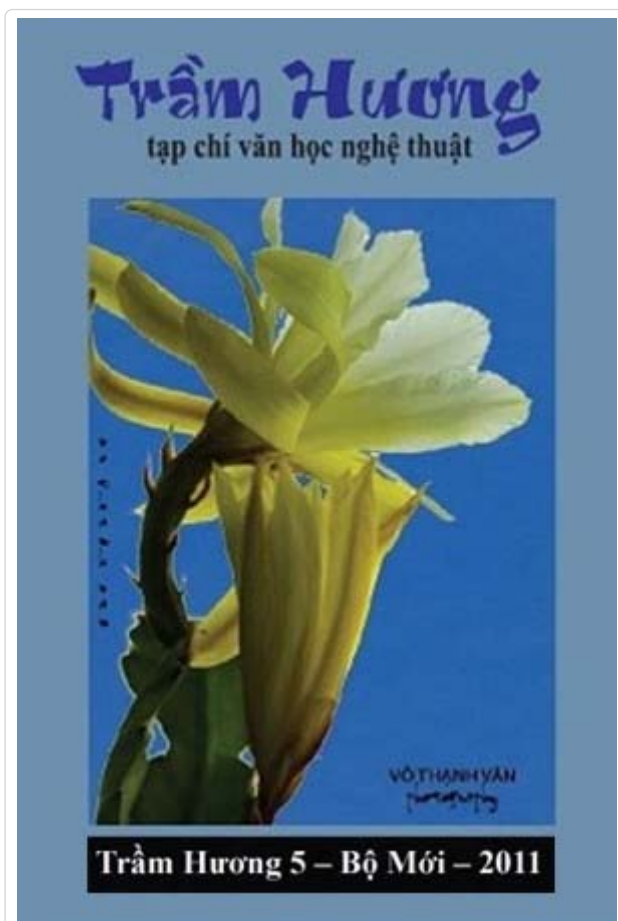
≡ Parent Category:

≡ Category: **Tạp Chí Trần Hương**

🕒 Last Updated: Saturday, 10 October 2015 17:45

🕒 Published: Monday, 01 April 2013 19:24

✍ Tác giả



TRẦN HƯƠNG

Tạp chí văn học nghệ thuật

KỶ NIỆM DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦN HƯƠNG TRÒN 10 TUỔI

Năm Thứ 7 . Bộ Mới . Số 5

Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Chủ bút: Túy Hà

Thông Tin Liên Lạc

tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yahoo.com

Website: <http://hoiquantramhuong.com>

Tranh bìa : **Họa Sĩ Hồ Hữu Thử**

Phụ bản và minh họa:

Tranh Hồ Hữu Thử và Thư Họa Vũ Hối

Trình bày và layout: Nghi Hà

In tại

Mr.Print Ân Quán

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRÀM HƯƠNG THỰC HIỆN

MỤC LỤC

Lối vào (3)

Phụ bản Thư họa(5) *Phan Bá Thụy Dương tác giả tác phẩm(6) *Thiếu Khanh thơ(16)*Nguyễn Bắc Sơn Thơ (18)*Đàm Trung Pháp Văn Học(20) *Hoàng Xuân Sơn Thơ (25) *Miên Du Đà Lạt Thơ (27) * Trần Bang Thạch Truyện(28)*Ngô Nguyên Nghiễm Thơ (35)*Khai Nguyên Thơ (37) *Nguyễn Khoa Lộc Thơ (38)*Nguyễn Lương Vi Thơ (39) *Nguyễn Minh Triết Tham Luận (40) *Kim Oanh Thơ (46) *Đoàn Minh Hải Thơ (47)*Lê Quang Đông Thơ (48)* Trần Yên Thảo Biên Khảo (49) *Nguyễn Xuân Thiệp Thơ (53)*Trần Dã Quỳ Thơ Văn(55) *Trần Văn Lệ Thơ (61)* Trần Hoài Thư Truyện (62)*Cái Trọng Ty Thơ (66)*Nguyễn Thị Thanh Dương Thơ Truyện (67)*Dương Quân Thơ (75)*Vũ Hối Thơ (77)*Vương Trùng Dương Biên Khảo (78)*Lan Đàm Thơ (89)*Trương Đạm Thủy Truyện(90)*Nhu Phong Thơ (95)*Túy Hà Thơ (96)*Nguyễn Hữu Nhật Thơ (98)* Trần Hồng Văn Truyện Phóng tác (100)*Song An Châu Thơ (105)*Phạm Tương Như Thơ (106)*Hà Thúc Sinh Truyện (108)*Dương Thượng Trúc Thơ (114)*Lâm Thúy Thơ (116)*Phan Các Chiêu Hằng Truyện (118)*Tuần Đình Thơ(126)*Thái Bạch Vân Thơ (127)*Trường Thy Tạp Ghi Văn Nghệ (128)*Vũ Tiến Lập Thơ (133)* Huyền Nữ Thơ (134)*Phụ bản thư họa(135)*Thu Nga Thơ (136)*Mây Ngàn Thơ (137)*Xuân Bích Thơ(138)*Phan Xuân Sinh Truyện(140)*Luân Tâm Thơ (148)*Trần Kiêm Đoàn Thơ Ký (149)*Lê Hữu Minh Toán Thơ (152)*Nguyễn Đức Nhơn Thơ Truyện(153)*Cù Hòa Phong Thơ (161)*Thy Lan Thảo Thơ (162)*Phạm Ngũ Yên Truyện(164)*Việt Cường Thơ(173)* Yên Sơn Truyện(174)*Lan Cao Thơ(190)*Xuân Du Thơ(191)*Trần Văn Lương Truyện (193)* Trần Yên Thảo Thơ (202)*Song Thy Thơ văn (203)*Nguyễn Lập Đông Thơ Nhạc (207)

Lối Vào

Hành trình vào văn học ở mọi thời điểm với những bước khởi đầu luôn là những dò dẫm, hụt hẫng, vấp ngã là chuyện thường tình. Từ đó mới có dịp để nhìn ngắm lại chính mình và những dặm đường đã qua. Trầm Hương gần tròn mười năm với hành trình không dễ vẫn cố bước đi theo những dặm dài hải ngoại. Mười năm nhìn lại, buồn vui lẫn lộn trần trở khôn nguôi để tự định hướng cho mình.

Buồn vì đã có những người đồng hành từ lúc khởi đầu đã không thể vượt ải thời gian để cùng tiếp tục lên đường, có người đã chia tay bằng hữu về cõi vô cùng, có người đang đau thương vì bệnh tật. Đành phải tự mình dừng lại trong tiếc nuối của bạn bè.

Vui vì đường càng dài thì lại có thêm bằng hữu, có người đã thành danh có người vẫn còn đang thử sức nhưng tất cả đều vì mến yêu chữ nghĩa vì còn tưởng nhớ một nước Việt buồn đã can đảm đến với nhau, loại trừ dị biệt và cùng tiếp tục hành trình đi tìm chân thiện mỹ nhằm thăng hoa cho đời sống lưu vong.

Chỉ với 40 số báo chuyên đề văn học, con số khiêm tốn ấy không thể gọi là thành tích chỉ có thể nhắc lại như một kỷ niệm ghi dấu một đoạn đời. Nhưng có được như vậy lại không phải là chuyện dễ dàng. Từ những số đầu tiên in ấn thô sơ nội dung còn khiêm tốn nhưng đã phải bỏ ra rất nhiều tâm huyết. Cuộc hành trình vẫn tiếp tục và vừa lên đường vừa tự sửa sai mình. Tạp Chí Trầm Hương đã từ từ thoát xác theo những thay đổi của Thi Văn Đàn Trầm Hương để thích nghi với hoàn cảnh mới, mà hoàn cảnh thì đổi thay không ngừng nghỉ, thời gian thì lại chẳng đợi chờ ai. Đã có những lúc Trầm Hương như những chiến mã già đã phải phi nước đại thiếu điều hụt hơi. May thay tình thơ văn ý vẫn luôn có những quyển rũ nhiệm màu, chưa kể sự đời “hữu xạ tự nhiên hương” nên trong lúc khó khăn nhất đã được tiếp sức hà hơi từ những người viết mới không những bằng sáng tác mà còn bằng chính cả những hỗ trợ thiết thực đã vực Trầm Hương đứng dậy tiếp tục cuộc lữ hành vào nơi gió cát.

Mười năm qua những danh xưng Thi Văn Đàn, Hội Quán và bây giờ là **Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương**, với **Tạp Chí Trầm Hương** là chủ lực, bên cạnh diễn đàn điện tử

Website: <http://hoiquantramhuong.com>

Mười năm, từ những sinh hoạt bỏ túi, với giai phẩm khởi đầu mang tính cách nội bộ, phổ biến thân hữu rất hạn chế. Trầm Hương đã trở thành Tạp Chí Văn Học khá hoàn chỉnh, với sự cộng tác của nhiều cây bút tên tuổi, của những người viết mới đang trong thời kỳ sung mãn. Ấn bản gia tăng và được phổ biến rộng rãi đến nhiều nơi trên thế giới. Tiếng nói đã đi xa, niềm vui đã lan rộng. Nhưng khó khăn về ấn phí vẫn còn là một vấn đề thiết thực chưa giải được của nhóm chủ trương.

Hôm nay, Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương chính thức thay đổi danh xưng mới, nhiệm vụ mới và trách nhiệm cũng nặng nề hơn, Vì là diễn đàn nên sự mời gọi tham gia, phổ biến rộng rãi là điều bắt buộc. Khó khăn vẫn còn trước mắt nhưng với quyết tâm không thay đổi, cộng với sự hỗ trợ nhiệt tình của Quý thân hữu và của Quý bạn đọc chúng tôi tin chắc Trầm Hương sẽ tiếp tục hành trình dù là với những bàn chân trần lấm đất.

Mười năm như một thách đố, mười năm cây đã trở hoa.

Hy vọng hương trầm sẽ trở mình lan tỏa trong Vườn Hoa Văn Học Hải Ngoại. Và Tạp Chí Trầm Hương sẽ trở thành món ăn tinh thần bổ ích cho người đọc vẫn còn yêu quá tiếng Việt mình.

Trân Trọng

Ban Biên Tập

Phan Bá Thụy Dương

HOÀNG TRÚC LY (1933-1983)
HÀNH TRÌNH ĐƠN ĐỘC
CỦA MỘT THIÊN TÀI THI CA
SUỐT ĐỜI PHIÊU BÁT.

Nhiều người chỉ biết Hoàng Trúc Ly qua những bài thơ đăng trên các báo, tạp chí từ 1955 và về sau thi tập “Trong Con Yêu Dấu”, của anh do nhà xuất bản Hướng Dương trên đường Lê Lợi ấn hành năm 1963 và do họa sĩ Trịnh Cung vẽ bìa. Tác phẩm thi ca này còn khiêm nhường hơn nhiều so với số trang trong tập thơ “Bi Ca” của Hoài Thương - người phụ trách trang thơ của bán nguyệt san Thời Nay “Trong Con Yêu Dấu” chỉ vồn vện có 38 trang in trên khổ giấy lớn 21x25.

Còn về sách, theo tôi, chỉ riêng trong năm 1967 anh đã cho ấn hành - ít nhất, 2 tác phẩm văn là “Tiếng Hát Lang Thang” và “Huyền Sử Một Kiếp Hoa”. Ở hải ngoại tôi còn biết một tác phẩm khác của anh là cuốn “Trạng Quỳnh” cũng đã được một nhà xuất bản ở Houston - TX in lại vào năm 1984. Chưa kể những tập truyện mỏng ma quái, kỳ bí... hấp dẫn, luôn lôi cuốn đọc giả do các chủ nhà in người Tàu cho phát hành từng kỳ hàng tuần trong thập niên 60 và đầu 70.

Đó là giai đoạn các loại truyện từng kỳ này được phát hành rộng rãi, bán với giá rẻ, nên rất ăn khách. Nhất là những truyện của Nghiêm Lệ Quân, Người Khăn Trắng, Sa Giang Trần Tuấn Kiệt, Anh Thuần tức Hoàng Long... Chỉ riêng truyện “Lời Thề Trong Đèn Rắn” và “Ma Hời” của Anh Thuần cùng các truyện võ hiệp “Tây Sơn Nhạn” của Sa Giang TTK cũng đã được một ông chủ người Hoa tại đường Phan Đình Phùng, gần trường Aurore cho tái bản mấy lần trong 2 năm 67-68. Sách các thể loại bình dân này thường được bán đứt, người viết lấy tiền một lần, nên các ông “xì thủ” kia tha hồ in đi in lại mà các tác giả không vì thế được chia hưởng thêm tiền tác quyền cho mỗi kỳ tái bản.

Cũng như Trần Tuấn Kiệt, sách của Hoàng Trúc Ly viết cũng thường giao cho ông Khai Trí vì ông này là mạnh thường quân chính của 2 người. Không phải người chủ nhà sách này luôn luôn cho in ấn các tác phẩm của 2 anh mà vì thấy họ luôn thiếu thốn nên ông tìm cách trợ giúp, ngay dù cả khi họ “ham vui” quên cả việc sáng tác, nhất là Hoàng Trúc Ly. Bởi từ đầu thập niên 60 ngoài việc thích rượu anh còn dần thân vào việc “hít-tô-phe” tức nằm bên bàn đèn “hít cho phê” với ông Ngọc Tú - tức nhà văn Ngọc Thứ Lang, người dịch cuốn “Bố Già” rất nổi tiếng và được nhiều người hâm mộ thời bấy giờ.

Hoàng Trúc Ly tên thật là Đinh Đắc Nghĩa, sinh năm 1933 tại Đà Nẵng, nguyên quán Bình Định. Nghe nói sau khi đậu bằng tú tài Pháp anh đã ghi danh vào trường Luật, nhưng chẳng được bao lâu thì bỏ học vì không khí chật hẹp, nóng bức, chẳng

thoải mái của các giảng đường. Anh là người trầm lặng, hiền hòa, ít nói và thối lộ về cuộc đời riêng tư của mình và gia đình. Nhưng khi gặp bằng hữu thân thiết thì anh cười, mừng ra mặt, ánh mắt sáng ngời. Theo tôi, có thể bởi anh thường sống cô độc, trầm tư một mình, nên sợ cô đơn, cần có bạn bè để hàn huyên, vui bớt khoảng trống trong tâm tư...

Dù thân phụ anh là cụ Đình Thúc Kiện có nhà anh ở trong khu Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến trên đường Cống Quỳnh hay sau này anh thuê gác trọ bên đường Nguyễn Cư Trinh, anh vẫn hay đi bộ lang thang, độc hành dưới bóng chiều tà rồi tiện đường thì ghé ngủ đêm với bạn bè. Anh là người giao du rộng rãi, quen biết gần như hầu hết các văn nghệ sĩ, lại được họ quý mến bởi tánh hiền lành, chân thật của anh, nên mọi người ai cũng vui vẻ sẵn sàng tiếp đón. Chẳng hạn như nhà Hoài Điệp Tử ở khu Bùi Viện, nhà anh Phụng Hải ở khu Lò Gốm – Bình Tiên, Hồ Thành Đức ở Phan Thanh Giảng, Trần Tuấn Kiệt ở đường Phan Đình Phùng... và thỉnh thoảng ngủ lại nhà tôi khi quá chén. Những lần như vậy thì sáng tinh sương anh đã bỏ đi trong khi tôi còn đang ngon giấc.

Kế đình Phú Thạnh không xa có ông giáo Tư người Long An, ngâm rượu thuốc, rượu mít nướng – mà theo anh và Kiệt luôn cho rằng rượu của ông giáo này rất thơm ngon, đậm đà, nên khi có mặt anh Anh Thuần hay tôi ở nhà là anh tha hồ uống. Anh Việt Thu, hai anh Phạm Lê Phan và Tường Linh cũng thích và khen 2 loại rượu nhà quê này. Tôi thì chịu không dám thử vì ngửi qua cũng biết độ rượu rất cao, cay nồng. Vì vậy khi phải đối tửu thì các anh ấy khề khà cạn sạch 3, 4 chung tôi cũng chưa nốc xong ly 33 của mình. Tôi còn một điều dở nữa là rất kỵ mấy món “mộc tồn”, thịt rùa, rắn, tiết canh, trong khi các anh coi là món nhắm khoái khẩu, cao cấp. Do đó anh Phạm Lê Phan - người lớn tuổi nhất trong đám, thường mắng đùa: “Chơi với cậu chán bỏ mẹ. Đi câu thì bị cá chê mồi, uống với nhau thì cậu sợ món này món nọ, chẳng được cái tích sự gì cả. Nói hoài mà cũng không biết phục thiện”

Tửu lượng của tôi thuộc hạng rất tồi vì vậy các anh thường liệt, cho là hạng “lục lục thường tài” Trong khi những bạn thơ, văn khác của anh đều là các tay hủ chìm, hủ nổi mà tôi chẳng mấy khi dám gặp, vì sợ kiểu uống liên tu bất tận của nhiều vị kiện tướng trong số các anh. Chẳng hạn như: Trần Tuấn Kiệt, Phan Yên Linh, Hoài Điệp Tử, Nguyễn Thụy Long, Phạm Quốc Bảo, Bùi Ngọc Tuấn, Dương Trữ La (Tâm Đạm), Khánh Giang, Phụng Hải, Anh Thuần, Anh Hợp, Tạ Ký, Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Ngọc Liên, Hải Phương, Hồ Thành Đức, Tô Kiều Phương, Hoàng Thắng, Nguyễn Thu Minh, Anh Việt Thu, Thiên Hà, Lâm Tường Dũ, Trần Xuân Thành, Phương Triều...

Và lại trước năm 71 tôi còn bận quân vụ, chỉ là kẻ viết lách tài tử, làm báo tùy hứng bằng nghề tay trái. Khác hẳn với đa số các anh là dân viết chuyên nghiệp vì vậy tôi chẳng mấy khi góp mặt trong các cuộc vui đông người. Năm 72 sau khi tôi được chuyển về làm công chức không lâu, thừa dịp chính phủ ra nghị định bắt buộc quân

nhân, công chức nếu muốn tiếp tục hành nghề báo chí thì phải xin phép, tôi ngưng luôn. Từ đó tôi ít gặp lại anh em vì sợ sẽ bị rủ rê trở lại trò chơi văn nghệ, ngay cả với anh Hoàng Trúc Ly, Tường Linh, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Trần Tuấn Kiệt là những người tôi rất thân kính.

Hoàng Trúc Ly tuy ít nói nhưng tính dễ chịu, thường hay kể chuyện vui, tích lạ, nên 2 đứa con tôi và cô cháu gái giúp việc cho gia đình tôi rất thích. Mỗi lần bác Hoàng tới nhà là nó mừng rỡ, lo phục dịch chu đáo, cả những lúc tôi vắng nhà. Cũng có khi anh đi biệt vài ba tháng không trở lại. Nhớ anh tôi chỉ cần chạy đến quán café Năm Dường nằm bên góc Nguyễn Thiện Thuật - Hồng Thập Tự, gần nhà Tam Ích tiên sinh là có thể gặp anh. Nếu không thì ở các quán bên lề dọc theo các đường Gia Long, Phạm Ngũ Lão, Võ Tánh hoặc khu chợ Đũi... là những địa điểm anh thường đến chung vui cùng thân hữu.

Buổi trưa khi cảm thấy trống vắng thì anh thường vào nằm nghỉ trên ghế đá trong công viên Tao Đàn góc đường Lê Văn Duyệt và Hồng Thập Tự. Nghe anh em cho biết anh ngoài việc viết sách đôi khi còn làm việc bán thời gian cho CLB Cercle - tức sân quần vợt sát bên công viên này sau lưng dinh Độc lập. Anh chẳng đề cập đến, nên tôi cũng chẳng hỏi.

Hoàng Trúc Ly qua đời ngày 23 tháng 12 năm 1983 (nhằm ngày 20 tháng 11 âm lịch) tại Sài gòn vì một người lái xe bất cẩn đụng phải khi anh băng qua đường Phan Thanh Giảng.

Mặc dù giao du thân thiết với HTL nhiều năm tôi chỉ vừa được biết tên thân mẫu anh là bà Đào Tiểu Tố - bút hiệu Như Cúc. Bà là cháu nội của vị danh sĩ Đào Tấn (1845-1907), được sinh ra tại Bình Định năm 1910 và hiện sống tại SG. Dưới đây là bài thơ bà Đào đã làm để thương khóc con:

NGÀY GIỖ CON

(Đắc Nghĩa Hoàng Trúc Ly)

Gió bật mưa ngàn con ở đâu

Nắng hanh ngọn cỏ chắc con sầu

Con ơi! mẹ nhớ ngày sum hiệp

Dáng trẻ thân gầy áo sỏ bầu.

Đắc Nghĩa con ơi đã mất rồi

Ớ tình ở cảnh ở con ơi

Trở trời trái nắng ai sẵn sóc

Trẻ dại con đành bỏ mẹ thôi.

Mồ con mẹ đã xây rồi

Thôi thì con ráng ngủ đi thôi

Ngàn thu vĩnh biệt con xa mẹ

Tóc bạc da môi đã vắng con.

Đào Tố Tố

Em gái anh là cô Đinh Thị Xuân Hương tức nhà thơ Đinh Hương vừa qua đã gom góp thơ anh đề xuất bản mà tên sách nghe thật lạ lùng: “Người Lớn Khóc Trẻ Con”. Cô này cũng có vài tác phẩm đã ấn hành tại SG.

Quanh Hoàng Trúc Ly có nhiều huyền thoại về cuộc sống của anh và những nhân vật nữ trong các bài thơ của anh, nhất là nhân vật Hoàng Lan mà anh ví von là “hoa của trăm hoa”:

HOÀNG LAN

Có phải vì em đang gỡ tóc
Cho mây từng sợi rối chân chim
Có phải hoa bay đầy cánh bướm
Vì em thay áo mái tây hiên
Ôi mới hôm nào như hôm qua
Tay ai bùa phép nắm đôi ta
Như nắm mùa đông hơ ngọn lửa
Cho tuyết đầu non chảy máu ra
Ôi mới hôm nào như hôm kia
Con đường chở nặng những đêm khuya
Cho nên bóng tối bay thành khói
Ánh mắt mờ sương lạc lối về
Ôi có hôm nào là hôm nay
Anh ghen vì gió đã choàng vai
Em đi như vẽ trên đường nắng
Em nói như đàn trong miệng ai
Anh là dòng sông mơ chín suối
Em là mặt trăng thềm mặt trời
Cách trở bốn mùa vẫy trái đất
Còn nghe đau xót thuở nào nguôi?

Theo họa sĩ Hồ Thành Đức, cô nữ sinh này sống tại Gò Vấp và đặc biệt là có mái tóc rất dài và óng ả, mượt mà, nhưng không lấy gì đẹp lắm. Còn một giai thoại khác mà nhiều người thường nhắc nhở đến sau khi 2 bài thơ lục bát tuyệt hảo này ra đời:

CA SĨ 1

Từ em tiếng hát lên trời
Tay xoa dòng tóc, tay vờ âm thanh
Giọt buồn chẻ xuống hồn anh
Lắng nghe da thịt tan tành xưa sau

CA SĨ 2

Trời em tiếng hát lên từ

Âm ba tóc rối lững lờ vòng tay
Áo dài lụa nắng vào mây
Dấu chân hồng nhận rụng đầy gió sương.

Hai bài thơ ngắn này nhiều người cho là Hoàng Trúc Ly viết tặng nữ ca sĩ Thanh Thúy - hình minh họa trên, tranh vẽ chân dung Thanh Thúy của nữ họa sĩ Thanh Trí. Nhưng cũng có người cho là anh viết về nữ ca sĩ Thái Thanh. Tôi và Trần Tuấn Kiệt đã yêu cầu anh xác nhận, nhưng Hoàng Trúc Ly chỉ mỉm cười nhỏ nhẹ đáp: “thơ moa làm xong ai muốn nhận là moa viết tặng riêng họ thì cũng chẳng sao, càng tốt” Riêng anh Anh Thuận thì cho rằng bài thơ này Hoàng Trúc Ly viết tặng một nữ ca sĩ khác mà tôi không tiện nêu tên. Cô này là vợ của một nhạc sĩ nổi danh và vợ chồng họ là chủ một nhà sách và nhà chuyên xuất bản nhạc lớn tại đầu đường Trần Hưng Đạo quận 1 mà anh AT chơi rất thân với cả 3 người trong cuộc.

Còn một bài nhị thập bát tú khác mà có người cho là bài CA SĨ 2 hay 3:
mùa Xuân còn gì thừa em
sáu giây rét muốt chưa mềm trắng khơi
cô đơn đỉnh núi gần trời
ngiênêu vai xin khoác nộ cười áo xanh.

Tôi đồng ý với quan điểm của Trần Tuấn Kiệt để cho rằng bài này vốn mang tựa Nghĩ Về Tỳ Bà Hành. Thiển nghĩ những dòng thơ trên diễn tả về một nhạc khí cổ thì đúng hơn là nói về dung nhan ca sĩ. Nhưng cũng không biết chừng chính anh Hoàng Trúc Ly tự sửa lại tên bài thơ. Bởi nhiều tác giả cũng hay làm điều này sau khi thơ mình phổ biến một thời gian. Nhuận sắc, thay thế một số chữ, vài câu trong bài thơ là chuyện thường thấy, do đó ngay một bài thơ đôi khi chúng ta thấy có đến mấy dị bản.

Thơ Hoàng Trúc Ly có nhiều bài đầy chất sáng tạo, mới mẻ, mang sắc thái tuyệt mỹ, xuất thần với những thi ngữ hay mỹ từ pháp, thi ảnh tinh khôi, sống động. Thơ anh nhiều nhạc tính, âm vận uyển chuyển dễ rung cảm. Thơ anh còn chan chứa chất lãng mạn trữ tình và tiềm tàng ý niệm hoài nghi ray rức, ngậm ngùi, đôi khi ẩn lộ nét phóng đảng, an nhiên:

HÀNH TRÌNH

tôi nay đi giữa hoang đường
niềm đau thân thể tủi buồn hai vai
giật mình nước mắt tương lai
ngày qua và tiếng thở dài xuống thu
toa xe cửa khép khung trời
người đi môi đỏ run lời tiễn đưa
tóc dài xõa mộng ngày xưa
vết thương kỷ niệm bây giờ lại đau
khuya đi dù biết về đâu?

ngiêng vai còn mãi tiếng sầu vọng âm
đường xưa trải nhớ nhung thâm
ngôi sao yếu mệnh cãm cãm cuối trời
qua đây từng giọt buồn phiền
mắt em cổ thụ thâm xuyên gọi mời
bãi hoang còn dựng bể khơi
xuôi tay xin gởi miệng cười mộng du
tôi ơi tôi mãi tôi còn
trái tim bé nhỏ nổi buồn chung thân
nhớ gì vết cỏ bàn chân
lối đi thơ đại đêm gần tịch liêu

Nhà thơ Phạm Công Thiện đã từng phát biểu: “Thơ Hoàng Trúc Ly có ma lực kỳ quái của những câu phù chú. Đối với Hoàng Trúc Ly, ngôn ngữ hãy còn mới tinh. Mỗi chữ đều mang một linh hồn, mỗi chữ là một sinh vật. Tôi gọi Hoàng Trúc Ly là thi sĩ lớn, là nhà thơ bậc thầy của thi ca hiện đại”.

Lời nhận định trên quả đã diễn tả trọn vẹn về thiên tài thi ca của nhà thơ lỗi lạc họ Hoàng tức Đinh Đắc Nghĩa này.

“Trong Con Yêu Dấu” của anh được ấn hành năm 63 và ra mắt sách tại quán Xinh Xinh trên đường Phan Đình Phùng. Vì chỉ tổ chức trong vòng thân hữu nên chẳng có bao nhiêu người được tham dự. Theo Hải Phương, người bạn thơ thâm giao của HTL, thì buổi ra mắt sách này đã được tài trợ bởi một nữ thương gia cư ngụ tại Phan Thiết. Vị nữ nhân này vốn là bạn quen thân với thi sĩ Bích Khê.

Khi đề cập đến “Trong Con Yêu Dấu” học giả Tam Ích một trong những người sớm phát hiện tài năng của anh cũng đã viết: “Hoàng Trúc Ly đã và đang làm mọi người ngạc nhiên ít nhất là một lần nữa về thiên tài của mình”

Giờ đây, nhờ mẹ và em gái của anh chúng ta có thể xác định được ngày sinh và tử của anh một cách rõ ràng: Hoàng Trúc Ly sinh ngày 14 tháng 4 năm 1933 và qua đời 2 ngày trước lễ Giáng sinh năm 1983 như đã viết ở trên, chứ không phải như vài cây bút hải ngoại đã nhầm lẫn loan truyền bấy lâu nay là 1937-1985.

Tôi quen anh trong một dịp tình cờ. Số là vào đầu năm 1963, tôi vừa lãnh lương xong vừa được nghỉ phép nên từ trường SQTĐ/Thủ Đức về tôi bèn chạy ngay đến tòa soạn Phổ Thông rủ Trần Tuấn Kiệt và Nguyễn Thu Minh đi sang tuần báo Ngày Mới của nhà báo lão thành Cò Việt Tử (Nguyễn Duy Hinh) để kéo thêm anh AT đi Kim Sơn. Thu Minh vì là Thư ký Tòa Soạn hôm đó lại gặp ngày báo sắp ra nên chỉ có Kiệt theo tôi. Đến báo Ngày Mới thì thấy AT và Hoàng Trúc Ly đang ngồi vừa nhâm nhi cà phê vừa đọc báo. Đó là lần đầu tiên tôi quen biết Hoàng Trúc Ly qua sự giới thiệu của anh tôi và Trần Tuấn Kiệt. Tôi nhận thấy anh hơi gầy yếu, xanh xao, tánh tình hòa nhã, khiêm tốn, dễ thân thiện. Đôi mắt tuy trong sáng nhưng ản màu xa vắng.

Sau khi thôi làm việc một thời gian tại Ohio, năm 2005 nhân cơ hội các con tôi vừa cho xây cất xong ngôi nhà mới ở bên kia cầu chữ Y, tôi bay về để xem có thể dưỡng hưu ở Saigon hay không, đồng thời giúp thân nhân lo việc dời nghĩa trang giòng họ ra khỏi thị trấn L.H nơi quê nhà, theo lệnh của chính quyền địa phương. Gặp lại 2 anh Tường Linh và Trần Tuấn Kiệt tôi mới biết được Phạm Lê Phan của phòng Văn Nghệ QĐ năm nào đã mất nhiều năm tại một khu Kinh tế mới hẻo lánh vùng Định Quán. Còn Hoàng Trúc Ly mấy năm sau cũng nói gót “đi” theo kịch tác gia họ Phạm. Trước khi tôi trở lại Hoa kỳ, Trần Tuấn Kiệt và tôi mỗi người đã làm một bài thơ tưởng niệm Hoàng Trúc Ly. Đây là những dòng tôi viết cho anh - một người anh, một người bạn chí tình mà tôi luôn kính trọng, quý mến:

BÀI TƯỞNG NIỆM HOÀNG TRÚC LY

(gởi Trần Tuấn Kiệt)

bụi trần phủ áo phong sương
mà người nay đã hà phương thẳng tắp
rượu nồng tưởng niệm cố nhân
ngàn chung cay ngọt một lần từ ly
hỏi người, người đã bỏ đi
nằm trong đáy mộ có gì nhớ thương
tóc bông nẻo vắng cô đơn
một thân lưu lạc u hồn lạnh mê
người xa chưa lạc lối về
sao hiền huynh chẳng chờ nghe đôi lời
ngủ yên Hoàng Trúc Ly ơi
chuyển thân hóa kiếp đời đời cuồng say
rượu ngon còn một chai này
hãy chia nhau chút men cay thâm tình
cõi trần dầu có điều linh
cõi hư vô hẳn hồi sinh non Bồng.

*(PBTĐ * Sài Gòn 7/2005)*

Sau khi biết tin Hoàng Trúc Ly đã nằm xuống tôi cứ nghĩ đến 2 câu thơ mang mang niềm hoài niệm của cụ Vũ Đình Liên: “Những người muôn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ?” Rồi chạnh nhớ tới Anh Việt Thu, Phạm Lê Phan, nhớ những người đã âm thầm ra đi mang theo những kỷ niệm đáng trân quý, khó quên của một đời người. AVT thì vĩnh viễn yên giấc trong một khu vườn xoài tại làng An Hữu quận Giáo Đức cách cầu Mỹ Thuận không xa. Phạm Lê Phan thì chắc vẫn đang lạnh lẽo nằm dưới mộ trong một góc rừng vắng vẻ, thưa thớt bóng người. Hoàng Trúc Ly may mắn hơn vì được chôn cất gần thành phố nơi mà gót chân anh đã lưu dấu bao năm dài trong những ngày mưa ngày nắng.

Nếu chúng ta tin rằng con người sau khi mất đi phần linh hồn vẫn còn vấn vương nơi trần thế hoặc siêu thoát về một cõi vô minh miên viễn nào đó, thì bây giờ thân xác các anh hẳn đã tan hóa trở thành cát bụi trong lòng đất, vậy thì hồn các anh giờ này đang ở đâu? Họ có còn nhớ đến những ân tình, hệ lụy trong tiền căn để quanh quẩn, quán quít bên những người thân yêu? Hay là họ đã hoàn toàn trút bỏ, quên lãng quá khứ để hồn mình bênh bồng phiêu bạt theo cỏ nội mây ngàn, vui với tiếng chim hót, gió ru trong cõi an nhiên vô úy, vô ưu?

Nhiều người đã nói, đã phân tích, nhận định về thơ Hoàng Trú Ly, nên trong bài này tôi chỉ đề cập đến anh qua những giao tình cá nhân, những kỷ niệm một thời giữa tôi và anh. Anh là một thi sĩ lỗi lạc, đọc qua thơ anh ai cũng dễ cảm nhận những điểm nổi bật, sâu sắc và tự đánh giá những sự khác biệt giữa thi ca của anh với thi ca của những người hữu danh cùng thời trong giai đoạn 50-75.

Tôi nghĩ, tôi có thể mượn những lời nhận định sâu sắc về thơ HTL của nhà phê bình văn học Đặng Tiến để kết thúc bài viết này: "...Thơ Hoàng Trú Ly có cái bình thản âu yếm của kẻ đã đạt tới đạo, hiểu theo nghĩa Đông Phương: y hò thiên lý, nhân kỳ cố nhiên. Văn chương hiện đại là một thứ văn chương sáng suốt, nghĩa là một thứ gương phản chiếu. Thơ Hoàng Trú Ly trái lại chỉ là một khối thủy tinh, không trả lại hình ảnh nào, không đón đợi mà cũng không phải là không đón đợi, chỉ biết thích ứng với tất cả những gì đến với mình. Như thế tâm hồn Hoàng Trú Ly đã đạt đến hạnh phúc tối cao, đã liên hợp được cái ngã và cái vô ngã trong sự thông dong không bờ bến. ... Trong thi ca Hoàng Trú Ly giữ một địa vị đặc biệt. Địa vị của thi sĩ dường như vượt lên hẳn các trường phái thi ca; ngôn ngữ của ông tươi mát, mới mẻ, trong sáng, ở một giai đoạn mà Tây phương cũng đang biến thi ca thành tiếng hát.

... Trước cuộc đời, Hoàng Trú Ly chỉ đóng vai người khách hào hoa phong nhã. Thi sĩ đã trở lại đời sống thanh thoát của nhà hiền triết Đông Phương. Ngôn ngữ tân kỳ ảnh hưởng của Tây phương, nhờ đó, đã chấp cánh để bay vút lên cao."

Thiếu Khanh

Bên kia có nắng

Em nhìn thấy trên đầu núi bên kia có nắng
Tức là em đã thấy một điều gì
Mà điều đó dường như lòng em có sẵn
Ta vô tình để gió thổi bay đi
Cuộc sống có nhiều điều cần lý luận
Nhưng em tin chắc ở lòng mình
Khi mỗi chiếc lá cũng phải lòng hơi gió thoảng
Ta vô tình như đá cứ làm thỉnh
Em thấy nắng ở nơi nhiều bóng tối
Nơi mỗi bước chân đều thấy ngập ngừng

Mỗi hơi thở bình thường cũng dễ gây bối rối
Ta không vô tình để nắng ở sau lưng
Ở phía sau lưng có nhiều điều cần soi rọi
Tạ lòng em thấy nắng ở bên kia
Em không nói những điều em không nói
Chỉ dành cho nhau nơi đó để đi về
Một chút nắng mềm như hơi thở ấm
Để chiều thôi chiều nữa ở bên này
Chẳng lưu lạc cũng bên trời lặn đạn
Sống làm sao mà tuổi xé không hay!
Khi mái tóc đã phai màu kiêu bạc
Mỗi câu thơ tròn nhẫn hóa hiền lành
Một chút nắng quý vô cùng dù mộc mạc
Cho lòng mình còn giữ chút long lanh
Đã lâu lắm chưa về thăm làng Bình Thạnh
Nghe lại dấu chân xưa trong cát biển quê nhà
Thấy lại những ước mơ trên mỗi cánh buồm lấp lánh
Em chập chùng mây biển tím mù xa
Ở nơi đó nghe trong lời tịch lặng
Chắc có vì sao máy mắt giữa đêm khuya?
Em đã thấy ở bên này có nắng
Làm sao cho ấm ở bên kia?

Nguyễn Bắc Sơn

Nhị hồng

Lòng vui sướng như một chiều nắng tốt
Cầm tay em chậm chậm bước qua sông
Tà áo em buồn trắng đã căng phồng
Những tình ý một đời chưa nói hết
Trong thành phố này từ lâu anh vẫn biết
Ở đâu đây còn chảy một dòng sông
Ở đâu đây còn có mặt trời hồng
Có bến tịnh đậu con thuyền trôi nổi
Thời tuổi nhỏ đời anh buồn quá đổi
Nhà anh nghèo ngày không đủ cơm ăn
Mẹ hai tay lau nước mắt nhọc nhằn
Cay đắng quá đàn con đâu có biết
Khi lớn khôn nhiều đêm anh hối tiếc
Đã bao ngày mê mải với văn chương

Nhưng bắt tài không viết nỗi tình thương
Của người mẹ tóc dài đang nhuộm tuyết
Em cũng biết tình yêu anh bát ngát
Và ngây thơ như đồng mía lau say
Biết ngày xưa anh là ngọn gió tây
Thổi quanh quần con đường nhà em mỗi tối
Ta về với nhau vợ chồng không dám cưới
Khi em thành sương phụ áo màu đen
Anh bán đi chồng sách quý nuôi em
Cuộc tình hai ta sao cũng buồn quá đời
Khu vườn nhà ta sáng nay có nhiều lá mới
Những lá già rã mục tự hôm qua
Trong lòng anh cũng nở một bông hoa
Đóa hoa chỉ mỗi mình em ngó thấy

Mai sau dù có bao giờ

Đêm Phù Cát dù bên ngoài trời rất lạnh
Nhưng trong ngôi nhà tranh của thiếu úy Hồ Ban
Có tình bạn nồng nàn như ly rượu chôn nhiều năm dưới đất
Có câu chuyện tình thi vị man man
Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Vì đám đông quây bản nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi
Vì đàn bà người nào cũng như người nấy
Nên ta bảo mình thôi hãy quên em
Nhưng đàn bà đâu phải người nào cũng như người nấy
Nên suốt đời ta nhớ nhớ, quên quên
Dù mỗi ngày ta xé đi năm mươi tờ lịch
Nhưng thời gian đâu có chịu trôi nhanh
Dù đen bạc là nơi cố xứ
Nhưng đi biệt biệt cũng không đành.

Đàm Trung Pháp

Cửa Khổng

Nhìn Từ Phương Tây

Từ trên hai ngàn năm nay, người Trung Hoa và các dân tộc Á Châu khác chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa như Nhật Bản, Triều Tiên, và Việt Nam đã sống trong một trật tự xã hội lấy triết lý Khổng giáo làm nền tảng. Triết lý nhân bản này chú trọng đến mối giao hảo giữa con người và con người, và dạy dỗ con người cung cách

sống trong đạo lý, hòa hợp, và thái bình. Vì những công đức vĩ đại đó, người Trung Hoa đã tôn vinh Khổng Phu Tử là Vạn Thế Sư Biểu và Chí Thánh Tiên Sư, một danh dự tuyệt vời đã làm lu mờ cả những thánh nhân và minh quân đã ra đời trước ngài như Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, và Vũ Vương.

Tuy nhiên, chúng ta ít khi nghe đến thế giới phương Tây nghĩ gì về thánh nhân họ Khổng. Trong tập khảo luận xuất bản năm 1976 mang tên *Why Confucius Has Been Reverenced as the Model Teacher of All Ages*, tác giả Li-fu Chen cho biết một số nghiên cứu gia gồm các sắc dân Anh, Đức, Ý, Mỹ, Nga, Pháp đã viết về thân thế và sự nghiệp Khổng Tử kể từ năm 1688 trở đi, với các tác phẩm sau đây viết về ngài được coi là đáng kể hơn cả: *Confucius und Seine Lehre* (Von Der Gabelentz viết năm 1888 tại Đức Quốc), *The Great Teacher* (G. G. Alexander viết năm 1890 tại Anh Quốc), và *Confucianism and Taoism* (R. K. Douglas viết năm 1895 tại Anh Quốc). Tóm lại, phương Tây mới chỉ chánh thức biết đến vị Thầy Học Mười Ngàn Thế Hệ của phương Đông từ cuối thế kỷ XVII trở đi.

Giới trí thức phương Tây khi nghiên cứu về Khổng giáo thường dùng phương tiện phiên dịch Tứ Thư và Ngũ Kinh sang ngôn ngữ của họ, hoặc viết về cuộc đời Khổng Tử như một hiền triết bậc nhất của nhân loại, hoặc so sánh triết lý Khổng Tử với các nền triết lý nhân bản khác trên thế giới. Theo cặp vợ chồng sử gia Hoa Kỳ Will Durant và Ariel Durant trong cuốn sách *The Age of Voltaire* xuất bản năm 1965 của họ thì triết gia Francois Marie Arouet Voltaire (1694-1778) người Pháp đã vô cùng ngưỡng mộ hiền triết họ Khổng và đã có công truyền bá tư tưởng Khổng giáo vào giới trí thức nước Pháp thời đó. Triết gia kiêm bách khoa tự điển gia Voltaire ca ngợi Trung Hoa là quốc gia cổ nhất, đông dân nhất, và được cai trị hoàn hảo nhất trên trái đất này. Điều mà Voltaire ngưỡng mộ hơn cả về Khổng giáo chính là ý niệm đạo đức có thể khả thi mà không phải tùy thuộc vào một tôn giáo siêu nhiên. Vẫn theo lời hai sử gia Durant, Voltaire và một vài triết gia người Pháp khác nữa đã sẵn sàng “phong thánh” cho Khổng Tử, nhà hiền triết đã dạy cho dân chúng những nguyên lý đạo đức 500 năm trước khi Thiên Chúa giáo ra đời. Trong khi đó, triết gia kiêm toán học gia Gottfried Wilhelm von Leibniz (1646-1716) lấy lòng tên tuổi của nước Đức – người đã từng dùng toán và siêu hình học để chứng minh Thượng Đế chính là Đấng Vô Cùng đã tạo ra vũ trụ-- rất cảm phục lý thuyết về vũ trụ mà Kinh Dịch đã làm sáng tỏ. Leibniz cho rằng vũ trụ quan trong cuốn sách ấy hoàn toàn hòa hợp với thực thể của vũ trụ, trong đó tất cả mọi vật đều biến đổi không ngừng. Chính Leibniz cũng đã đề nghị xã hội phương Tây nên mở cửa ra để đón lấy những luồng gió triết lý Á Đông đầy nhân tính và bắt đầu một cuộc trao đổi văn hóa giữa Đông và Tây. Và trong lịch sử cận đại Hoa Kỳ, có lẽ có Ngoại Trưởng John Foster Dulles (1888-1959) là người Mỹ đầu tiên chánh thức tỏ lòng ái mộ Khổng Tử. Giữa thập niên 1950, Dulles đã tuyên bố rằng một trong những mục tiêu ngoại giao của nước Mỹ là phải bảo toàn nền văn hóa Trung Hoa mà tinh túy là

Khổng giáo, và ông cũng tổ cáo cái manh tâm của chế độ Mao Trạch Đông muốn diệt trừ Khổng giáo để thay vào đó bằng giáo điều Mác-Lê.

Trong lãnh vực giáo dục, mấy ai có thể ngờ rằng Cửa Khổng hàng ngàn năm về trước đã là nơi cho áp dụng những nguyên tắc giáo dục nhân bản tuyệt diệu mà nước Mỹ giờ đây đang hô hào thực hiện? Quả thực, học giới nước Mỹ ngày nay rất ngưỡng mộ triết lý giáo dục Khổng Tử, nhất là các nguyên tắc sau đây:

Giáo huấn không phân biệt giai cấp:

Khổng Tử có một niềm tin vững mạnh vào sự bình đẳng và bản chất có thể dạy dỗ được của tất cả mọi người. Trong sách Luận Ngữ, ngài nói “Trong giáo dục, không hề có phân biệt giai cấp” (“Hữu giáo, vô loại,” Thiên Vệ Linh Công, Tiết 38), và “Từ người chỉ có thể mang cho ta gói nem khô trở lên, ta chưa hề từ chối giáo huấn một ai” (“Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường hời yên,” Thiên Thuật Nhi, Tiết 7). Hành động đầy nhân nghĩa này của ngài như thể đã xác định căn nguyên cho nền giáo dục đại chúng của nhân loại. Ngài cũng chủ trương một học đường lúc nào cửa cũng mở để đón nhận học trò, và điều kiện duy nhất để được nhập học là phải có lòng hiếu học. Trong mọi đệ tử, ngài đều tìm thấy một tiềm năng học vấn, và ngài nhất quyết giúp mọi môn sinh trở thành con người toàn diện. Hiện nay, một trọng trách của giáo chức Mỹ là phải có “ước vọng cao” (“high expectations”) cho từng học trò và phải tin tưởng rằng “học trò nào cũng có thể học được” (“every student can learn”). Đó chính là điều Khổng Tử đã làm 25 thế kỷ về trước để mong xây dựng lại một nước Trung Hoa đang phân hóa và bạc nhược.

Học vấn đồng hành với phong cách xử thế:

Theo Khổng Tử, kiến thức đồng nghĩa với sự thông thái về cách xử thế, một đức tính cần thiết để mang lại một đời sống tốt đẹp cho cá nhân và xã hội. Do đó, mục đích chính của nền giáo dục Cửa Khổng là huấn luyện cho con người cách xử thế để có thể sống hòa hợp với đồng loại, bất kể ở gần hay xa, cao hơn hay thấp hơn mình trong giai tầng xã hội. Trách nhiệm của người thầy không phải chỉ để truyền bá kiến thức mà còn phải có một tiêu chuẩn lý tưởng về đạo đức để còn có thể trau giồi tư cách cho học trò mình. Trong sách Trung Dung, Khổng Tử viết “Trí, nhân, và dũng là ba đức tính có thể ràng buộc con người khắp nơi vào với nhau” (“Trí, nhân, dũng tam giả, thiên hạ chi đạt đức dã,” Chương 20, Tiết 8). Triết lý giáo dục nhân bản cao thượng này đang vang lên như một sứ điệp thiêng liêng cho các xã hội tân tiến đang bị các tệ đoan vật chất đe dọa và đang tìm cách dạy dỗ thanh thiếu niên trở về với bản chất thiện tâm qua nỗ lực “giáo huấn tư cách” (“character education”).

Cá nhân hóa phương thức giảng huấn:

Các xã hội tân tiến ngày nay đều đồng ý là muốn thăng tiến giáo dục, phương thức giảng huấn phải được “cá nhân hóa” (“individualized”) để giúp mọi học trò thành công. Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử xác định “Đối với những người có tư chất từ

bậc trung trở lên thì mới có thể nói đến những điều cao xa; đối với những người có tư chất từ bậc trung trở xuống thì không thể nói những điều cao xa” (“Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã,” Thiên Ưng Dã, Tiết 19). Nhà giáo Dương Quảng Hàm trong cuốn Việt Nam Văn Học Sử Yếu (1968) đã viết như sau về khoa sư phạm của Khổng Tử: “Trong các lời khuyên dạy, chuyên trò với học trò, Ngài tỏ ra là một ông thầy hiểu thấu tâm lý học trò và khéo làm cho lời dạy bảo của mình thích hợp với trình độ cảnh ngộ của mỗi người. Có khi cùng là một câu hỏi mà ngài trả lời khác, tùy theo tư chất và chí hướng của từng người” (trang 38). Phương cách giảng huấn nhân bản thực tiễn này có thể được coi là tiền thân của các chương trình học đặc biệt căn cứ vào từng khả năng cá biệt của từng học trò mà ngày nay học đường Hoa Kỳ mệnh danh là “independent study, self-paced instruction, gifted and talented program, laureate program,” vân vân.

Suy tư chín chắn:

Giáo giới các cấp nước Mỹ ngày nay đều ao ước các học sinh và sinh viên có được “khả năng suy tư chín chắn” (“critical thinking skills”) để thấu đáo, quán triệt việc học. Khổng Tử luôn luôn đòi hỏi các môn sinh của ngài làm việc đó. Ngài dạy điều gì cũng để cho học trò phải cố sức suy nghĩ tìm tòi lấy, khi nào xem chừng đã gần hiểu được thì ngài mới chỉ bảo cho. Lời ngài cho môn sinh, ghi trong sách Luận Ngữ, là “Ta không mở sự thực cho kẻ không hăng hái học, không giúp kẻ không sốt sắng tự giải. Khi ta trình bày một góc cạnh của một vật cho ai mà người đó không thể từ đó học ba góc cạnh kia, ta không nhắc lại bài học nữa” (“Bất phân, bất khái, bất phi, bất phát; cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản, tắc bất phục dã,” Thiên Thuật Nhi, Tiết 8). Cũng trong sách đó, ngài nói “Học mà không suy nghĩ thì như không có học; suy nghĩ mà không có học thì nguy” (“Học nhi bất tư tắc vông; tư nhi bất học tắc đãi,” Thiên Vi Chính, Tiết 15), và ngài đòi hỏi môn sinh phải có một thành tín trí thức, tức là “Điều gì biết được thì nói là mình biết, điều gì không biết được phải nhận là không biết; đó là biết vậy” (Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri; thị tri dã,” Thiên Vi Chính, Tiết 17).

Dưới mắt người phương Tây, Khổng Phu Tử là một hiền triết vĩ đại, một nhà giáo vượt thời gian và không gian. Không ai có thể phủ nhận được những tương đồng thần kỳ giữa những điều mà ngài áp dụng cho môn sinh 25 thế kỷ về trước và những mục tiêu giáo dục hiện đại tại Hoa Kỳ cũng như tại các xã hội tiền tiến khác. Sự thực hiển nhiên này lại càng làm tăng thêm uy danh cho tước hiệu cao quý Vạn Thế Sư Biểu mà người phương Đông đã dùng để tôn vinh và tri ân ngài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chen, Li-fu (1976). Why Confucius has been revered as the model teacher of all ages. New York: St. John's University Press.

Dương, Quảng Hàm (1968). Việt Nam văn học sử yếu. Saigon: Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục.

Durant, Will & Ariel (1965). The story of civilization vol. 9 - The age of Voltaire. New York: Simon & Schuster.

Nguyễn, Hiến Lê (1994). Luận ngữ. Westminster, CA: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ Trần Trọng Kim (không ghi năm). Nho giáo (Tập I và Tập II). Saigon: Nhà Xuất Bản Tân Việt. (Nhà Xuất Bản Đại Nam in lại tại Mỹ, cũng không ghi năm phát hành).

Waley, Arthur (1989). The analects of Confucius. New York: Vintage Books.

Hoàng Xuân Sơn

Nhỏ nhẹ hương trầm

(gởi bạn Trầm Hương)

một lần

khai với trầm hương

tôi thân ban nhược

đỏ buồn

hôm

mai

trăm thiên

ký sự bi hài

vẫn mùa u uẩn

giêng

hai

lập lò

thuở ban đầu

rất đôi thơ

một lần tôi thấy

bụi bờ lưu ly

ôm tôi

đóa mộng trường kỳ

biển trắng linh thảo

thay vì mộ hoa

mai sau có chết giữa tòa

một lần nhỏ nhẹ

xương da

lập cùng

Tráng sĩ đời nay

đêm mù. nở trắng con người

bởi đêm thức muộn

cùng người lưu linh

cạn đi. này chén biên đình

xưa. gương trắng sẫm
nay mình tay không
uống đi. đừng để nguội lòng
chén ru cảm khái
chén bông thân đau
chén ngát trời. đựng bể dâu
mai về quận huyện
hát câu tương phùng
để nghe. đêm. vẫn thức cùng
đóa gương hiệp sĩ
truy lòng giai nhân

Miên Du Đà Lạt

(Thương tiếc Nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang)

Nỗi buồn nào chợt khóc,
Giọt sầu nào ta say
Anh đi về chốn ấy
Ngạo nghễ trên đôi tay
Tiếng đàn vang như thác
Tiếng hát rực lửa hùng
Hy vọng nào khao khát
Qui về một mối chung
Cần nhau xây tổ quốc
Là Người Gắn Lên Tôi
Quên nỗi buồn nhọc tiêu
Cười Dưới Ánh Mặt Trời
Anh đang cười ngạo nghễ
Trên đất Mẹ yêu thương
Và đã vui xin chọn
Nơi này làm Quê Hương!

TRẦN BANG THẠCH

Người suốt đời

lắc chuông giữa chợ

Gần cuối tháng 12 dương lịch năm nay có một thiệp chúc Xuân đến với tôi thật sớm, trước Tết Nguyên Đán cả tháng. Đó là một điều lạ. Tôi chưa hề nhận một thiệp xuân nào sớm như vậy, từ trước đến nay. Điều lạ thứ hai là cùng một bao thư với thiệp chúc xuân này, tôi có cả một thiệp chúc mừng Giáng Sinh đến trễ cả tuần. Hai điều lạ này được giải thích trong một mảnh giấy nhỏ viết tay kèm theo. Qua mảnh giấy nhỏ này, thắc mắc của tôi được giải tỏa: anh con thấy trong các giấy tờ để lại của người cha mới

chết một thiệp Giáng Sinh và một thiệp chúc mừng Năm Mới Ất Dậu. Mỗi tấm thiệp được để trong một bao thư có đề sẵn địa chỉ của tôi. Anh con bỏ cả hai tấm thiệp vào một bao thư rồi gửi cho tôi. Coi như thay người chết gửi lời chúc tới ông bạn còn sống. Lá thư bất ngờ cũng báo cho tôi biết một cái chết bất ngờ. Cùng một lúc với những lời chúc tốt đẹp là một nỗi buồn thật lớn đến với tôi. Tôi biết từ nay tôi vĩnh viễn mất một ông bạn hàng xóm tốt bụng của tôi từ hơn hai mươi lăm năm qua. Tội nghiệp ông già, biết mình tuổi đã cao, sống nay chết mai, nên ông đã chuẩn bị sẵn những gì cần phải làm. 24 lần Giáng Sinh và 24 lần Tết Nguyên Đán đã qua chưa lần nào gia đình tôi thiếu các tấm thiệp chúc mừng của ông. Năm nay, năm thứ 25, ở giờ phút thứ 25, giờ phút cuối của cuộc đời, ông vẫn không quên chúng tôi.

Thật sự thì chúng tôi là bạn hàng xóm chỉ trong hai năm đầu khi chúng tôi đến Mỹ. Mới chân ướt chân ráo nhập vào một dòng sông hoàn toàn mới lạ, không có một người thân quen, chúng tôi thấy tạm yên lòng cư ngụ trong một căn nhà nhỏ tại một khu khá tạp nham, toàn là dân da đen và dân Nam Mỹ có lợi tức thấp; hiếm thấy một người da trắng lạc lõng đi ngang qua xóm. Sau hai năm gia đình chúng tôi làm ăn có khấm khá hơn và các con cũng cần có những trường tốt hơn nên chúng tôi dời đến một nơi khác, cách chỗ cũ hơn một giờ lái xe. Hai năm ở cạnh nhau đã đủ cho một tình hàng xóm nảy nở. Những năm còn lại chúng tôi vẫn hay gặp gỡ, nhứt là vào những dịp lễ lạc hay ăn mừng năm mới, mừng sinh nhật... hoặc thăm hỏi tin tức nhau qua thư từ và điện thoại.

Thuở đó là vào khoảng cuối năm 80, chúng tôi đến Mỹ trong cái lạnh cóng da của một nhiệt độ đông đá. Căn nhà chúng tôi mượn thuộc căn nhà đã quá cũ, cả trăm năm tuổi, vách ván, sàn gỗ kê trên những cục gạch xi măng khiến gió lạnh chui vào nhà một cách dễ dàng từ bốn bên và từ dưới sàn nhà. Ba đứa con tôi tuổi từ một rưỡi đến 12 tuổi, chúng mặc vào nhiều lớp áo quần mà răng vẫn đánh lộp cộp. Đó là những giờ đầu tiên khi chúng tôi mới dọn vào nhà. Tôi thấy một cái máy sưởi đặt âm trong vách nơi phòng khách, tôi vặn hết nút này đến nút nọ mà vẫn không thấy hơi nóng phát ra. Túng cùng, vợ tôi đưa ý kiến là nên nhờ người ở nhà kế bên sang chỉ dẫn. Tôi rất ngại ngần khi phải gõ cửa nhà người hàng xóm không quen vì lúc đó đã hơn mười giờ đêm. Chỉ cần không đầy một phút, ông hàng xóm đã làm chiếc máy sưởi tỏa hơi nóng. Rồi vợ con ông mang cả đồng quần áo ấm cho chúng tôi, có cả mấy bao potato chips họ nói là ăn cho ấm bụng. Cả nhà chúng tôi cảm ơn. Ông hàng xóm nắm chặt tay tôi, ông nói rõ và chậm từng lời, sợ rằng tôi chưa quen tiếng Mỹ. Tôi vẫn còn nhớ như in hình dáng cao gầy, gương mặt đen mun làm rõ hàm răng trắng và đôi tròng mắt trắng nhìn thẳng vào mắt tôi. Ông nói là ông luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi, đừng ngại ngần gì hết. Ông cho tôi số điện thoại, bảo cứ gọi ông hay vợ con ông bất cứ khi nào chúng tôi cần. Ông nói ông tên là Otis Clark, nhưng ông thích được gọi là The Bell Ringer, hãy gọi ông là Ringer cho gọn. Thuở đó cả nhà chúng tôi gọi ông là Ringer, coi như là một cái tên riêng; sau này mới biết ý nghĩa của nó và biết vì sao ông Otis thích được gọi như

vậy. Sau cái đêm đầu tiên đó thì chúng tôi cần họ nhiều trăm lần nữa trong suốt hai năm ở gần nhau và cả khi ở xa nhau. Ông bà là cố vấn của gia đình chúng tôi về đủ mọi chuyện. Từ chuyện ông Ringer dạy tôi cách sử dụng máy cắt cỏ, máy xén cỏ đến việc thay nhót cái xe. Bà Ringer thì từ việc đưa vợ tôi và các con đi ghi danh ở trường, đến việc dạy vợ tôi tiết kiệm bằng cách mua hàng sale và cách dùng coupons khi đi chợ. Khi chuyện trò với chúng tôi, họ nói chậm rãi, rõ ràng từng tiếng. Đặc biệt là họ hay gợi chuyện để chúng tôi nói. Tiếng Mỹ chúng tôi khá hơn nhờ gia đình này. Cách sinh hoạt chúng tôi được xuôi chèo mát mái hơn trong cái xã hội lạ lẫm này phần lớn là nhờ họ. Cũng qua gia đình này chúng tôi có cái cảm tưởng đầu tiên là người Mỹ tử tế. Về sau chúng tôi biết ông bà Otis không những chỉ tử tế với riêng gia đình chúng tôi hay vài gia đình trong khu xóm, mà ông bà này tử tế với tất cả mọi người. Điều này thì tôi xin được nói sau. Cái âm áp của đêm đầu tiên đó đã bắt đầu cho một nghĩa tình lân lý kéo dài suốt hai mươi lăm năm nay. Suốt thời gian đó chúng tôi thương mến và hiểu nhau hơn. Bà Otis mất 12 năm trước, sau đó cậu con trai duy nhứt đi làm xa, ông già Otis đã nghỉ hưu từ hơn hai mươi năm trước. Ông sống một mình trong căn nhà cũ, nhưng ông không cô đơn vì chừng như công việc chiếm hết thì giờ của ông. Muốn đến thăm ông, chúng tôi phải thông báo vài ngày trước. Hoặc đôi khi tự dưng ông ghé nhà tôi ngủ một đêm để kể cho chúng tôi nghe chuyện đời. Các con tôi rất thích nghe Uncle Ringer kể chuyện. Càng hiểu tâm tình của ông và càng biết nhiều những sinh hoạt của ông, chúng tôi càng quý trọng ông. Bây giờ thì ông đã đi rồi. Tám thiệp Xuân Ất Dậu tôi chưa kịp gửi cho ông. Những dòng tưởng nhớ này như lời cuối cùng chúng tôi tiễn đưa ông, người hàng xóm tốt bụng.

Nhớ tới ông Otis là tôi nhớ tới điều mà ông đã nói với tôi khi hai người ngồi uống bia ở sau nhà ông hơn hai mươi năm trước. Ông chỉ nói có một lần mà tôi mãi nhớ hoài. Ông Otis nói ông nợ cuộc đời quá nhiều, sợ rằng cả đời của ông, ông cũng không trả nổi. Ông mất ở tuổi tám mươi lăm. Một đời người như thế cũng gọi là dài. Nhưng cái nợ với cuộc đời mà ông tự nguyện gánh trên vai đã hết chưa hay ông vẫn còn khệnh khạng vác xuống tuyến đài? Nghĩ tới điều này khiến tôi càng thương ông, vì tôi biết một khi thế giới này còn hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, bệnh tật và xã hội này còn những kẻ nghèo đói, tật nguyền, không nhà, không miếng ăn, không cái mặc... thì The Bell Ringer thổi đồng đen của tôi vẫn ngày ngày muốn làm người lắc chuông nơi cửa chợ. Tôi biết ông muốn mãi mãi là người lắc chuông, dù cho trăm năm, dù cho ngàn năm nữa. Người đàn ông da đen cao, gầy, xương xẩu, ít học mà có trái tim to như trái núi, một tấm lòng dào dạt mệnh mông như nước đại dương. Gần cả đời lắc chuông giữa chợ kêu gọi tình thương, chắc chỉ có một ông Otis Clark này. Ông nói từ khi nhận diện được những đau khổ của cuộc đời đến với riêng ông, ông muốn được góp phần nhỏ mọn của mình làm vui đi ít nhiều những đau khổ cho càng nhiều người càng tốt. Ông Otis kể với mọi người về cuộc đời của ông. Cậu bé Otis lúc mới 5 tuổi đã là một bé mồ côi cả cha lẫn

mẹ. Người ta nói cha mẹ cậu một hôm từ thị trấn Cheyenne của tiểu bang Wyoming mang đứa con trai Otis 5 tuổi xuôi nam lập nghiệp, mong thoát khỏi kiếp tôi đòi. Lúc tới gần dãy Rocky Mountains thì ông bà Clark mất tích trong một trận bão tuyết. May mắn được cứu, cậu bé Otis sống lang thang không nhà với người cha nuôi nghiện rượu và với một con chó đói. Cha con ngày ngày kiếm miếng ăn nơi khu Lincoln Park của tiểu bang Colorado. Khi cha nuôi chết, cậu Otis 10 tuổi đã biết phải tìm cái sống bằng chính sức lực và ý chí của mình. Tiếp tục ước muốn của cha mẹ, Otis xuôi nam, sống vất vưởng trên các đường phố với đủ ngành nghề, từ bán báo đến quét dọn nhà hàng, lau chùi cầu tiêu công cộng... Lớn hơn một chút, Otis về vùng đồng cỏ Texas làm các công việc nơi trang trại, chăn bò, vắt sữa, lái máy cày. Cuộc đời Otis thật sự thay đổi ở tuổi 18 khi một ân nhân đem Otis về thành phố lớn, dạy cho ít chữ nghĩa và dạy nghề thợ tiện. Từ đó Otis đứng vững vàng trên hai chân mình. Cũng từ đó chàng thanh niên Otis bắt đầu nghĩ tới một sự trả ơn cho người đã cứu mình ra khỏi vùng u tối. Otis cũng không thể quên những cảnh khổ chung quanh, cảnh khổ mà suốt quãng đời niên thiếu mình đã chịu. Những ngày cuối tuần người ta thấy chàng thanh niên Otis la cà nơi các công viên, hay các góc đường dưới cầu xa lộ mang những bịch đồ ăn thức uống cho những người không nhà. Nhiều người trong số này đã được Otis giới thiệu việc làm, tạo dựng lại cuộc đời và tiếp tục trả ơn đời như anh Otis. Một thanh niên da trắng thất tình thất chí, bỏ học, bỏ nhà cửa đi làm homeless, Otis tới lui, khuyên nhủ, rồi đem về nhà nuôi ăn học. Ngày anh thanh niên nhận bằng kỹ sư điện, anh đã ôm Otis giữa hội trường mà khóc như một đứa con nít. Nhiều lần Otis đến các nhà tạm trú cùng với các người thiện nguyện phục vụ những bữa ăn cho người vô gia cư. Sau khi tham dự thế chiến thứ Hai, người lính giải ngũ Otis biết được các hoạt động cứu trợ rất hữu hiệu của hơn 3000 đơn vị phục vụ thuộc tổ chức thiện nguyện The Salvation Army. Otis bắt đầu tham gia hoạt động cho The Salvation Army kể từ đó. Cũng kể từ đó Otis chỉ thích được gọi là Người Lắc Chuông – The Bell Ringer. Từ mùa đông năm 1945 The Bell Ringer tên Otis bắt đầu mặc bộ đồng phục của The Salvation Army, cầm cái chuông đồng đứng tại các cửa chợ vào những ngày lễ để kêu gọi lòng hảo tâm của con người đối với con người.

Những ngày đầu ở Mỹ, không ai trong gia đình tôi biết The Salvation Army là gì. Chúng tôi chỉ biết tổ chức thiện nguyện Đạo Binh Cứu Khổ này qua người hàng xóm mà chúng tôi gọi là Ringer. Vào những ngày cuối tuần hay những ngày lễ như Thanksgiving hay Christmas chúng tôi thấy Ringer cùng các bạn của ông mặc vào tấm áo choàng màu đỏ, choàng phủ phía trước ngực và phía lưng, trên có in dấu hiệu của The Salvation Army và có dòng chữ: I Am A Bell Ringer. Người bell ringer tay cầm cái chuông đồng nhỏ đứng lắc chuông bên cạnh cửa ra vào tại các khu chợ. Người hảo tâm bỏ tiền vào cái thùng đỏ có nắp khóa kín, treo trên cái giá 3 chân. Hai năm ở bên cạnh ông tôi biết thêm rất nhiều điều về The Salvation Army, một tổ chức quốc tế được hình

thành từ năm 1865 tại Luân Đôn để giúp đỡ về mặt tinh thần và vật chất cho cho những người kém may mắn trên toàn thế giới, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo. Bằng vào cố gắng tích cực của cô bé 16 tuổi tên Eliza Shirley, một di dân gốc Anh, Tổ chức được du nhập vào Mỹ từ năm 1880 với chi nhánh đầu tiên ở New York City. Các con tôi thì có bên cạnh một nhân vật sống để nghe, để biết và để học những bài học quý giá về tình người. thằng con lớn của tôi đã gia nhập The Salvation Army ngay sau khi tốt nghiệp đại học hồi năm 1992. Ông Ringer trông thật hào hứng mỗi lần nói chuyện với chúng tôi về công việc lắc chuông của ông. Công việc nào thì cũng có niềm vui, nỗi buồn. Nhưng với ông Ringer thì suốt mấy mươi năm lắc chuông, ông chỉ có niềm vui, ông quả quyết nói với chúng tôi như vậy. Ông không có nỗi buồn. Ông lắc chuông xin tiền, có người cau có với ông, ông cười tươi đáp lễ. Có người ngược mặt làm ngơ, ông thương cho họ và cầu nguyện cho họ. Thỉnh thoảng có người mua cho ông bữa ăn trưa hay một chai nước uống, ông vui vẻ cảm ơn. Trên chục năm trước, có em nhỏ tự nhiên rời tay mẹ, chạy tới kéo ông ngồi xuống, hun một cái chụt vào má ông, rồi bé kê tai nói với ông rằng bé thương ông quá, khi lớn bé sẽ làm như ông. Chuyện đã xảy ra thật. Cô bé 5 tuổi lúc ấy đã không đợi khi lớn mới thực hiện được lời hứa với người Bell Ringer nơi cửa chợ. Lúc 7 tuổi, cô bé biết bày ra một cái bàn đặt bên lối ra vào công viên gần nhà để bán nước giải khát vào mỗi cuối tuần. Cô bé đã kiếm được vài chục đồng mỗi tháng. Người ta mua nước lemonade của em như là một cách giúp em thực hiện ước muốn của mình. Mỗi năm, đúng vào buổi chiều trước ngày Lễ Giáng Sinh, Christmas Eve, như một hẹn ước bất thành lời, cô bé đến gặp người Bell Ringer của cô, thân mật nói những lời chúc lành với ông rồi nhét vội món tiền gộp nhặt cả năm vào cái thùng 3 chân màu đỏ. Năm nào cô cũng làm như vậy, hơn chục năm rồi. Cô bé gọi ông là Ringer. Ông gọi cô là Little Santa. Như vậy là đã đủ cho một sự quen biết nhau. Có lẽ cả hai không thấy cần phải biết tên thật của nhau. Họ biết họ đang làm gì. Có một lần vào đầu năm 82, ông Ringer hăm hở nói với tôi về một đồng tiền vàng, một loại gold coin, trị giá hơn 200 đô la, lần đầu tiên được một người bí mật nào đó bỏ vào thùng tiền tại Chicago. Rồi sau đó cứ mỗi lần một nơi nào đó nhận những đồng gold coins thì ông Ringer đều cho tôi hay để cùng vui với ông. Nhiều khi ông chỉ ghé nhà tôi một vài phút đồng hồ chỉ để thông báo những tin vui như vậy. Chẳng hạn như hồi năm 85, một người nào đã bỏ vào thùng ở thành phố Kirsville, bang Missouri, một đồng gold coin sản xuất 20 năm trước cuộc Nội Chiến, có giá trị cả ngàn đô la; đủ cho một nhóm hơn trăm người nghèo có một bữa ăn Giáng Sinh thịnh soạn. Hàng năm, như là một trò chơi nhân hậu tốt đẹp từ một hay nhiều nhà hảo tâm bí mật, những đồng gold coins cứ rơi vào nơi này, nơi nọ; đến nay tổ chức The Salvation Army nhận được hơn 300 đồng gold coins. Năm năm trước, ông Ringer của tôi muốn có một đồng gold coin rót vào cái thùng của ông coi như quà sinh nhật thứ 80 của ông. Mùa Giáng Sinh năm đó rồi cũng qua, lễ mừng sinh nhật của ông cũng đã qua mà đồng gold coin cũng chưa chịu đến với ông.

Ông than với tôi là các đồng gold coins vẫn chưa chịu xuôi Nam. Tôi an ủi ông rằng ông đã nhận và đã cho biết bao nhiêu là những đồng gold coins từ cả sáu mươi năm nay rồi. Một tuần trước lễ Giáng Sinh năm nay, từ một nơi cách xa tỉnh nhà hàng ngàn dặm, xem báo tôi thấy loan tin nhân viên Salvation Army tìm thấy một đồng vàng tên là South African Krugerrand bọc trong một đồng bạc giấy, có lẽ người bí mật muốn tránh tiếng kêu khi bỏ vào thùng ở trước cửa một tiệm Walgreens trên đường West University của Houston. Đây là lần đầu tiên một đồng gold coin trị giá 400 đô la đã xuôi Nam, đã đến Houston. Tự nhiên tôi thấy vui và nghĩ ngay tới ông bạn già Ringer của tôi. Tôi bỏ lững cột báo tại đây, không muốn đọc tiếp tên người bell ringer để được hồi hộp mà nghĩ rằng chính cái thùng tiền của người Ringer thân mến của tôi đã nhận được đồng tiền quý hiếm ấy. Có thể lắm chứ. Ở cái tuổi 85, người Bell Ringer của tôi không còn bao nhiêu ngày tháng nữa. Chẳng lẽ niềm mơ ước của ông không thành sự thật sao? Bây giờ nhận được tin ông mất, tôi thấy dù cho đồng tiền ấy có rơi vào thùng của ông hay không thì ông cũng là người đón nhận và phân phát nó, cũng như ông đã đón nhận hàng vạn tấm lòng vàng và phân phát hàng ngàn đồng tiền vàng trong suốt hơn sáu mươi năm làm người lắc chuông giữa chợ.

Cả cuộc đời ông, ông cũng đã cho thiên hạ rồi!

Ông Otis Clark, người Bell Ringer của tỉnh thương, chúc ông ngàn đời yên ngủ trong niềm mến yêu của những người khốn khó. Ông ngủ nhưng tiếng chuông đồng của ông vẫn còn rung trên tay của cả ngàn người khác tiếp nối ông. Khi những trái tim còn biết thổn thức thì tiếng chuông đồng còn ngân vang. Bằng cách này hay bằng cách khác, tình thương luôn có mặt trên thế gian này. Cô bé 7 tuổi đã biết đem những đồng tiền nhân nghĩa đến gửi gắm ông. Cô bé ấy bây giờ là một thiếu nữ và vẫn là người Santa Nhỏ Bé của ông, vẫn hàng năm làm nhiệm vụ của một Ông-Già-Nô-En-Có-Thật. Ngủ đi ông, The Bell Ringer, người hàng xóm tuyệt vời của tôi.

Ngô Nguyên Nghiễm

HẠC HỒNG-PHÁP LUÂN VÀ HỎA KHÍ

(Tặng Lê Triều Điển và tác phẩm Hạc Vè)

Đào cánh trắng nghiêng ọc huyết hoa

Rền vang thiên cổ pháp luân chuyển

Gói bát tim vàng gieo giếng sâu

Bùng vỡ trời xanh tia chớp hiện

Quầy quã trong bầu hỏa khí chẳng?

Mên mang rừng cháy nát đêm tận

Nửa sắc thượng thanh, nửa sắc thiên

Nương gió dải vàng về phong ấn

Hạc ngủ đầy sân lót cỏ thi

Chùng như thổi khí vào chân mộng

Cho ngập vàng bay quẻ Phục Hy
Thiên nhiên trống vắng vạn hình bóng
Suốt đời phiêu lãng, gót hài tua
Lòng quên hoá bướm mời Trang Tử
Khúc biệt hoàng hoa nhẹ sắc không
Vỗ bôn, chiêu đãi người lạ xứ
Bút thiêng điểm mắt hạc hồng bay
Bồng nhiên điên đảo trời thu trước
Ngược gót càn khôn cát bụi về
Tầm tả chuông đồng rụng gió lướt
Mở màn cho trời đất khai hoang
Hạ huyền trăng cổ nghiêng câu móc
Đầy trận kinh thiên xuống hình hài
Lăn lóc ém đầy chân đáy vực
Bồng dung nghiêng cánh đập lưng rùa
Hoa huyết trời xanh gieo quẻ quái
Rách dạ thiên nhiên, rách hà đồ
Thỏng tay vào chợ rách lưng dầy
Nguyệt khuyết nghiêng quanh đám lửa rừng
Mấy cân trí não soi chưa đủ
Hạc hồng bay vụt khỏi đường trăng
Thiên cổ vang rền hồn phong vũ...
Đảo cánh nghiêng trăng ọc huyết hoa
Rền vang thiên cổ pháp luân chuyển...

Khai Nguyên

Mời bóng cạn ly

Lần nữa ngày qua, lại một ngày
Thơ càng đặc ý rượu càng say
Rẽ mây đón gió trăng dịu bước
Nâng chén mời hoa hương đắm say
Nét nhạc mơ hồ chưa trọn khúc
Cung đàn tha thiết vẫn còn đây
Nửa khuya lặng lẽ ta mời bóng
Vừa cạn ly xong lại rót đầy

Bóng Đại Bàng

Nghêu ngao hát với cây đàn
Bồng đầu nước mắt lại tràn bờ mi
Ngồi đây nghe chuyện thị phi

Tự dung mở miệng cười khi rõ điên
Trời đầy chịu cảnh Trích tiên
Đại bàng gãy cánh hết phen vẫy vùng
Ngước lên mây trắng chập chùng
Nhớ thời ngang dọc mà lòng xót xa.
Tuy rằng ta vẫn là ta
Dù cho bão táp mưa sa mặc đời
Biển kia bão nổi sóng dồi
Vẫn mơ tung cánh giữa trời bao la.

Nguyễn Khoa Lộc

Hạt cát biển đông

Tóc ai từng sợi giăng tơ
Gởi hồn theo gió bên bờ đại dương
Mắt ai nhỏ sợi sâu vương
Thần thờ- chìm đắm - cát vàng biển khơi.
Tìm ai nức nở vào đời
Tình ơi! Lạy Mẹ - tình đời gởi non
Nợ tình, nợ nước, nợ non
Nhớ non, thương nước - thân ta mỗi mòn.
Thuyền ai sóng vỗ xa bờ
Nổi trôi sa mạc - biển khơi mây ngàn
Đắm chìm trong mộng chiều tàn
Tóc mây ai thả - sợi nào hương đưa.
Giật mình nghe vọng nhạc xưa
Từ trong nắng sớm - lời ca cát vàng
Biển yên mờ sáng sương tan
Tóc mây ta gói, tình dài ai trao.
Nợ tình biết trả làm sao
Tình ơi tình ơi, kiếp sau có chờ?!

Nguyễn Lương Vỹ

Ảo hóa

Chỉ là ảo hóa
Bên này bên kia
Bên nào cũng vậy
Hai chữ chia lìa
Chúng ta: hạt bụi
Dấu chấm sinh linh
Dấu hỏi vô minh

Dấu huyền vô tận
Dấu than ưu hận
Dấu sắc than thâm
Dấu nặng nảy mầm
Nứt ra tuyệt đối
Em ơi chiếc gôi
Niềm nổi mây trôi
Trắng buốt không lời
Là câu nghĩa tận
Bên này lặn đặng
Bên kia nhẹ thênh
Đời xanh quá vắng
Em xanh quá cùng
Tủi rúng máu rung
Sông rùng mình chảy
Nhớ con bướm gáy
Trên mộ tà dương.

Nguyễn Minh Triết

THI NHÂN VÀ THƠ

“Yêu nàng bao nhiêu người làm thơ”. Có thể rất nhiều người đã làm quen với thi ca vì đã “yêu nàng”. Vì tình yêu người ta yêu đời hơn như Xuân Diệu khi yêu thì thấy “năng trong lắm, lá êm, hoa đẹp quá / nhan sắc ơi, cây cỏ chứa đầy sao”. Nhà thơ Nguyên Sa khi yêu thì “áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc, áo nàng xanh tôi mến lá sân trường”, hoặc khi có người yêu tìm đến thăm một chiều mưa thì “anh lạy trời mưa phong tỏa đường về và đêm ơi xin cứ dài vô tận”.

Nhưng không phải ai cũng có điểm phúc cho tình đi rồi nhận được tình về, nên thường thường khách đa tình phải chịu thiệt thòi vì “yêu là chết trong lòng một ít”, và vì “mấy khi yêu mà chắc được yêu, cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu, người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết...”(Xuân Diệu). Cho nên ngoài chuyện ca ngợi người yêu, tình yêu, đa số thi ca, đặc biệt là thi ca tiền chiến thường là để khóc than cho những mối tình câ, những mối tình vu vơ như mới “nghe hơi gió ôm ngang lòng gió/ tưởng chừng như trong đó có hương/ của người mình nhớ mình thương/ nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì!”. (Hàn Mặc Tử), hoặc những mối tình tan vỡ, tuyệt vọng: “tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau/ em ác quá, lòng anh như tự xé” (Xuân Diệu), “Nàng hỏi nàng, muôn năm sâu thăm/ nhớ thương còn một nắm xương khô/ thân tàn ma dại đi rồi/ rầu rầu nước mắt, bồi bồi ruột gan” (Hàn Mặc Tử).

Có người nói thi nhân là người liên miên yêu và liên miên thất tình không hiểu có đúng không, nhưng nếu ta chịu khó đi vào vườn thơ ta sẽ thấy có rất nhiều thơ thất

tình. Và nỗi đau khổ vì thất tình, vì tình đem cho không biểu không thường đè rất nặng trong tâm hồn con người nên ca dao Việt Nam cũng đã từng ghi nhận là “chiều nay có kẻ thất tình/ tựa mai mai ngã, tựa đình đình xiêu”. Không phải chỉ gần đây ta mới thấy tình yêu tràn đầy thơ văn mà từ xa xưa các cụ đã đem tình vào thơ. “Cầm kỳ thi tửu khách, phong vân tuyết nguyệt thiên” đã từng là đề tài cho bao nhiêu là bài thơ của các thi sĩ kiêm Nho gia ngày trước. Ta hãy nghe cụ Nguyễn Công Trứ nói về chữ tình: “Chữ tình là cái chi chi, dầu chi chi cũng chi chi với tình”. Vì các cụ thích “chi chi với tình” nên các cụ đã gây nên bao nhiêu là phong ba bão táp trong tình trường và quan trường. Một Nguyễn Công Trứ vì thích “thảnh thơi thơ túi rượu bầu” và “thú tiêu sầu rượu rót đề thơ, có yển yển hương hường mới thú” nên cuộc đời cụ đã lắm lần thăng trầm lên quan xuống lính. Một Cao Bá Quát quá đa tình nên cuộc đời lận đận không thôi, cứ chịu mãi cảnh “một thầy, một cô, một chó cái...”. Một Chu Mạnh Trinh khi nói về nàng Kiều thì “ta cũng nòi tình thương người đồng điệu”... Một Tản Đà lãng mạn đến ngông cuồng tương tự cả người không quen biết hoặc viết thơ cho trời xin cưới Hằng Nga...

Thi ca nói lên tình yêu và những hệ lụy của tình yêu thì nhiều vô số, chúng ta có thể kể hoài không hết. Điều này cho thấy thơ đã và sẽ là phương tiện được các người làm thơ dùng để giải tỏa nỗi lòng về tình yêu. Tình yêu ai lại không có nhứt là lúc tuổi đang xuân nên thơ Việt Nam rất là phong phú trong lãnh vực tình yêu và có thể nói mỗi người Việt Nam đều là một nhà thơ. Khởi thủy thơ được dùng để nói lên cảm xúc của lòng mình rồi từ đó thơ vươn mình lên vượt ra khỏi lằn ranh của tình yêu trai gái riêng tư để hội nhập vào cuộc sống. Vì cuộc sống muôn mặt nên thơ ghi nhận mọi khía cạnh tình cảm của đời người, những lúc buồn thương, sầu khổ, những khi sướng vui, hạnh phúc, những lần giận dữ, sân si đều được phản ánh trong thơ. Thơ có thể là cánh bướm nhẹ nhàng vờn bay khi chiều tà, một hạt sương long lanh buổi sáng tinh mơ, một giọt mưa rơi bên thềm nhà, một nụ non vừa chớm nở hay một đóa hoa hương sắc ngào ngạt mùi hương. Thơ có thể là tiếng cười và cũng có thể là tiếng khóc. Thơ có thể mang đến hương vị ngọt ngào nhưng cũng có thể cho ta những vị đắng cay. Thơ có thể là lời ca tụng những giá trị hay đẹp mà cũng có thể là lời lên án những điều xấu xa. Thơ có thể là những bùng nổ của tâm tư, của hoài vọng tích tụ lâu ngày hay lòng khát khao đạt thành một lý tưởng cao siêu. Thơ cũng là những lời thuyết phục bằng ý tưởng để dìu người đọc vào một hướng đi hoặc hòa nhịp suy tư vào chung một niềm khát vọng. Thơ ghi nhận những hiện thực cuộc đời và thơ cũng phác họa những điều mộng tưởng. Thơ cũng có thể dùng để truyền đạt những ý tình của cá nhân hay những trạng huống trong xã hội. Tóm lại, thơ là tấm gương phản chiếu được tất cả hiện thực của cuộc sống con người.

Nếu người làm thơ ghi lại trung thực được những rung cảm của lòng mình về những hình tượng muôn màu của vạn vật và thiên nhiên thì dễ làm người khác rung động theo vì rung cảm như làn sóng âm thanh, những làn sóng cùng tần số dễ dàng tìm

gặp nhau, dễ dàng giao thoa, cộng hưởng. Cho nên người làm thơ không phải chỉ viết cho mình mà còn viết và rung động dùm cho người khác. Người làm thơ phải “trăm ngàn năm nẩy mãi sợi tơ lòng, ca những khúc sầu vui tình thiên hạ” (Lựa tiếng đàn - Thế Lữ). Người làm thơ phải biết soi chiếu, phải phản ánh những rung động, những ước mơ của tập thể, của cộng đồng trong đó nhà thơ đang sống. Người làm thơ phải biết ghi lại những suy nghĩ, nếp sống, hoặc hiện trạng của cá nhân nhưng phản ánh được các nét đặc thù của tập thể, của xã hội đương thời.

Do đó tuy làm thơ là làm cho riêng mình nhưng đồng thời cũng là làm cho mọi người. Khi người làm thơ phổ biến thơ mình dưới mọi hình thức là muốn tìm người đồng điệu có chung tần số, muốn tìm bạn tri âm để chia sẻ nỗi lòng. Bá Nha và Tử Kỳ là hình ảnh tiêu biểu cho hành động đi tìm sự giao thoa giữa người làm thi ca và người thưởng thức thi ca. Một bản đàn khảy lên hoặc một bài ca được ca sĩ ca lên phải có người nghe dù là một người đi nữa. Người làm thơ cũng vậy, thơ làm ra cũng nhằm một đối tượng là đọc giả hay giới thưởng ngoạn. Đọc giả có thể là một người như “nàng”, đối tượng của những vần thơ yêu, hoặc một số người hạn hẹp như những vần thơ viết tặng bạn bè, hoặc quảng đại quần chúng khi các bài thơ được tác giả cho phổ biến qua các phương tiện truyền thông.

Nhưng người đọc muốn hiểu thơ để cảm thông với người làm thơ cũng không phải dễ. Khi Tử Kỳ chết đi Bá Nha đã đập vỡ đàn vì không dễ gì tìm được một người bạn hiểu được tiếng đàn, “người bạn tri âm”. Đỗ Quý Toàn trong quyển *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói* (1) nhận định là trong thơ mỗi chữ là một tín hiệu, là một mật ngữ, người đọc phải hiểu được các tín hiệu này để tiếp nhận thông điệp của người viết hoặc phải biết cách giải khóa các mật ngữ mới mở được cửa lòng của tác giả. Mỗi người đọc tùy theo rung động của con tim mà hiểu các tín hiệu này một cách khác nhau và mở các mật ngữ theo một kiểu cách riêng biệt, đôi khi làm chạnh tác giả cũng không ngờ. Người đọc muốn hiểu thơ đủ để yêu thơ sâu đậm phải qua một tiến trình học hỏi của não bộ cùng sự cảm thụ của con tim. Do đó, với cùng một bài thơ mà mỗi người đọc hiểu và rung động một cách khác nhau tùy theo nhận thức chủ quan của mình.

Nhưng dù cho nhận thức của người đọc có khác nhau nhưng mục đích của thơ không thay đổi. Thơ là món ăn tinh thần để dinh dưỡng tâm hồn và làm cho đời đẹp hơn. Thơ làm cho con người trở nên phong nhã và thanh cao hơn. Như một triết gia đã nhận định thơ thổi sức sống và những chuyển động màu nhiệm vào thế giới chúng ta đang sống. Điều nhận định này hàm ý người làm thơ ngoài việc làm cho đời đẹp hơn còn phải biết sáng tạo, biết đem lại cho đời và cho người nhiều điều mới lạ. Hay nói một cách khác, nhiệm vụ của người làm thơ là phải phục vụ con người bằng cách dùng sự bén nhạy của cảm quan của mình để làm nhịp cầu giữa người với người và người với thiên nhiên chung quanh bằng những vần thơ ngày một hay, ngày một mới. Điều mà năm sáu chục năm trước đã từng tạo nên nhiều cuộc tranh luận là vấn đề nghệ thuật vị

nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh thiết nghĩ ngày nay không còn làm bận tâm mọi người nữa. Nghệ thuật trong “nghệ thuật vị nghệ thuật” tự nó là một đặc tính của con người, một kích thích của con người nên dù chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh con người luôn luôn là đối tượng sau cùng. Nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng lúc nào cũng phải phục vụ con người.

Con người ở đây là con người trọn vẹn với đủ mọi giác quan hỉ, nộ, ái, ố, con người đương thời cũng như con người dự tưởng của ngày mai. Thực vậy, vì thơ là sáng tạo nên thơ không những chỉ phản ánh và phục vụ con người đương thời mà còn phải dẫn đường và khai phá những điều mới lạ để phục vụ cho một giới công chúng đọc giả mà theo như nhà văn Italo Calvino (2) có văn hóa cao hơn giới thường ngoạn đương thời và cao hơn cả chánh bản thân người viết. Được như vậy thì thơ văn nói riêng và nghệ thuật nói chung mới mỗi ngày một tiến bộ và đáp ứng được kỳ vọng nơi giới hâm mộ cũng như làm tròn trọng trách của mình trong văn học.

Riêng đối với người làm văn học nói chung và làm thơ nói riêng ở hải ngoại trọng trách càng nặng nề hơn vì họ không những làm văn thơ cho riêng họ hoặc cho tập thể như đã minh định ở trên mà hơn thế nữa họ làm công việc bảo tồn văn hóa Việt. Khi sống ở đất nước người nhất là tại những nước có một nền văn hóa cao, con người tha hương rất dễ bị hòa tan vào nền văn hóa của nơi mình đang sống và do đó rất dễ bị mất gốc. Câu nói “tiếng Việt còn, văn hóa Việt còn và nước Việt còn” của ngày nào rất đúng cho tình trạng hiện nay của tập thể người Việt ở hải ngoại. Cách hay nhất để bảo tồn văn hóa Việt ở ngoài nước là giữ cho tiếng Việt còn, mà muốn giữ cho tiếng Việt còn một trong những cách hay nhất là dẫn thân vào con đường văn chương, làm thơ hoặc viết văn.

Môi trường ở ngoài nước cũng rất thuận tiện cho những người muốn viết văn hoặc làm thơ. Trước nhất là một không khí tự do không bị trói buộc bởi bất cứ một điều cấm kỵ nào cho nên người viết có rất nhiều thoải mái trong khi sáng tác. Tất cả người Việt sống ở hải ngoại bản thân đều trải qua nhiều thử thách về nhiều phương diện cộng thêm lòng thương nhớ sâu đậm về quê hương yêu dấu nên có rất nhiều chất liệu quý giá cho sáng tác. Sống ở các xứ tiền tiến, một chân trời rộng mênh mông được mở ra trước tầm nhìn của tập thể người Việt. Nhờ đó ta học hỏi, đọc thấy được rất nhiều điều mới lạ và nếu muốn ta có thể đem ứng dụng vào văn chương. Trong ba mươi lăm năm qua vườn hoa văn nghệ của tập thể người Việt ở hải ngoại đã nở rộ đầy hoa thơm muôn màu muôn sắc đã nói lên sức sống tâm thức mạnh mẽ của khối người Việt sống xa quê hương. Trong khu vườn hoa đủ loại đó có rất nhiều bông hoa mới vươn lên sau năm 1975 chen vai cùng những đóa hoa quý đã có từ trước 1975 làm cho khu vườn văn nghệ hải ngoại ngào ngạt hương thơm. Trong khi nền văn chương trong nước bị gò bó kiềm kẹp bởi chế độ toàn trị nên không phát triển được một cách tự do thoải mái thì vườn hoa văn nghệ hải ngoại còn là một cần thiết để bù trừ cho sự thiếu sót của văn chương trong

xứ. Một ngày nào đó hai dòng văn chương trong và ngoài nước này sẽ hòa đồng, hợp nhút để tạo nên nền văn học Tiên Rồng phong phú, vững mạnh và đầy tình nhân ái.

Nguyễn Minh Triết

Chú Thích

(1) *Đỗ Quý Toàn, Tìm Thơ Trong Tiếng Nói, California, USA: Thanh Văn Xuất bản, 1992.*

(2) _____, *Chủ Đề, Nhìn Lại 100 Năm Văn Học, “Chúng Ta Viết Cho Ai? Hay Chiếu Kệ Sách Giả Định”, Italo Calvino, Hoàng Ngọc Tuấn chuyển ngữ, trang 120-125.*

Kim Oanh

Đôi bờ

Nắng vàng trải lụa mênh mông
Sao nghe nhung nhớ ngập lòng phút giây
Sóng xô tình vỗ mạn đầy
Lòng sầu vụn nổi vui đầy bến sông
Thuyền trôi trôi mãi xuôi dòng
Biết chẳng bến vắng long đong đợi chờ
Cách chia cũng bởi đôi bờ
Sầu giăng mấy nẻo vật vờ dẫu yêu.
Thuyền về bến vắng tiêu điều
Lửa thiêu đốt cả tim yêu cạn dần
Bến xưa vui lấp xác thân
Giang đầu tiễn biệt dương trần còn chi.

Nước cuốn hoa trôi

Nửa phương kia chia hai nỗi nhớ
Nửa phương này lỡ vỡ ân tình
Trăng trên ngàn soi sáng lung linh
Một bóng hình tìm đâu không thấy
Từ khi người ra đi sầu vấy
Triu tâm hồn mơ mấy tàn thu
Nhặt lá khô ướt đầm sương mù
Hay nước mắt điệu ru đưa tiễn
Người nhớ? Ta nhớ người miên viễn
Chuyến xe đời ký ức chuyển mau
Sao không mang hành lý năm nào
Gửi lại hết thương đau đây giữ?
Có bao giờ tự lòng hỏi thử
Người nhớ gì kỷ niệm ngày xưa

Biết cánh hoa tan tác trong mưa
Trôi theo nước đưa về sông cũ.

Đoàn Minh Hải

Kinh thần nhiên

Tặng Trần Yên Thảo.

Thần nhiên ngồi nhìn ngọn lửa từ cây
nền thần nhiên ngồi nhìn lửa từ trăm
cây nền thần nhiên ngồi nhìn ngọn lửa
bốc lên từ một mái nhà thần nhiên
ngồi nhìn ngọn lửa bốc lên từ mái
chùa thần nhiên ngồi nhìn ngọn lửa cháy
từ một đỉnh nhà thờ từ một xóm
đạo thần nhiên ngồi nhìn ngọn lửa lan rộng
bốc cao từ những cánh rừng ruộng đồng
và thần nhiên ngồi nhìn rồi nằm lẩn
ra khoái trí khi thấy lửa cháy cả
một giải đất nước mà người ta thường
gọi là quê hương nhưng ai đã ngồi
nhìn rất thần nhiên và ai đã đốt
lên ngọn lửa ban đầu.

LÊ QUANG ĐÔNG

Tứ tuyệt trung du

(chiêu niệm An Tư công chúa)

-Hãy để nàng được khóc!
Chiều trung du đau đón một giang sơn...
Vương ứa lệ. Mắt rồng thiêng rướm máu
Bốn nghìn năm tiền kiếp gọi cơ đồ
Nàng thỏn thức dưới trăng non héo úa
Một lần đi là vĩnh viễn sinh ly
Vương tuốt kiếm. Thét lên trong phản uất
Một đời trai không giữ nổi tình si!
Và lịm xuống hai mái đầu tri kỉ
Và tìm nhau hơi thở của uyên ương...
Bỗng ánh chớp, rục giáo gươm nghiêng ngữa
Bóng quân thù hiểm độc cháy quê hương
Trong ánh chớp khối tình riêng trên trời
Kìa mỹ nhân lau nước mắt trượng phu
Vương lay tạ. Rượu ngang mày tiễn biệt

Một đoá hoa góp nhụy phá quân thù.
Cạn một chén thiên thu là tri kỉ
Một chén kia cảm tử vị quân vương
Và chén nữa cho hồn thiêng đất Việt
Cười Kinh Kha nàng chẳng bận giáo gươm
Rượu ba chén. Ba hồi chuông trống giục
-Ra đi, hề-dáng ngọc sá phong ba!
Vương tuốt kiếm khắc ngực trần Sát Thát
Máu dâng hồng rực rực cõi Đông A!

Trần Yên Thảo

TỪ HUỆ NĂNG

ĐẾN THẠCH PHÁ THIÊN

VÀ VI TIỂU BẢO.

NHỮNG MẪU NGƯỜI KHÔNG BIẾT CHỮ

CỦA XÃ NỘI TRUNG HOA.

(Biên khảo)

Huệ Năng con nhà họ Lư, người đất Lĩnh Nam (nay thuộc tỉnh Quảng Đông), sống vào đời nhà Đường. Sớm mồ côi cha, đồn củi nuôi mẹ. Sống đời nghèo khổ dốt nát, một chữ bẻ đôi cũng không biết. Vì tâm đắc một Câu kinh Kim Cương (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm), nên lặn lội tới chùa Hoàng Mai ra mắt Ngũ Tổ Hoàng Nhãn (tổ thứ năm của thiền tông Trung Hoa).

Huệ Năng vừa bước vào, tổ hỏi:

- Người ở phương nào tới, muốn cầu điều gì?
- Ở Lĩnh Nam tới. Chỉ muốn cầu làm Phật thôi!
- Người Lĩnh Nam mọi rợ lạp lão, không có Phật tánh. Sao Có thể cầu làm Phật được?
- Người có phân chia Nam Bắc, Phật tánh há có chia cách Bắc Nam sao?

Tổ Hoàng Nhãn bắt gặp ngay pháp khí đại thừa nơi con người này, nhưng sợ bị ganh ghét nên vờ quát:

- Kẻ lĩnh Nam mọi rợ kia, hãy ra nhà sau.

Từ đó, Huệ Năng trở thành kẻ bừa củi và giả gạo trong nhà trù chùa Hoàng Mai, chưa lần nào được bước lên thiền đường nghe pháp. Sau tám tháng, tình cờ nghe lồm bài kệ của Thần Tú (giáo thụ chùa Hoàng Mai),

Huệ Năng chộp ngay chữ nghĩa của Thần Tú, làm thành bài kệ khác. Vì không biết chữ nên phải nhờ người chép hộ:

Thân là cây Bồ Đề

Tâm như đài gương sáng

Phải luôn luôn lau chùi
Đừng để cho bụi vương.

Thần Tú.

Bồ Đề không phải cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Bụi vương chỗ nào đây.

Huệ Năng.

Rõ ràng, Huệ Năng đã mượn chữ nghĩa trong bài kệ chưa thấy tánh của Thần Tú (đảo lộn mấy chữ) để hoàn chỉnh bài kệ thấy tánh,nghiêm nhiên nhận lấy y bát, kế thừa tổ vị thứ sáu của thiền tông Trung Hoa.

Trên đường về Nam, đến Thiệu Châu, Huệ Năng gặp một ni sư tên Vô Tận Tạng. Bà này nghe ông nói chuyện Phật Pháp rất trong sáng và khoáng đạt, bèn đem ra quyển kinh Niết Bàn, nói:

- Trong kinh này có mấy chỗ tôi chưa thông, nhờ nhân giả đọc và giải dùm.
- Chữ thì không biết, nhưng sách đó có chỗ nào chưa thông, cứ nói tôi giải cho.
- Chữ còn không biết thì làm sao giải kinh?
- Xin đừng nói vậy, Phật pháp vi diệu có liên quan gì tới chữ nghĩa đâu.

Từ khi ra mắt ngũ tổ rồi kế thừa tổ vị, đến khi gặp ni sư Vô Tận Tạng và cả sau đó, người ta không ngừng đánh vào Huệ Năng những đường gươm thực mạng. Ông ta không những không thềm đỡ, mà còn trả lại những đường gươm bén lạnh, thọc thẳng vào trong sinh tử của đối phương. Thật ra, pháp môn “không lập văn tự” đã được xung tưng từ Thích Ca nhưng, phải đến mười một thế kỷ sau, Đạt Ma đem thiền tông qua Trung Hoa, và phải đợi tới khi xuất hiện một Huệ Năng không biết chữ, mới làm bật sáng được cốt tủy của pháp môn này và xây dựng cả toà nhà đồ sộ của Thiền Nam Tông về sau.

Thạch Phá Thiên, nhân vật chính trong tiểu thuyết “Hiệp Khách Hành” của Kim Dung. Lưu lạc cha mẹ từ nhỏ, sống đời bơ vơ ghẻ lạnh, sống đời bơ vơ ghẻ lạnh. Cũng có cơ hội lăn lộn giang hồ nhưng chữ nhất một thì không có. Do một cơ duyên, cùng đi với những cao thủ võ lâm Trung Nguyên đến Long Mộc đảo để tìm hiểu “Hiệp khách Thần công”. Một tuyệt kỹ võ học mà, người xưa đã mượn bài thơ “Hiệp Khách hành” của Lý Bạch để diễn đạt. Nhưng người ta đã không xử dụng nội dung bài thơ mà, chỉ diễn đạt bằng hình thể tự dạng. Do vậy mà những cao thủ càng uyên bác chữ nghĩa, càng bị nội dung bài thơ lôi đi xa “Hiệp khách Thần công”. Thạch Phá Thiên nhờ không biết chữ (nhưng chắc chắn phải được thay thế bằng một giác quan nào đó), đã căn cứ những đường nét của tự dạng để thi triển võ công. Cuối cùng đã đạt tới chỗ vi diệu của tuyệt kỹ này.

Vĩ Tiểu Bảo, nhân vật chính trong tiểu thuyết “Lộc Đỉnh Ký” của Kim Dung. Y

lớn lên trong kỷ viện bằng cuộc sống bụi đời dốt nát.

Do con đường cầu thực dẫn tới Bắc Kinh, và cũng do một cơ duyên lọt vào cung đình nhà Thanh, rồi trở thành bạn đời của hoàng đế Khang Hy. Khang Hy rất tâm đắc con người này, thậm chí đã ảnh hưởng cả câu nói thô tục, y đem theo từ kỷ viện: “Con bà mày”. Nhờ vậy mà Vi Tiểu Bảo liên tục gây những việc động trời, quấy phá khắp cung đình. Ngay cả Từ Linh cung của thái hậu cũng không chừa. Không biết chữ mà nhân danh sứ giả Thanh triều, hội họp với công chúa (sứ thần nước Nga), soạn thảo hiệp ước hoà bình giữa hai nước (tất nhiên, soạn bằng ba tác lưỡi rồi có người ghi chép lại). Không biết chữ mà cùng một lúc, làm chủ tới bảy tuyệt thế giai nhân, trong đó có cả công chúa Thanh triều. Gay cấn nhất là, ngay cả tổ chức phản Thanh (Thiên Địa hội) cũng phong cho y chức Hương chủ. Nhưng chỗ tuyệt vời nhất trong cái dốt nát của Vi Tiểu Bảo, là bức hoạ đồ kho báu của nhà Thanh (có lẽ được chôn giấu từ thời Thuận Trị hoàng đế trở về trước, lúc người Mãn mới vào hùng cứ Trung Nguyên). Bức bản đồ được cắt thành tám mảnh và được nguy trang trong tám quyển Tứ Thập Nhị Chương kinh. Mỗi mảnh đều có dòng ghi chú, nhưng những ghi chú đều không ăn nhập gì tới nội dung đồ hình. Người nào càng bám theo chữ nghĩa, càng mù mịt trước sự thực. Tám quyển kinh này, thời đó, là mục tiêu truy lùng và tranh đoạt của từ triều đình đến các phe phái võ lâm và cả những nước vùng ngoại biên Trung Thổ. Vi Tiểu Bảo cũng do nhiều cơ duyên, lần lượt chộp được cả tám quyển. Và cũng nhờ không biết chữ (nhưng chắc chắn cũng phải có giác quan nào khác), y đã lần mò trên mỗi hình vẽ, phá giải hết những gút mắc, cuối cùng ráp hoàn chỉnh bức bản đồ kho báu trên Lộc Đỉnh Sơn.

Người Trung Hoa xưa tuy không phủ nhận chữ nghĩa, nhưng họ rất dè dặt trước chữ nghĩa. Vì chữ nghĩa như con dao hai lưỡi, có thể quảng bá chân lý, nhưng cũng có thể đẩy người ta đi xa chân lý. Có người hỏi một bậc thức giả: “Tại sao tư tưởng của Mặc Tử rất cao cả và nhân ái, mà môn đồ của ông ta lại dùng toàn những lời lẽ phàm phu thô lậu để truyền bá?”. Vị thức giả kia đáp: “Thời Chiến Quốc có người đem bán viên ngọc quý. Viên ngọc đựng trong chiếc hộp làm bằng gỗ trầm đàn, bên trong lót bằng lông chim Trâu, bên ngoài nạm bằng bảy thứ ngọc quý khác. Người ta chỉ mua chiếc hộp và trả lại viên ngọc. Vậy kẻ kia chỉ có duyên bán hộp đựng ngọc chứ không có duyên bán ngọc. Còn nữa, cũng thời kỳ đó, Tần Bá gả công chúa qua nước Tấn có đưa theo mười nàng hầu dung mạo xinh đẹp, phong cách lịch lãm. Nước Tấn chỉ yêu chuộng các nàng hầu mà quên lãng công chúa. Vậy Tần Bá cũng chỉ có duyên gả nàng hầu chứ không có duyên gả công chúa. Cho nên môn đồ của Mặc Tử chỉ dùng lời lẽ thô lậu để truyền bá tư tưởng, vì họ sợ người ta dễ bị mê hoặc trước những hoa mỹ của chữ nghĩa mà bỏ rơi cốt lõi của minh triết. Chẳng qua họ không muốn trở thành kẻ bán hộp đựng ngọc và gả nàng hầu”. Đó cũng là lý do người Trung Hoa ngày xưa không ưa bọn du thuyết và biện sĩ. Bọn này chỉ biết đem chữ nghĩa trên đầu môi chót lưỡi bẻ cong bẻ queo chân lý, mê hoặc các đấng quân chủ, gây nên những cuộc chiến tranh ròng rã suốt

424 năm thời Xuân Thu và Chiến Quốc (Đông Chu). Họ chỉ chuộng những lời lẽ đơn sơ bình dị, nói lên một cách trung thực mọi đạo lý. Ngay cả những trường hợp phải vận dụng chữ nghĩa, họ cũng xếp bỏ chữ nghĩa ngay sau khi đạt lý. “Mượn nôm bắt cá, được cá phải quên nôm. Mượn lời diễn ý, được ý phải quên lời”.

Chữ nghĩa có thể diễn đạt minh triết, nhưng cũng dễ đưa con người đi xa minh triết. Nên người Trung Hoa xưa bao giờ cũng cảnh giác trước chữ nghĩa. Bởi vậy mà họ luôn luôn tôn xưng những con người không biết chữ, nhưng có giác quan thần kỳ, vượt cả tầm xa lẫn tầm cao của chữ nghĩa mà, Huệ Năng, Thạch Phá Thiên và Vi Tiểu Bảo là những nhân vật điển hình.

Nguyễn Xuân Thiệp

nhật trái thông khô

anh trở lại đôi cao
nhật trái thông. trong nắng
tưởng bài thơ buổi nào
bồng. đầu cành. chín rụng
trái thông. trái thông khô
bắt ngọn lửa nhỏ
của một ngày hồng trắng
đã về. dóc sương mù
đã về. cây hoàng hôn
tiếng gà trưa vẫn gáy
bông phù dung. trong vườn
em. và bầy chim én
vẫn bay. trên phố xưa
những mái nâu. cao. thấp
quán sách. hương cà phê
anh đi trên mái nhà
anh đi. lá thông khô
đã đầy trong màu nắng
anh chết tự bao giờ
mà hồn bay vàng phố
mà về theo gió đưa
dấu chân in lá cỏ
của những mùa hè qua
anh chết. hồn đã quỳ
chắc bây giờ thấy nhớ
và như là bao giờ
anh nhật trái thông khô

bàn tay khum ngọn lửa
tiếng gà. tiếng gà trưa
thế kỷ tàn. tàn. rụng
anh về. tiếng gà trưa

Trần Dạ Quỳ

BÈO MÂY TỪ MỘT TỨ THƠ

Bây giờ tôi khóc riêng tôi
mùa thu còn đó một trời lá bay
bây giờ còn nửa vòng tay
bài thơ kỷ niệm nhạt phai hương nồng...
ừ thì người cứ khóc riêng
còn ta vẫn mãi khóc chung vì người
là vì nỗi nhớ chưa phai
vẫn còn dấu ấn trên môi hôm nào
dĩ nhiên lời ngọt dễ trao
còn lời nói thật thường hư hao đời.
chẳng lẽ lại đi giận người
thôi về tự giận bóng rơi chiều tà.
Thương thay tóc muối tiêu pha
cuối đường bày đặt vào ra lụy tình.
Bây giờ tôi khóc riêng mình
Chiều nghiêng bóng ngã nhớ bình minh xa
Tôi sợ nắng nhạt sương sa
Nhu hoàng lơ lửng giữa giang hà tịch liêu
Cỏ lau lã ngọn liu riu
Mơ hồ như có tiếng tiêu gọi hồn.
Ừ thì cứ mỗi hoàng hôn
Nhớ mùa thu cũ mưa hồn lá bay
trời ơi! nhớ một vòng tay
Ôm tròn thương ghét, men cay môi người.

Ý thơ như khói sương chiều yên ba lạng lẽ sông đời nhẹ trôi. Nghe qua như tiếng thở dài, mà sao u uẩn trong tôi thế này. Tự dựng mực đọng nghiên sâu. Bút cùn nay lại tà đầu, mực khô.

Biết phải bắt đầu từ đâu để dẫn chuyện, chuyện bèo mây theo sóng nước vỗ bờ.

Cho đến bây giờ đã hơn một mùa nguyệt vỡ, tôi vẫn ngược dòng ký ức lục tìm dấu tích cái lần đầu duyên nghiệp gặp nhau. Vẫn không tài nào nhớ được rõ ràng chỉ còn chút mơ hồ lãng đãng...

...Thiếu phụ dường như đang nhón gót chân cho cao thêm một tí khi tình cờ được

xếp đứng bên tôi để chụp hình lưu niệm. Tôi tinh nghịch nhìn xuống, nàng mang giày cao gót với hết độ cao cho phép. Tôi nhủ thầm nếu nàng đi chân đất e rằng còn dưới vai tôi. Và bỗng dưng tôi bật cười vô duyên, cái cười ấy bị dập tắt ngay khi mắt tôi chạm phải mắt nàng. Đôi mày nàng hơi nhíu lại sau đôi tròng kính trắng khá dày.

Từ phút ấy tôi không còn dám để ý gì đến nàng nữa vì biết mình hơi lộ bịch. Tôi tự phạt bằng những ly bia thiếu đá, đắng chát. Và nói chuyện huyên thuyên với những người bạn mới. Trong khi nàng quay sang với những người bạn nữ của nàng, những mái đầu chụm vào nhau thăm thì to nhỏ có vẻ như đang nói chuyện riêng. Nhưng dường như là cố nói cho tôi nghe, câu được câu mất loáng thoáng là... cái anh chàng vô duyên hết cỡ chỉ biết cười cười mà chẳng biết làm quen: - hần là ai vậy, - làm sao biết - bạn mới mà.

Quả thật từ trước đến nay tôi vốn không có khiếu tiếp chuyện với Quý bà, chỉ ba hoa với mấy anh chàng bạn rượu là tài, và lần này tôi cũng không hề có ý làm quen với bà nào cả, chỉ chú tâm đến mấy ông bạn già đang ngất ngưỡng mà thôi. Nhưng dường như có ai đó đã an bài. Khi nhập tiệc tôi được xếp ngồi cạnh nàng. Mùi thức ăn nóng sốt với nhiều gia vị cũng không làm át được mùi hương toát ra từ thân thể nàng. Vâng, tôi cảm nhận được ngay vì đó là mùi thơm của Liz Arden cái mùi đã trở thành kỷ niệm trong tôi từ nhiều năm về trước. Mà lạ thay sao lúc đứng chụp hình chung tôi không nghe được mùi này. Hay là nàng vừa mới tái điểm trang. Không phải thế vì nàng khá giản dị, chỉ một chút chì xanh trên mí mắt lại không rõ nét sau đôi tròng kính trắng, chỉ có chút son môi màu hồng nhạt, và dường như nàng cũng không đòi phần. Tuy vậy vẫn không dấu được chút kiêu sa khi nàng nheo mắt nhìn tôi khẽ nói: anh dùng thử tí gì đi nhé, cây nhà lá vườn, tụi em tự biên tự diễn đấy. Tôi cười cười, nâng ly chiêu một ngụm để lấy can đảm: Chị đây là: Ly, Gia ly - thừa anh. Tuy chưa hề được giới thiệu đến tên này nhưng tôi vẫn cố tình vận dụng chút ngoại giao học lóm:Ồ, thật là quý hóa tôi nghe tiếng Chị đã lâu. Nhưng nghe không bằng thấy. Sao cơ! Tôi giật mình, chết thật lại gặp một ả Bắc kỳ. Nhưng đã lỡ phóng lao, tôi tiếp. Chị duyên dáng hơn lời họ mô tả. Nàng nghiêng người qua tôi và khẽ nói: Anh nói dóc, cái chữ dóc nàng phát âm nghe thật ngộ. Phải chăng đây chính là cái dấu ngoặc đã móc tôi vào với đời nàng.

Đối diện tôi là mấy người nữ khác, người nào cũng có khả năng làm tôi chóng mặt. Anh bạn chủ xị, tên là Điền Thanh có lẽ đã khá thấm men, khẽ khà giới thiệu; này ông bạn, cái cô tóc vàng hoe kia là Phan Vàng Cúc, cái cô đang hát kia là Mộng Hà, cái cô đang tiếp bia kia kia là nàng Thom chợ Đào. Cái cô cao to kia kia là Sương Ngọc... Tôi nhủ thầm trong bụng là: lại gặp gánh cải lương sáng sủa vong rồi. Nhưng tôi không thể không ghé mắt qua một tí, vì cô nào trông cũng ngộ. Nhưng không hiểu sao tôi lại quay qua lén nhìn Gia Ly khi nàng đang thì thầm với bạn. Nàng không đẹp lộ liễu, nhưng hình như có chút duyên ngầm. Hôm nay nàng diện khá sang, tóc ngắn được vén khéo và phía sau cột lại thành một cái... đuôi gà trông thật ngộ.

Thân thể nàng được ôm trọn bằng bộ váy đầm hở cổ, dù có đeo một vòng trang sức hạt huyền. Tôi vẫn thấy ẩn hiện mây nốt ruồi son ở cái chỗ chữ V kín hở. Ấn tượng trong tôi là giữa tiệc vui hội ngộ mây phục nàng chỉ toàn một màu đen. Và nụ cười kín đáo dường như vẫn theo tôi trong suốt cuộc vui.

Hôm ấy làm sao nhớ hết, những tình thân mà bằng hữu đã dành cho tôi, có những chị đã là trọng tuổi, có những em còn kém tuổi tôi xa vẫn quây quần cùng tôi chia sẻ những duyên tình văn nghệ qua lời ca tiếng hát và những vần thơ. Cuộc vui không ngừng nghỉ. Tôi đang bơi trên sông tình bằng hữu. Hay đang ngất ngưỡng men say từ cái nhìn u ẩn sau tròng kính trắng kia.

Bèo mây gặp gỡ quen hay lạ
Cũng là chung sóng nước quê nhà
Thương cánh bèo trôi
mây rơi xuống thấp
Ta lạc loài níu bạn nơi tình xa.

Và dĩ nhiên tiệc vui nào mà không có lúc tàn.
Không phải thế, vì hình như vừa mới bắt đầu, khi chúng tôi còn gần nhau trong góc quán cà phê Thần thoại.

Gia ly nhìn tôi và khẽ hỏi: Anh có thấy quê nhà đang thay đổi, ly cà phê anh vừa gọi tính bằng Mỹ kim đấy anh ạ! Tôi cười đùa: Dzậy sao. Anh thấy ở đây bây giờ triệu phú nhiều quá. Tiền Lương và chi tiêu toàn tính bằng tiền triệu. Tụi anh chỉ được tính bằng tiền trăm, và vẫn còn xài bạc cắc đấy nhé. Nàng khẽ khàng: thay đổi mà không thay đổi. Anh không thấy sao. Tôi giả vờ - anh có thấy gì đâu ngoài mấy cái nốt ruồi. Tự dưng nàng cầu vào cạnh sườn tôi: anh thấy ghét. Tôi hơi ngại vì đối diện tôi là Mộng Hà, bạn của Gia ly, cái cô nàng mà tôi thâm cảm mến vì thân hình khá bốc lửa. May thay cô ấy không để ý vì đang mải mê với... ly cam vắt mật ong.

Nếu chỉ có thế thì đã không có dạ ký hôm nay.

ừ em cứ khóc riêng mình.
còn anh vẫn mãi lụy tình mưa rơi
hạt nào rớt xuống giữa đời
hạt nào rơi xuống biển khơi muôn trùng
làm ơn đừng nói chữ đừng
bởi vì anh sẽ điên khùng vì em.

Đêm xuống thấp, thật thấp, dường như không thể khác, và trăng mắc cỡ tự mình dấu mặt sau mây.

Tôi ôm nàng trong tay thật nhẹ, chỉ sợ như sương khói loãng tan, và lại sợ nàng khước từ hờn dỗi.

May thay như một định mệnh không cắt rời, và như lời nguyên linh ứng vang lên từ huyết mộ. nàng ôm chặt lấy tôi, ôm cứng lấy tôi, dường như nàng nhón gót cao lên cho

bờ môi nín lấy bờ môi. Tôi hôn nàng như chưa từng hôn ai như thế.

Đêm như là đêm nguyệt động, tôi úp mặt búi ngủi trên từng phân vuông da thịt của nàng, tôi nghe máu dồn trên từng tế bào nóng hổi. Gia ly: chắc anh yêu em mất rồi. Cho nhé, cho gì cơ, cho anh úp mặt chỗ này này.

Nàng đẩy tôi ra hay là vừa kéo tôi trở lại. Làm sao nhớ hết khi mà ruột rà đã nôi đời nhau. Đêm lặng im, tôi nghe tiếng nấc rất nhẹ và ướt mẩn trên vai tôi khi nàng tựa đầu ru giấc ngủ. Giọt nước mắt ăn năn hay vui vì hạnh phúc cuối mùa. Gia ly ơi! hoa đã quỳ vãn nở, bên đời em luôn mãi có anh, như là bóng cần hình muôn thuở. Và hình không bóng chỉ là hồn ma vất vưởng không mồ.

Anh là thật, một người rất thật, em biết rồi còn trách gì không.

Em cũng thật lại càng hơn thật, bởi vì anh đã... úp mặt búi ngủi.

Những tiếng động đời thường đã đánh thức tôi dậy khi mặt trời còn dấu mặt đầu đó bên kia kinh Nhiêu Lộc, con kinh nước đen mà một thuở tôi đã từng ngâm mình dưới ấy để cô bơi theo chụp vớt những bao bì bằng nhựa cũng chỉ vì cơm áo đời nghèo. Tiếng máy kéo xà lan vớt nạo lòng kinh khiến tôi không tài nào ngủ nướng dù bên tôi Gia ly vẫn còn yên bình trong giấc ngủ, nàng như cô mèo con cuộn mình trong chăn ấm. Tủn công nhìn ra dòng kinh Nhiêu Lộc, chút khói sương còn băng lảng trên mặt nước vẫn còn đen. Tôi tự thưởng cho mình điều thuốc đầu ngày và dưới kia là dòng kinh một thời quá khứ.

Tôi về đây sau bao năm trời phiêu bạt, sự đổi thay làm tôi chóng mặt và trở thành như người khách lạ không biết tên đường. Không biết được hướng nào ra Ngã bảy và hướng nào về Gò vấp xa xưa. Và làm sao tìm về đường Cường Để chỉ để nhìn lá me bay mà lòng xót xa đưa. Làm sao có lý cả phê Nguyễn Du mỗi sáng đạp xe qua nhìn em Trường Luật áo mây bay. Thú thực tôi không còn nhận biết được gì khi qua những khu phố được tự do sơn phết như cô gái giang hồ già vẫn còn phải điểm trang để chiều chiều đón khách. Hồn động và mất trật tự là cảm nhận đầu tiên và bên cạnh những ngôi nhà cao tầng tráng lệ vẫn còn nghe tiếng mái tôn rung mỗi lần nghiêng gió của những căn nhà ổ chuột truyền kiếp một lời nguyên.

Một vòng tay từ sau ôm tôi khá chặt, má nàng áp vào lưng tôi nũng nịu: anh đang nghĩ gì vậy, chắc là đang nhớ Mộng Hà, hay là... Em lại vẫn vợ gì đây. Anh đang tự tìm lại chân dung anh một thời đã mất, đang tìm xem hồi ấy em ở đâu, có bao giờ nhìn thấy anh trần truồng bơi lội dưới kia không. Í - a, lại nói dóc. Thật đấy em ạ! Em không thể biết được những gì anh đã có và những gì anh đã mất. Hừ, thì cũng là mấy bà chứ gì. Tôi quay lại và hôn ngấu nghiến lên mặt nàng khẽ nói: chỉ được cái đoán mò. Nàng rúc vào nách tôi, - Dzậy mà đúng mới hay chứ. Tôi nhủ thầm thật lại là Bắc kỳ hay hồn dỗi. Nhưng mà không có thuộc tính ấy thì làm sao có cô bé Bắc kỳ tóc demi garcon nữa.

Tôi ôm nàng thật chặt khi nàng đảo một vòng xe theo Hồ con Rùa và ghé vào một quán cà phê khá yên tĩnh. Minh uống cà phê nhé - Không - sao vậy, vì anh chỉ thích

uống em thôi. Anh ạ, câu này em nghe quen quen hình như anh đã nói với Vàng Cúc phải không. Tôi ra vẽ ngó ngẩn, Vàng Cúc là ai vậy. Lại nói dóc, cái cô mà hôm họp mặt anh cứ đeo sát người ta như Sam Áy. Anh ư, chứ còn ai vào đây.

Cứ thế, những ngày bên nhau gần gũi chúng tôi vẫn thường trao đổi với nhau theo cách ấy, và chưa hề ai hỏi về ai một chút riêng tư. Tôi yêu thích Gia ly về điểm này.

Tôi ngồi đây cách xa nàng nửa vòng trái đất, ly cà phê nguội lạnh đã lâu, những điều thuộc đót liên hồi không nghỉ, biết làn khói kia có chở nỗi niềm tôi về cạnh bên nàng. Chẳng lẽ đã hơn nửa đời sương gió, vết thăng trầm còn in dấu trên lưng, hạnh phúc và khổ đau tôi đã nếm đủ. Vậy mà sao lại cứ như có điều gì ray rứt mỗi khi chợt nhớ đến nàng. Tôi yêu nàng hay tôi yêu cái hồn nhiên trong cách sống của nàng. Có lẽ cả hai, vì tình thật, tính hồn nhiên tôi đã bị đời nghiền nát từ lâu. Tôi đã đánh mất niềm tin, không còn khả năng suy xét, và đã tự hứa với chính mình là sẽ không còn yêu ai thêm nữa. Nhưng duyên nghiệp, tình cờ, hay lời nguyện chưa giải nên trên đời này vẫn còn đó một Gia Ly.

Dạ ký vẫn sẽ còn tiếp tục vì trong tôi nỗi nhớ đang đầy,

Làm ơn giữ lại mùi hương

Cái đêm nguyệt động mờ trắng vì người.

Gia ly là một đoạn đời

Từ đêm Thần Thoại mãi hoài dễ thương.

Trần Văn Lệ

Những đám mây bay

Bạn tôi vào Nhà Dưỡng Lão, cầm theo hai tấm khăn lau, một chiếc áo ấm bạc màu, một cái bê rê thời lính... Bạn tôi dù không “quyết định” nhưng chiều con cháu mà... thôi! Tám mươi mấy tuổi, đủ rồi cho một cuộc đời chầm hết! Bạn tôi nằm yên, thở mệt, mỉm cười nghĩ chuyện phù du, nói chuyện với tôi, đầu đầu, không có mở đầu, kết thúc...

Tôi ngồi với bạn một chút. Tôi nắm tay bạn rồi lìa. Đường tôi thăm bạn có về, đường bạn đến đây là cuối? Tôi tự hỏi tôi sao nói những lời chỉ nghe không vui? Mai một khi tôi cuối đời, vào kịp chăng Nhà Dưỡng Lão?

Tôi kéo lên cao cổ áo. Trời trưa không lạnh mà run. Tôi nghĩ đến những ngày Đông, bạn tôi nhìn chiều lá rụng, bạn nói gì với hoa súng, bạn nói gì với hoa sen? Hay là bạn ngó ngọn đèn chờ mong một cơn gió thoảng?

Tôi về với lòng chạnh vạng. Nhớ non nhớ nước đã buồn. Nhớ thêm kiếp người tha hương, khó mà ngăn dòng nước mắt! Parking ở đây bát ngát. Tuổi già thương quá, cô đơn... Bạn tôi chắc đang ngó sông đám mây bay ngang cửa sổ? Bạn tôi đã quên hay nhớ ai ngồi bên bạn mới đây?

Những đám mây bay mây bay những đám mây bay mây bay...

Trần Hoài Thư

Con đường

Con đường chia ra hai miền. Háo Lễ, Nho Lâm, Tân Dân, An Cửu và cái dãy núi Bà u ám, trọc lóc, như vùng đất nghèo nàn, nứt nẻ mà anh đã qua, có khi nào anh trở lại. Ngôi chùa Háo Lễ Đông, Xóm đạo nhà thờ Tây, những cái hồ sen, cá trắng phơi mình trên mặt nước, những chòm hoa phượng thắm đại, ngất ngây dưới nắng. Hết rồi, buổi mai, hết rồi buổi chiều... Ra đi, tấm áo vải, rách, bạc màu trên thân thằng bé, giữa một trời lửa đỏ, và đạn reo.

Buổi sáng anh trở lại, súng nổ âm âm, anh chạy anh xung phong, anh cúi xuống uống hừng hực bi đông nước, anh hét anh gào cuồng nhiệt. Và buổi trưa anh dừng quân, có những cơn gió Nam, cuốn lốc, mang theo hơi lửa của mùa hạ, anh như một kẻ điên khùng, cởi áo, luồn ra sau nhà, ngồi dựa vào ụ rom vàng, giữa đám tre đang kêu lên kiu kịt. Con trâu mẹ, mới sinh con, ở trong chuồng đôi mắt lòng lên sòng sọc, và đôi sừng sẵn sàng báng về những người chung quanh. Đây là địa đầu của một phạm vi xanh trên bản đồ hành chánh quận. Đây là một xóm quê muộn phiền. Ngay đến đứa bé, đang đứng co ro, mũi chảy lòng thòng như hai con đĩa, cũng gây cho anh một nỗi khốn khổ, buồn chán. Anh tìm vào một ngôi nhà ven con đường mới đắp, ngôi nhà của một mẹ con tản cư. Buổi trưa, nhà kín gió, nắng chói lòa ngoài khung cửa. Đám ruồi vo ve trên sân đất thịt. Hai bàn thờ phủ nhiều đỏ, bất động trong góc tối. Chiếc giường tre, cũ kỹ, bên vách tường. Đằng sau nhà, là bà già đang làm những tấm tranh. Bàn tay bà thành thạo đan lên, đan xuống, kẹp những cuộn rom một cách gọn gàng. Lưng bà còm cỗi, như đã chịu đựng bao nỗi đau khổ trên mình. Anh ngồi bên cạnh, hỏi thăm. Nhưng anh biết, anh hỏi cũng vô ích. Vì cuộc đời này, với bom với đạn, với nhà cháy, với tản cư, với chết chóc... Sự cùng khổ của dân quê, ở đâu cũng vậy. Có khác gì đâu. Bà già, sau cùng anh mới biết là người trong xóm cũ. Dựa vào vách đất, anh nghe bà kể lại những gì sau mười tám năm anh ra đi. Những giọt lệ già, long lanh trên đôi mắt lem nhem. Mái tóc bạc phát phơ. Và cái dáng còm cỗi, vẫn âm thầm trong khoảng không gian tối sáng. Buổi trưa bốn chiếc phản lực bay làm hai phía... Bà nhìn bên anh, hỏi: chừng nào có hòa bình, anh đã cúi đầu, không trả lời. Rồi sau đó anh đã đi kiểm soát một vòng toán quân của mình chung quanh. Khi anh bước vào nhà thứ nhất, lính bảo con nhỏ đó, chồng chết. Khi anh bước vào ngôi nhà thứ hai, lính nói con mẹ đó, chồng chết... Khi anh bước vào ngôi nhà thứ ba, cha thằng bé đó đã chết. Anh dụi mắt, thần thờ nhìn ra cánh đồng nứt nẻ đằng sau, dày đặc đến những xóm tan hoang che mờ bằng những bụi rậm, những kênh rạch, anh nhận rõ những nhánh hoa phượng ẩn hiện trên nóc giáo đường. Những nhánh hoa phượng thật lẻ loi giữa một màu xanh bát ngát.

Ngay ở bên cạnh ngôi nhà anh dùng làm nơi đóng quân phía bên kia con đường mới làm này, người ta đã thấy rõ sự bất lực của ông quận trưởng. Ngôi trường mái tôn, ba căn phòng đó, đã bị những vết đạn loang lổ, chi chít. Và vách tường, thì viết đầy khẩu

hiệu, hoan hô đả đảo. Hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ thám kích ngày 19 tháng 6. Được xóa bằng chữ hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ giải phóng quân... hay đả đảo Mỹ Ngụy. Nắng đã lên gắt, và con đường cứ mỗi lúc bị những lớp bụi đỏ cuốn xoáy mịt mù, theo những cơn gió Nam cuồng bạo. Nắng chiếu nhức nhối trên những mái tôn.

...Vào một ngày nào đó, toán áo đen từ một khu cách con đường không bao xa, đã bắn B.40 và trường, để cảnh cáo toán Nghĩa quân trong ấp... Và kể từ đó, toán nghĩa quân bắt đầu rút lên trên những ấp an ninh; để lại những ông thanh niên chiến đấu già nua, ôm yếu với súng trường, hay carbine M1, chiến đấu một mình. Yên lắm, ở đây yên 100%. Ông quận đã chỉ gậy lên trên bản đồ. Những ấp ven con đường, đều được bình định. Có ấp trưởng, có nhân dân tự vệ. Bởi thế, quận tôi cần một con đường, để nâng cao kinh tế, để làm vòng đai quân sự, để thu hoạch khả quan những vụ lúa phì nhiêu. Quận chúng tôi bảo đảm với quý vị. Nhưng ông chưa bao giờ dám lái xe một mình đi trên con đường ông kêu gọi phát triển, nếu không có đám hộ tổng hùng hậu và nếu không có chiếc trực thăng của Mỹ. Con đường được làm ra, được dành cho một ngân quỹ hùng hậu mấy chục triệu do một đơn vị Công binh đảm trách. Ban đầu, vị tiểu đoàn trưởng đơn vị công binh tin tưởng thực sự... Các ông yên chí, ông quận trưởng nói, dọc theo con đường, lính chúng tôi nằm dài, để bảo vệ cho các ông làm. Yên chí, chừng một tuần lễ sau, những phát đạn cắc bùm, từ các bờ bụi vô danh, những trái lựu đạn gài trên đường, dưới cống trong đêm đã làm cho ông tiểu đoàn trưởng giựt mình, thót bụng. Và kết quả, nửa tháng sau, một đoàn xe bị phục kích khi trên đường trở về... Ông tiểu đoàn trưởng giận run, hồng hộc vào quận, kéo ông sĩ quan ban ba Chi khu... anh bảo có lính nằm đường, lính nhiều lắm, mấy trung đội Nghĩa quân, Địa phương quân anh bảo đảm với tôi như thế hả ? Anh theo tôi, tìm xem có mấy tên Nghĩa quân nằm đường... Chiếc xe Jeep vọt đi, ông sĩ quan ban ba, run rẩy, vào từng ấp, gọi loa, la làng, cuối cùng, vài tên Nghĩa quân, mang dép Nhật, co ro trình diện... Đ.m tụi mày, ông đánh bỏ mẹ, ông phạt... Những tên Nghĩa quân, mặt mày tái mét, nói: Chỉ có mấy đứa em. Thế cả mấy trung đội, chỉ còn mấy mống này thôi à ? Dạ. Ông tiểu đoàn trưởng cười gằn: anh không biết Nghĩa quân ma sao... Thực nhiều lắm, nhưng mà, ma hết... anh về Qui Nhơn xem, chủ tiệm vàng, chủ tiệm đồng hồ, chủ tiệm radio, mấy dân đi xe thồ... anh tưởng vào Nghĩa quân dễ lắm sao, 50 ngàn. Ông đại úy ban ba chi khu van lạy: Xin Thiếu tá thương tôi, tôi từ miền Nam, bị đẩy ra đây. Cho tôi được bình an hai chữ với vợ con... Tôi lạy thiếu tá. Ông tiểu đoàn trưởng la lên: Chẳng thà anh nói thế. Chứ đừng gạt chúng tôi. Các con tôi chết cũng vì anh. Đòi nào anh đi cho biết tình hình; anh chỉ nghe báo cáo... Sau đó ông tiểu đoàn trưởng xin Bộ tư lệnh Sư đoàn tặng phái một đơn vị thám kích để bảo vệ an ninh cho các toán công binh làm đường. Ông đã lắc đầu, chán ngán. Trước sau con đường này, cũng bị phá. Trước sau những chiếc cầu đúc xi măng này cũng bị sập vì mìn, và trước sau, mấy chục triệu cũng trở thành mây khói. Ông biết

vậy, ông đại đội trưởng đại đội C. Công-binh cũng biết vậy. Họ biết, như anh biết. Nhưng họ vẫn làm. Vì con đường đó, đã có ngân quỹ quốc gia đài thọ. Không ai cần bận tâm, thắc mắc. Chỉ có đám lính này. Bởi vì chính họ phải đối diện với sự thật và gánh oan khiên của sự thật.

---o0o---

Con sông Gò Bồi, vẫn lặng lẽ chảy. Hôm nay đã nửa tháng từ khi đơn vị anh được tăng phái bảo vệ con đường. Anh dựa lưng vào gốc cây cổ thụ, súng kê bên cạnh, mắt lim dim. Tiếng xe lam vang rền từ phía chợ. Và dưới sông, những chiếc đò máy xuôi ngược cho ngày chợ phiên. Những người lính ngồi nhìn quang cảnh, cười nói rộn ràng. Lòng anh tự dưng nẩy nở niềm vui vô cớ. Từ ngày có sự có mặt của bọn anh, con đường như hồi sinh trở lại. Từng niềm vui nho nhỏ cứ theo về. Như là mỗi buổi sáng người lính nghe được tiếng chuông nhà thờ vọng về ngân nga sau một thời gian biệt âm. Và trên con đường đã bắt đầu xuất hiện những chiếc xe lam chở hành khách hay tiếng nói cười xôn xao của những đám người đi chợ sớm. Và dưới dòng sông, là những đò thuyền tấp nập xuôi ngược.

Nhưng mà, sự hồi sinh này sẽ tiếp tục được bao lâu. Anh không biết.

Bởi vì một ngày nào đó, đơn vị anh sẽ rút đi, sẽ được tăng phái đến một nơi khác. Rồi khúc phim xưa có lẽ sẽ tái tục. Rồi lính ma, lính kiểng, rồi báo cáo láo, rồi những tín hiệu đau lòng sẽ được đánh về Trung tâm hành quân. Rồi những người thanh niên chiến đấu già nua ho hen, súng carbine, súng trường, trốn chui trốn nhủi. Rồi đường sẽ bị đào, bị xới và cầu sẽ bị phá. Rồi ăn thua gì, có ngân sách quốc gia, có tiền Mỹ viện trợ. Không biết ngày ấy anh có thể trở về bình yên nơi chốn cũ, bằng một chuyến xe lam, để thăm lại ngôi giáo đường có cần ăng ten cao vút, có những nhánh sứ, khô tróc vỏ nổi lên trên nền trời mây trắng như ngày hôm nay hay không.

Cái Trọng Ty

Lục bát tiểu hàn

Em về Bình Định Phú Phong
trời Phương Nam cũ nặng lòng đau thương
sông Kôn ngày ấy nhiều nhưng
chạnh lòng ảo sắc uyên ương sứt sùi
cầm tay em luống ngậm ngùi
yêu nhau chưa trọn đã vùi tro than
xưa kia binh lửa tan hàng
tình trong cỏ úa ngõ ngang gió đưa
sông xa vọng tiếng bờ trưa
Em đi mai phượng cũng vừa tả toại
chiều qua sông nắng đoạn rời
nghe buồn tự thở tháp Hời cháy tiêu

bước chân lên đấm thủy triều
lao xao nước cuộn liêu xiêu tiếng buồn
ngược đường vạm nẻo mây tuông
miên du mộng mị suối nguồn tự tan
anh về lục bát tiêu hàn
nghìn thu hang động trắng ngàn gót mây
rằng em xanh ngọn lưu đầy
rằng tôi từ thuở trông cây nhớ rừng

Nguyễn Thị Thanh Dương

Ngã ba quê hương

Khi tôi về đến ngã ba đường,
Đường rẽ về quê tôi không xa lắm,
Ga Đồng Văn lần đầu tiên tôi gặp,
Phủ Lý, Hà Nam tôi chỉ nghe tên.

Tôi về Kim Bảng xa lạ chưa quen,
Phố huyện quê tôi một vùng phương Bắc,
Huyện Kim Bảng tôi nghe tên và thuộc,
Trong giấy khai sinh khi tôi mới lọt lòng.
Tôi đứng trên cầu, con sông đầu làng,
Chiếc cầu sắt, xưa cha tôi thường qua lại,
Cha đã quen suốt một thời niên thiếu,
Chiếc cầu cũ đi, nhưng vẫn như xưa.

Có buổi chợ phiên họp ở bên kia,
Bên này cầu, lòng sông đầy bèo, rác,
Tôi như thấy những cảnh đời nhếch nhác,
Rau muống ai trồng lan rộng một khúc sông?
Khi ánh chiều tà rơi giữa mênh mông,
Tôi lang thang đến một bờ sông vắng ,
Có bãi ngô xanh gió lùa xao xác,
Ai hát tặng tôi một khúc tình quê.

Tôi thương cánh đồng hai bên bờ đê,
Công sức nông dân làng tôi cấy cấy,
Ruộng chia đầu người quanh năm nghèo đói,
Có kẻ rời làng lên tỉnh làm thuê.
Làng quê tôi cách Hà Nội không xa,

Nhưng khoảng cách giàu nghèo xa nhau lắm,
Quê có trăng, phố phường đèn thấp sáng,
Người phố chợ vẫn khác kẻ nhà quê.

Tôi đã đứng ngẩn ngơ ở ngã ba,
Ngã ba quê hương trong ngày tạm biệt,
Con đường rời quê đang chờ phía trước,
Tôi tâm hồn xa xứ chợt rung rung.
Ngã ba cuộc đời, ngã ba quê hương,
Vẫn thường làm lòng người trăn trở,
Thương quê hương cảnh bất công, đói khổ,
Nên chia tay lưu luyến mãi không rời.

Phi trường Nội Bài chuyên bay chờ tôi,
Bỏ lại quê nghèo phía sau mờ mịt
Kim Bảng, Hà Nam lại nằm trong ký ức,
Ở quê người tôi thương lắm quê xa.

Đưa con nhà hàng xóm

Anh chị Bông đi chợ về đến nhà, chị xuống xe trước, đang cúi húi mở trunk xe để lấy đồ thì đã thấy xe nhà hàng xóm bên cạnh cũng vừa về tới. Đây là lần đầu tiên chị thấy mặt người hàng xóm, kể từ hơn 1 tuần lễ nay khi gia đình chị bắt đầu dọn vào ngôi nhà này. Nên chị vội ngừng tay đi đến gần sân nhà hàng xóm và tươi cười:

- Chào anh chị và các cháu.

Cả hai vợ chồng đều cười đáp lễ, người chồng nói:

- Biết là có hàng xóm mới mà mãi hôm nay mới gặp nhau. Tôi tên là Cảnh.

- Vâng, hân hạnh được làm quen với anh chị, chồng tôi tên là Bông. Nhà tôi cũng lu bu chưa có thì giờ đi chào hỏi hàng xóm anh chị Cảnh ạ.

Chị Bông nói xong thân mến nhìn gia đình hàng xóm, chẳng dễ gì được dịp gặp cùng một lúc cả nhà như thế này. Thật là thú vị khi đến một nơi ở mới có hàng xóm là người Việt Nam, họ chạc bằng tuổi vợ chồng chị, hai đứa con, thằng lớn khoảng 12 tuổi như Cindy con gái chị, nhưng đứa nhỏ chỉ mới hai tuổi là cùng, hai đứa con cách xa nhau khá xa.

Chị Bông lần lượt xách những túi hàng vào nhà, mỗi khi trở ra chị thấy thằng con trai nhà anh Cảnh vẫn đứng vờn vơ ngoài sân, dường như nó chẳng hào hứng gì để mang đồ vào phụ cha mẹ, như con Cindy của chị. Khi chị nhìn nó cũng là lúc nó quay lại nhìn chị.

Đó là một thằng bé mặt mày khôi ngô, nhưng nét mặt rầu rầu, lạnh lùng một cách khó

hiều.

Chị Bông nghĩ thầm: “Chắc hôm nay đi chợ cu cậu đòi mua gì đó không được nên đang dỗi hờn bố mẹ đấy”

Chị Bông nói với chồng:

- Hàng xóm bên cạnh là người Việt Nam cũng vui anh nhỉ, “tắt lửa tối đèn có nhau”.
- Em lại ý có nơi chôn để chạy sang xin quả chanh, quả ổi, phải không? Đi chợ mua đủ thứ nhưng thế nào cũng có lúc quên những thứ lặt vặt mà vô cùng cần thiết ấy.
- Biết đâu bà nội chợ bên ấy cũng chạy sang mượn nhà mình những thứ như thế? vấn đề chính em muốn nói là hàng xóm Việt Nam sẽ gần gũi và thông cảm nhau hơn mà thôi.

Buổi sáng chị Bông chở Cindy đi học, trường học khá gần nhà nên school bus không chở. Bên nhà anh Cảnh chắc cũng phải đưa đón con như nhà chị. Nhà nào cũng tắt bật như nhau.

Một hôm khi chị Bông đón Cindy từ trường về gần tới nhà thì Cindy bỗng kêu lên khi xe đang chạy lướt nhanh:

- Mẹ ơi, hình như con bác hàng xóm cạnh nhà mình đang đi bộ bên đường?
- Con có chắc là con bác Cảnh không?
- Mẹ chạy nhanh quá con không nhìn thấy mặt, nhưng vẫn cảm thấy thế mẹ ạ, nó đi học về mà đi bộ, hay là cha mẹ nó hôm nay bận không đón được?

Chị nhìn qua kính chiếu hậu, phía xa, sau lưng chị là hình ảnh một thằng bé vai đeo cặp sách đang đi bộ trên hè đường, bên cạnh là dòng xe đang vun vút lướt qua, chẳng ai để ý đến kẻ bộ hành ấy, cũng như chị đã vô tình lướt qua nó lúc nãy.

- Thôi, đằng nào mẹ chạy cũng quá xa rồi, mà cũng về gần tới nhà rồi. Coi như là con nhìn lầm người đi.

Thằng con nhà hàng xóm học cùng trường nhưng hơn con Cindy nhà chị một lớp. Cùng lối về, nếu biết bên ấy có hôm bận không đi đón con được thì chị Bông sẵn sàng đưa đón giùm.

Nhưng chị ít khi gặp mặt vợ chồng anh Cảnh, rồi chị cũng quên phéng đi.

Chiều nay, sau khi đón Cindy về học xong, chị Bông cần ra khu chợ Việt Nam mua mấy món đồ, cao hứng chị Bông liền ghé vào nhà hàng “Đêm tàn bến Ngự” để mua tô bún bò Huế mang về nhà hai mẹ con cùng ăn thử xem sao, nhà hàng này được tiếng là đông khách vì nấu ăn ngon mà gia đình chị chưa có dịp đến.

Chị Bông bước vào tiệm, giờ này tiệm vắng vì giữa ngày, không phải giờ ăn trưa cũng chưa đến giờ ăn chiều.

Một bà có vẻ là bà chủ tiệm, ăn diện bóng bẩy, mặt mày son phấn kỹ càng, trẻ đẹp và sắc xảo đang ngồi sau quầy, mỉm cười đón khách:

- Chào chị, chị cần dùng chi ạ?
- Cho tôi hai tô bún bò Huế mang về.

Bà chủ đi vào nói với người trong bếp, bà chỉ thoáng quay đi mà chị Bông đã ngửi thấy

mùi dầu thơm ngan ngát. Ngồi bán cửa hàng ăn uống, lúc nào cũng bốc mùi mắm muối, mỡ màng của các món Bún bò Huế, bún thịt nướng, bánh xèo, cơm, phở. v.v.. mà bà chủ điệu nghệ, thơm phức như bán hàng nữ trang, hay hàng mỹ phẩm cao cấp, phải ăn diện cho sang, cho xứng với món hàng. Nhìn bề ngoài bà chủ se sua, không ai nghĩ là một phụ nữ đảm đang buôn bán.

Chị Bông lơ đãng nhìn quanh trong tiệm, bỗng một hình ảnh nơi góc tiệm đập ngay vào mắt chị, khiến chị ngạc nhiên: đó là thằng con trai lớn của vợ chồng anh Cảnh, hàng xóm của chị, đang ngồi gục đầu trên bàn ăn và ngủ ngon lành, cái cặp sách để trên bàn, chứng tỏ đi học về là nó có mặt nơi đây.

Chị Bông đứng chôn chân suy đoán, hay là chị Cảnh, anh Cảnh đi đón con rồi ghé vào tiệm này ăn xong và để thằng con ở tạm đây vì bận đi đâu đó lát sẽ quay lại đón? Và chắc là quen thân với chủ tiệm nên thằng bé có quyền nằm ngủ gục trên bàn thoải mái như thế?

Bà chủ tiệm đã bước ra ngoài, chị Bông nhìn nét mặt của bà không mấy cởi mở nên không dám hỏi về thằng bé hàng xóm. Tội nghiệp, chắc đêm qua nó ngủ ít, sáng phải dậy sớm đi học nên giờ nó ngủ gục mà rất say sưa, chẳng hề bị đánh thức vì tiếng nói của bà chủ và của khách mua hàng.

Xách túi xách có hai tô bún bò Huế ra khỏi tiệm chị Bông đi về nhà. Tô bún bò Huế ngon lành, quả đúng như lời đồn làm chị ăn xong là quên mất chuyện thằng bé nhà bên cạnh.

Nhưng khi ra ngoài sân tình cờ chị Bông lại được đối diện với anh Cảnh, khi anh đang tưới những luống hoa, và chị cũng làm công việc tương tự như người hàng xóm, tưới hoa bên sân nhà mình.

Chị Bông xã giao:

- Nhà anh có những cây hoa đẹp quá. Hôm nào tôi phải bắt chước mua thêm những loại hoa như bên nhà anh cho đẹp.

Anh Cảnh hài lòng:

- Bà xã tôi thích những loại hoa này nên giao phó cho tôi phải chăm sóc tưới cây đấy chị ạ.

Anh Cảnh cẩn thận tưới nước từng gốc hoa, có vẻ chiều vợ, đặc lực làm vừa lòng vợ, chứ không phải vì chính anh. Lúc ấy thằng bé con anh đi bộ về đến, dáng điệu mệt mỏi với cặp sách đeo trễ trên vai, nét mặt lạnh như hôm chị gặp nó lần đầu tiên cũng ở mảnh sân này làm chị Bông ngạc nhiên, ngờ ngác hỏi anh Cảnh:

- Sao cháu giờ này mới đi học về hả anh? Mà... ai đón cháu về?

Anh Cảnh nhìn thằng bé lủi nhanh vào nhà, chép miệng:

- Nó tên Việt Nam là Minh, chị thấy nét mặt nó thông minh sáng sủa đấy chứ? Nhưng kể ra thì buồn u ám lắm...

Anh Cảnh tắt vòi nước tưới cây, đến bên chị hàng xóm, dường như lâu lắm anh chưa có

dịp trút nỗi lòng tâm sự cùng ai:

- Thăng Minh là con đầu lòng và duy nhất của tôi với người vợ trước...

Giọng anh nghèn nghẹn lại làm chị Bông xao lòng:

- Thì ra thế...

- Mẹ nó bỏ tôi, là một người đàn bà chẳng ra gì. Tôi nói lên sự thật chứ không bôi xấu người vợ cũ vì ghen tức gì đâu, chuyện qua rồi, ai có phận nấy.

- Hai vợ chồng anh đã li dị bao lâu rồi?

- Chúng tôi li dị đã hơn 5 năm nay, cô ta sẵn sàng bỏ con lại cho tôi để chạy theo tình nhân, chê tôi nghèo lương ba cọc ba đồng không có cơ hội làm giàu lên được. Tình nhân cô ta trẻ hơn tôi, năng nổ hơn tôi, có tiền hơn tôi...

Chị Bông kêu lên xót xa:

- Trời ơi, chị ấy bỏ con cho anh nuôi, làm sao một người đàn ông có thể chăm sóc con bằng phụ nữ được?

- Vì cô ta muốn rảnh tay làm lại cuộc đời với người mới. Thăng Minh sống không có mẹ từ lúc nó 7 tuổi, dù thương con đến đâu, rồi tôi cũng phải lấy vợ khác như chị đã thấy đó, hiện giờ chúng tôi có đứa con nhỏ mới 2 tuổi. Cả hai vợ chồng tôi đều vất vả, bận rộn vì công việc..

Chị Bông chợt nhớ lại hình ảnh thằng bé lang thang đi bộ trên hè đường và hình ảnh nó ngủ gục trong nhà hàng “Đêm tàn bến Ngự” mà chị đã gặp, chị sốt ruột hỏi lại:

- Thế ai đưa đón cháu Minh đi học mỗi ngày hả anh?

- Buổi sáng trên đường đi làm tôi đưa cháu đến trường. Còn khi tan học về...

Anh Cảnh ngừng lại một chút, chắc lại chạnh lòng thương con:

- Chẳng ai có thì giờ đón cháu, vì chúng tôi về trễ hơn giờ cháu tan trường nên nó tự đi bộ về. Từ trường về tới nhà cũng hơn một mile nhưng biết làm sao hơn?

- Lúc này tôi gặp cháu ngủ gục trong một nhà hàng bún bò Huế ở khu chợ Việt Nam , Tôi muốn hỏi cháu có về nhà thì tôi chở về, nhưng cháu ngủ say quá...

Anh Cảnh ngắt lời:

- Không sao! Nhà hàng “Đêm tàn bến Ngự” là của mẹ cháu Minh. Cô ta và người chồng mới đã mở nhà hàng đấy, cô ấy thành công giấc mộng làm giàu vì nhà hàng rất đông khách.

Giọng anh cay đắng tiếp:

- Thay vì về nhà phải lẩn quẩn đứng đợi hay chơi ngoài cửa cho đến khi chúng tôi về nó mới được vào nhà, thì nó đến nhà hàng của mẹ nó, được ăn món gì tùy thích và nằm ngủ đợi tới giờ về nhà.

- Thế sao anh không làm riêng một chìa khóa cho cháu Minh để nó đi bộ về thẳng nhà, muốn ăn muốn ngủ có phải là tốt hơn không?

Mất người đàn ông bỗng rung rung:

- Đã từng như thế rồi, nhưng thằng Minh và người vợ sau này của tôi không hợp nhau,

nó mấy lần lấy cắp những đồng tiền lẻ của vợ tôi trong ngăn tủ nào đó. Thế là tình hình càng căng thẳng thêm, vợ tôi có lý do để cấm nó ở nhà một mình. Còn mẹ nó, biết thế, nhưng cũng chẳng đời nào có ý định mang con về sống chung, sợ ảnh hưởng đến hạnh phúc của mình vì chồng cô ta không muốn nuôi con riêng của vợ. thằng bé chưa bao giờ biết đến ngôi nhà của mẹ nó, nghe nói to rộng và đẹp lắm.

Người vợ của anh Cảnh về tới, anh vội chấm dứt câu chuyện, ra đón đứa con nhỏ và lảng xảng xách phụ vợ ít đồ. Họ đi vào nhà để lo cho bữa cơm chiều.

Chị Bông ngẩn ngơ không còn hứng thú để tưới cây nữa, gương mặt buồn buồn, lạnh lùng của thằng Minh ám ảnh chị, gương mặt của một thằng bé tội nghiệp, tủi thân và đầy mặc cảm, cái vẻ lạnh lùng căng căng ấy để tự bảo vệ lấy mình trước cuộc đời.

Ở cái tuổi non trẻ này, đáng lẽ nó phải được sống trong một mái gia đình êm ấm, có đầy đủ cha mẹ yêu thương, chăm sóc cho nó từng miếng ăn giấc ngủ.

Như con Cindy nhà chị, mỗi cuối tuần được bố chở đi thư viện, đi xem phim hay đi bơi lội v.v... Mỗi buổi sáng trước khi đi học, chính chị là người làm sẵn thức ăn bỏ vào hộp lunch cho nó, về tới nhà những bữa cơm luôn có món ăn mà nó ưa thích, rồi tới giờ đi ngủ, chị đã đọc truyện, kể truyện cho con nghe. Bao nhiêu câu truyện ngắn thần tiên và có ý nghĩa, bao nhiêu bài hát hay êm đềm đã theo Cindy vào giấc ngủ suốt từ thuở ấu thơ cho đến giờ...

Còn thằng Minh, từ năm 7 tuổi, cái tuổi ngây thơ bé bỏng nó đã xa rời vòng tay người mẹ, vài năm sau cũng thừa dần sự chăm sóc của người cha khi cha nó có vợ có con khác. Thằng bé ở với cha nhưng bất mãn người mẹ kế, đến nhà hàng của mẹ chỉ để ăn cho no bụng và tạm nghỉ chân, chẳng khác nào một người khách đến rồi đi. Nó lạc loài cô độc giữa cha và mẹ của nó.

Mỗi ngày thằng Minh vẫn đến trường và mỗi ngày nó lại lang thang trên đường về, quanh quẩn giữa về nhà của cha và về nhà hàng của mẹ.

Nhưng nếu một ngày nào đó nó không về một trong hai nơi chốn ấy, nó lang thang trên những con đường khác, xa hơn, làm bạn với những đứa bụi đời trên đường phố, và hư hỏng thì không biết cha mẹ nó có còn vui hưởng hạnh phúc mà họ đang có không?

- Mẹ ơi, mẹ đâu rồi?

Con Cindy từ trong nhà chạy ra sân réo gọi làm chị giật mình. Thấy mẹ, nó nũng nịu:

- Trời ơi, mẹ ngoài này mà con tìm mãi, sao mẹ tưới cây lâu thế? không vào nhà nấu cơm cho con ăn, bố cũng sắp đi làm về rồi.

- Ủ, mẹ sẽ vào ngay đây...

Con bé chột nhìn sâu vào đôi mắt mẹ, ngạc nhiên:

- Có phải mẹ vừa khóc không? Con thấy đôi mắt mẹ còn ướt nước mắt?

Con bé Cindy nhà chị, một vầng trăng sáng ngây thơ và hạnh phúc tuyệt vời, chị không muốn bất cứ một áng mây mờ nào che khuất vầng trăng đáng yêu này. Chị Bông âu yếm dặt tay con đi vào nhà:

- Con ơi, bụi nhà hàng xóm vừa bay vào mắt mẹ thôi mà.

Dương Quân

Hỏi người về sau

Hỏi em rằng thế gian này
Ai bày ra cảnh đổi thay, mất còn?
Tình nào như nước cùng non
Vì nhau hóa kiếp cho tròn thủy chung?
Cõi người sớm gió, chiều giông
Hai ta chẳng phải một lòng nữa đâu
Chuyện ngàn năm trước, ngàn sau
Như người lỡ bước qua cầu nước trôi.
Biệt ly nào chẳng ngậm ngùi
Cho lòng thê thiết, cho đời dở dang
Trần ai âm lạnh nhọc nhằn
Gập ghềnh thân thể, ngổn ngang nợ tình
Vấn vương còn chút niềm tin
Giấc chiêm bao muộn để mình chờ nhau
Mai dù tận tuyệt âm hao
Thì xem như mới hôm nào sẩy chân

Đường ta đi

Ta đi như sóng xô, bèo giạt
Như lục bình trôi chẳng hẹn về
Cuồn cuộn giòng đời con nước xoáy
Thời gian như thoáng một cơn mê
Một cơn gió bụi tuồng say tỉnh
Thấm thoát thanh xuân đã bạc đầu
Chí cả làm chi nên tích sự
Giang hồ, ngày tháng cũng qua mau
Ta đi chạy trốn loài hoang thú
Buổi ấy nghênh ngang khắp phố phường
Rầm rập ngày đêm đi cướp của
Đọa đày dân tộc đến tang thương
Ta đi như đá lăn sườn núi
Cây cỏ vô tư chẳng vẫy chào
Có chú chim non nằm giấu mỏ
Giật mình nghe vọng bước chân đau
Ta đi bỏ lại bao mồ mả
Bỏ cả em thơ, biệt mẹ già

Hương hỏa từ đường, ngày cúng giỗ
Mẹ ngồi khăn nguyện những đêm mưa
Ta đi đuổi bám vầng trăng lặn
Bóng tối bên kia nửa địa cầu
Có kẻ cuồng ca ngồi giữa chợ
Kêu gào Hồn Nước lạc về đâu
Ta đi như cánh chim chiều mỏi
Chìm khuất non xa, cuối góc trời
Đâu những linh hồn bao bạn cũ
Cùng ta nuốt hận vẫn chưa nguôi
Ta đi đến những miền hoang vắng
Như Bá Di xưa với Thúc Tề
Ngửa mặt ta ghì mây xuống thấp
Gởi vãn thơ vọng khắp sơn khê
Gởi câu khẳng khái. Hề! Ta nguyện
Ném mặt nằm gai vẫn một lòng
Không đội trời chung cùng ác tặc
Dầu thành tro bụi kiếp lưu vong
Ta đi quên hẳn câu từ biệt
Chập choạng con tàu lúc nửa đêm
Khắc khoải lòng ta còn luyến tiếc
Trọn đời chưa trả nợ yêu em.

Vũ Hối

Cuội đá tương tư

Hóa ra là chuyện mây bay
Hóa ra là chuyện cười say, đời thường
Chỉ vì trăm nhớ ngàn thương
Để cho cuội đá cũng tương tư buồn
Một lần đi: cỗi mưa tuôn
Bao giờ ta lại về nguồn, người ơi!
Trăng sầu chênh chếch chơi vơi
Nhìn ta bao độ tả toại hồng trần
Lệ nào cay với băng khuâng
Mặn môi nuốt cả quận bầm xót xa
Nhuộm sương mái tóc phù sa
Nắng chiều nghiêng bóng, quê ta ngút ngàn
Đêm buồn lạc xứ, dở dang
Xót thân ly khách, ngõ ngàng đơn côi

Đâu còn mặn một bờ môi
Nỗi đau, tóc bạc như vôi, đất người

Lan Đàm

Cô hàng nước

ở Tallinn, Estonia

Phố xưa gạch đá u trầm,
Vàng ươm tóc nắng gọi thăm nghiệp duyên.
Mười ngón nhỏ, nụ cười hiền,
Chiều len ngõ dốc, thành nghiêng đáng sầu.
Em còn nước, ta về đâu,
Loanh quanh vẫn một con tàu, lênh đênh.

Yêu dấu, Em

Này Yêu Dấu, hãy ngồi yên,
Để ta tìm sợi ưu phiền sương pha.
Đường ngồi rẽ tóc mượt mà,
Nét thanh xuân, tháng ngày qua, vẫn đây.
Này Yêu Dấu, âm vòng tay,
Vẫn thơm hương cũ, đáng gầy tuổi xưa.
Chiều mùa đông, trời dăng mưa,
Có lênh đênh gió cho vừa tình nhân.
Này Yêu Dấu, cứ ân cần,
Nụ hôn - quà của cõi trần yêu thương.

Trương Đạm Thủy

Ma xem hát

Mới đó mà gần hết mùa đông, chỉ còn hơn mười ngày nữa đã đến xuân rồi. Đêm càng thêm lạnh. Mấy đứa trẻ ngồi làm một vòng tròn cạnh ngoại Bẩy dưới mái hiên nhà ngoại. Ngọn đèn bão treo trên cây xà đỡ mái hiên lắc lư trong ngọn gió bắc hắt hiu. Ngoại Bẩy tèm miếng trầu nhai tóp tép như để nhớ lại chuyện đời xưa đời xưa...

Gánh hát nghèo

Hồi đó ngoại còn nhỏ lắm, như tụi bây thời bây giờ. Mẹ ngoại, tức bà cố cũng làm bà đỡ như ngoại. Chuyện bà cố đi đỡ đẻ về khuya gặp ma quỷ yêu tinh coi như chuyện cơm bữa bởi hồi đó làng mình còn hoang vu lắm. Nhà cửa thưa thớt, cách nhau năm sáu tiếng hú mới có người nghe. Hồi đó có một gánh hát nghèo, cổ nói gánh đó thường di chuyển trên ghe, nay làng này mai làng khác hát để kiếm cơm nuôi đoàn nghệ sĩ cũng nghèo như gánh. À, đó là gánh hát của ông bầu Hớn. Hôm đó mới hơn ba giờ chiều từ xa trên con sông chảy qua làng mình đã nghe thấy tiếng trống hiệu vang lên. Người lớn, trẻ em đều náo nức reo lên: “Gánh hát về! Có gánh hát về!”.

Nửa giờ sau có hai chiếc ghe lớn cặp bến chợ. Bầu Hớn nhảy lên bờ chạy lên Nhà

Việc, tức là nơi các ông hương chức hội tề làm việc, xin phép tặc. Dễ thôi, chỉ cần dành nguyên hàng ghế mời danh dự cho hương cả, hương chủ, hương thân, hương hào, hương quản... là xong thôi. Gánh hát Bầu Hớn nhìn qua đã thấy nghèo rồi, từ bầu gánh đến đào kép đều quần áo lôi thôi. Phong màn của gánh hát thì cũ kỹ có cái rách dọc ngang phải đắp vá nhiều chỗ.

Ngoại Bầy nhả miếng trầu châm một điều thuốc. Ngưng nghỉ giây lâu ngoại tiếp:

- Được làng xã chấp thuận cho hát xong bầu Hớn vội vả cho dựng sân khấu ngay trong lòng chợ. Bảng quảng cáo tuồng “Phạm Công – Cúc Hoa” được dựng ngay trước cửa chợ. Trống và phèn la cũng được các “cậu chài” nổi lên inh ỏi. Năm đó các làng xã bị hạn hán thất mùa nên gánh bầu Hớn đã đi hát một tháng ròng mà đào kép đói vẫn đói bởi chẳng có ai có tiền để đi coi hát. Đến làng này bầu Hớn hy vọng khán giả khá hơn để toàn thể nhân viên còn có cơ may chịu đựng. Trời sụp tối trống phèn la càng thúc giục nhưng chỉ ngoài đám trẻ con quần áo lôi thôi lếch thếch ra chẳng thấy có một người lớn nào đến xem. Mặt mày bầu Hớn nhăn nhó thảm hại. Nếu như đêm nay ế khách thì ngày mai đào kép lấy gì ăn? Ông Hớn cứ đi ra đi vào cửa chợ ngóng khách, cũng chẳng thấy ai ngoài một ít người kẻ chợ lác đác trước sân chợ.

Đám trẻ chắc lưỡi:

- Tội nghiệp ông bầu quá hử ngoại?

Ngoại buồn buồn:

- Ồ, tội nghiệp đời xướng ca ba chìm bảy nổi quá. Đêm ấy ngoài các ông hương của làng xã và năm ba khán giả khá giả ra cả rạp hát trong lòng chợ vắng hoe vắng hoắc. Bầu Hớn tuy đành cho diễn mà trong bụng khóc ròng. May sao tuồng diễn hay quá nên các ông hội tề thương tình hùn nhau cho mấy bao gạo và chục con gà con vịt cho đào kép có gì lót dạ qua đêm.

Đêm hát vắng, bầu Hớn rầu rĩ đi ra ngoài sân chợ rồi thẩn thờ đi xuống bến sông. Chợ làng khuya càng thêm vắng vẻ, con trăng khuyết đầu tháng trôi bèo bồng trên nền trời như con thuyền vô chủ đứt dây neo. Bỗng từ đâu đó dưới bến sông đi lên một người đàn bà mặt hoa da phấn. Vừa đến gần bầu Hớn người đàn bà đã lên tiếng:

- Có phải ông đây là bầu Hớn?

Bầu Hớn mau mắn:

- Ừ, tôi là bầu Hớn đây.

Người đàn bà mỉm cười:

- Tôi biết gánh hát của ông đang ế nên đến giúp ông. Mai ông lui ghe đi đến hát chỗ làng tôi đi, bảo đảm có hơn trăm khách. Mà không lo, tui bao đàn.

- Làng của cô đây là làng nào, ở đâu?

- Tui chỉ cho. Mai lúc nước lớn ông cho ghe đi ngược về phía dòng nước, đi đến lúc trời sụp tối sẽ thấy có người cầm đuốc ra bờ sông đón. Đừng lo, sân khấu đã có người dựng sẵn, đến là hát ngay lại có gà quế, heo cú để các người ăn khuya. Đây, tui đặt trước cho

lượng vàng, ngày mai nhớ làm đúng lời tui dặn.

Bầu Hón mừng rỡ:

- Dạ dạ, ngày mai đúng giờ nước lớn chúng tôi sẽ lui ghe.

Hôm sau mới sáng bầu Hón đã cho nhân viên chuẩn bị hòm traps đưa lần xuống ghe. Đến trưa chợ vắng người thì đưa tiếp phông màn xuống. Đào kép thì di chuyển từ người một. Họ lui ghe mà như đi ăn trộm vì sợ các ông hội tề cản trở bởi xin phép hát mười ngày có sao mới một đêm mà lặn mất.

Đến giờ nước lớn nhớ theo lời dặn bầu Hón cho lệnh lui ghe. Chẳng biết có ma quỷ nào che chở không mà bầu đoàn đào kép của gánh bầu Hón có cả ba bốn mươi người ra đi lúc mới xế chiều mà cả chợ, cả ban hội tề cũng chẳng ai thấy chẳng ai hay.

Mặt trời xế dần, xế dần... Hai chiếc ghe của gánh bầu Hón bắt đầu đi vào một đoạn sông cây dừa nước, cây bần, cây tạp mọc um tùm. Chiều dần xuống đoạn sông càng hoang vắng. Lũ chim nghe mái chèo khua động cất cánh bay tán loạn. Cảnh vật hoang vu quá làm ai nấy trên thuyền đều lo sợ. Riêng bầu Hón nhờ có cây vàng lặn lưng nên vẫn hớn hờ chỉ tay cho thuyền đi tới. Rồi mặt trời cũng thấp dần, thấp dần. Phía trước mũi thuyền đỏ như máu màu nắng quái hoàng hôn. Hai bên bờ sông cây cối đã chìm lặn vào bóng tối mờ ảo. Bản thân bầu Hón cũng bắt đầu lo lắng tự hỏi: “Hay là bọn cướp dụ mình đến đây để cướp của giết người? Nhưng bây giờ cũng chẳng làm sao quay ghe lại được. Vàng của người ta mình đã nhận, dành một liều một ăn một thua”.

Đang nghĩ vẫn vơ như vậy đột nhiên phía bên phải thuyền trên bờ sông đã thấy có người mặc toàn đồ trắng tay quơ quơ ánh đuốc. Bầu Hón mừng rỡ ra lệnh cho thuyền cập vào. Lại xuất hiện thêm hàng chục người cùng xuống thuyền khuôn vác hộ rương traps phông màn.

Theo chân đoàn người tiếp đón, đoàn bầu Hón đi dưới ánh đuốc qua một đoạn rừng cây thưa thì bỗng trước mắt đoàn hiện ra một thôn xóm sầm uất, nhà ngói tường vôi san sát, đèn sáng như sao sa. Đi thêm một khắc đã thấy một rạp hát bẽ thế, đèn “măng sông” treo hàng chục chiếc. Chung quanh rạp lại treo đầy đèn lồng ánh sáng tỏa ra thật đẹp. Người thiếu phụ hôm qua xuất hiện chào đón nồng nhiệt bầu Hón. Thiếu phụ tươi cười: - Rạp, sân khấu, phông màn đã chuẩn bị đâu đó xong xuôi. Đêm nay ông cho diễn luôn hai tuồng “Phạm Công – Cúc Hoa” và “Phụng Nghi Đình” cho làng xem cho thỏa mãn. Bầu Hón cười khỏ:

- Làm sao một đêm mà diễn được hai tuồng?

Nữ nhân khoát tay:

- Không lo, đêm nay sẽ dài lắm. Cứ diễn, diễn hết một tuồng sẽ có cháo gà, cháo vịt chiêu đãi để lấy sức. Rồi còn heo qué muốn ăn thứ gì có người lo thứ đó.

Đoàn bầu Hón vào rạp đã thấy choáng váng bởi cảnh trí rực rỡ ở đây. Sân khấu với phông màn cực kỳ lạ mắt. Đèn màu giăng mắc khắp nơi, lại nghe một mùi hương gì đó như hương nhang cúng. Được một lát thì đàn sáo nổi lên rôm rả như nhạc đám ma. Rồi

từng đoàn, từng đoàn khán giả đủ cả già trẻ lớn bé có cả trăm người lần lượt vào rạp.

Nhìn khán giả đông đảo chật kín rạp làm bầu Hớn vô cùng hoan hỉ. Vị nữ nhân xuất hiện căn dặn:

- Bây giờ ông cho diễn đi, đừng lo gì cả. Hôm nay tui bao dàn. Ngoài tiền mua dàn, diễn hay còn có thưởng hậu.

Quá sướng bầu Hớn cho lệnh diễn. Được tin sẽ có nhiều tiền ban thưởng nên ai nấy đều ra sức ca diễn sao cho thật hay. Cứ mỗi lớp tuồng hay đều được khán giả phía dưới ném tiền lên ào ào như bướm bướm, bầu Hớn cho người ra sân khấu lượm ôm cả ôm không hết.

Xong vở Phạm Công – Cúc Hoa ra sau rạp hát đã thấy bày dãy tiệc đầy thịt thà gà cháo cho các nghệ sĩ giải lao. Ai nấy no nê lại thấy tiền thưởng quá nhiều nên mọi người lại nức lòng diễn tiếp tuồng hai, rồi đến tuồng thứ ba. Mà lạ quá, sao đoàn hát cứ diễn hoài mà đêm vẫn chưa hết, hình như đêm vẫn còn dài lắm. Song cứ diễn, cứ ăn uống, cứ có tiền thưởng nên ai nấy đều hưng phấn phô diễn hết tài năng. Hết Phạm Công – Cúc Hoa đến Lưu Kinh Đình Giải Giá Thọ Châu lại đến Lữ Bố Hí Điêu Thuyền rồi Tôn Tản Giả Diên mà trời vẫn chưa sáng. Dù được cho ăn uống thỏa thuê nhưng các diễn viên tài tử, nghệ sĩ của gánh hát bầu Hớn đều quá mệt mỏi. May sao khi họ sắp hết hơi thì tiếng gà ran trong thôn xóm mé Đông đã chột gáy. Đám khán giả nháo nhác đứng dậy. Nữ nhân bao dàn nhét vội vào tay bầu Hớn mấy thỏi vàng lớn rồi biến mất. Cả đoàn hát sau đó tự nhiên rơi vào giấc ngủ say sưa chưa từng có. Từ bầu gánh cho đến đào kép, nhân viên đều lăn ra sân khấu ngủ say như chết, tiếng mõ, tiếng trống vang lên khắp nơi.

Mãi cho đến tận trưa mới có người đến lay bầu Hớn:

- Chú Hớn, chú Hớn dậy đi, sao cái gì lạ quá!

Bầu Hớn dụi mắt nạt:

- Lạ lạ cái gì, tao đang ngủ mà.

- Dậy, lạ lắm chú ơi!

Bầu Hớn mở mắt ra nhìn quanh rồi kêu “Trời” một tiếng đoạn ngất xỉu. Bởi lạ thật! Chung quanh xóm làng nhà ngói tường sơn, rạp hát lộng lẫy đâu biến mất hết rồi. Cả đoàn hát, từ đào kép đến mấy cậu chài đều đang nằm ngủ say như chết giữa một bãi tha ma mồ cao mả thấp, bia mộ cái đứng cái xiêu. Chung quanh những người nằm ngủ thì la liệt những tờ giấy tiền âm phủ.

Khi bầu Hớn tỉnh dậy ông sờ túi thấy còn mấy thỏi vàng liền mở ra, ai ngờ chỉ là vàng mả. Sợ hết cả hồn ông gào lên:

- Lui ghe mau lên, đêm rồi chúng ta hát cho những con ma ở nghĩa địa này. Lui ghe le lên.

Cả đoàn chạy ra hai chiếc ghe thì thấy cả hai chiếc ghe đang nằm chơ vơ trên một bãi sông cùn chung quanh đầy lau sậy không một bóng người...

Ngoại kể một hơi rồi kết:

Nhưng nghe nói sau đêm diễn tuồng cho ma coi thì gánh hát của bầu Hớn bắt đầu phát lên, diễn ở đâu là có đông khán giả đến đó. Có khán giả không muốn đi xem hát rồi cũng như bị ai ám vẫn phải kiếm tiền mua vé đi xem cho bằng được. Có người trong đoàn hát nói là những con ma mê tuồng hát đã trả ơn cho gánh hát của bầu Hớn. Có người còn luận: Ma coi vậy chứ cũng có tình nghĩa, làm ơn cho nó, nó chẳng quên ơn...

Như Phong

Lời ru trên biển

Ta đi gom nhặt đau thương lại
một túi càn khôn vạn phép màu
mời cả nhân gian cùng ngồi lại
dụng chút tâm thành đối đãi nhau
ta mang túi đau thương lên núi
tụng kinh rồi quẳng xuống vực sâu
và hái về nhành hoa an lạc
vung xuống trần gian lấm bết dơ
ta chờ hết đoạn trường ra biển
quảng đón đau trôi giữa mênh mông
bỗng nghe lời ru thâm của mẹ
hát ru oan giữa chốn hồng trần
ta đi gom hồn thiêng sông núi
mang về trả lại cho núi sông
đi nhặt máu xương người hào kiệt
nồi giống ngàn năm giống Lạc Hồng
ta van vái Rồng Tiên trở lại
hóa phép màu trong túi Càn Khôn
tặng cháu con lưỡi gươm cô tích
sông Cha núi Mẹ mãi trường tồn.

Túy Hà

Thư họa từ đây

(Đề tặng Thi Họa Sỹ Vũ Hối)

Vũ đại huynh

Cảm ơn người đã viết

Sau một thời vẽ hết thế gian

Sau một thời ngục tù không chết

Một đời người

Lắm nỗi gian nan

Nét cọ

Sắc màu

Tô xanh trái đất
Có mặt trời soi sáng hồn ai
Hay anh vẽ bi hài cuộc sống
Là chính anh nâng cốc chúc mừng anh
Hỏi có ai
Thật thà đáp lễ
Nụ cười buồn anh giấu lệ rơi
Thời gian ấy
Một thời tăm tối ấy
Chỉ riêng anh nheo mắt ngắm tương lai
Nét cọ lại bay
Bay lên từ quá khứ
Cho những rỗng những phượng trở mình
Cho những tre những trúc lại xanh
Mực Đông Phương ai vẽ buồn Châu Á
Giấy Tây Phương ai họa nước Việt buồn
Khi nét vẽ hòa câu thơ cổ
Cuộc tử sinh anh hoán đổi ba chiều
Thời gian đứng nhưng anh lại động
Thời gian trôi anh dậy ba đào
Nét cọ tài hoa
Anh hòa điệu nhạc
Cho người lưu vong
Thêm chút nhớ quê nhà
Đời tha hương bên trời lận đận
Vũ huynh ơi có thấy ngậm ngùi.

mong một lần

dù chỉ mượn vay

ptcv

tình chẳng cho vay hay để mượn
toàn tâm trọn ý nối đời nhau
may ra còn gặp duyên hạnh ngộ
mộng thường sẽ đến hết thương đau.
hãy cứ hỏi thăm đêm trước ngỏ
nắng còn vương vãi lạc vào thơ
khẽ khàng nghe gió cài song cửa
lay ngọn đèn con ý tỏ, mờ.
nửa đêm nguyệt động rung nhà giữa

bếp lạnh cửa mình nhớ khói xưa
vọng đến thêm rêu hơi thở dứt
ta như đồng thiếp khóc mây mưa
em qua xa cảng tây đông vọng
lắm gót chân son đã mấy vòng
chợ đời ai nhóm trên xóm mộ
ta về khuê các cũng tiêu vong.

Nguyễn Hữu Nhật

Độc Thơ Tình Phạm Tương Như

Tình yêu người - Tình yêu nước - Tình yêu nam nữ

1

Độc thơ tình Phạm Tương Như,
chiều nay hồn nhẹ sợi tơ lụa mềm,
Tôi nằm đắp chăn bông êm
nghe hương xuân dạt xuống thêm theo mưa

2

Hôm nào rồi cũng hôm xưa,
cả hôm nay thấy như vừa hôm qua,
Thơ tình ép lẫn vào hoa
hôm kia thăm tặng có là hôm nay?

3

Đời buồn cát bằng men cay,
mềm môi rượu cạn chẳng say bao giờ,
Ly bia bọt sủi đầu ngờ
lưới sương xuống mỏng đan bờ cỏ non

4

Trầm xanh đá núi, ngọc son,
nào ai biết trước ai còn nhớ nhau
Thời này lỡ sống thương đau
làm thơ là để đời sau hiểu mình?

5

Ngoài trang Bản thảo Thơ tình,
Phạm Tương Như chỉ lặng thinh nhìn đời.
Lòng vui dâng lụa, thay lời,
thốt lên ánh mắt nụ cười trẻ thơ

6

Tình yêu, chữ nghĩa, tình cờ,
nếu không, vắng lặng như tờ giấy không.

Tên gọi khác của mùa đông:
mùa xa, con mắt ngóng trông, mòn dẫu
7

Cái việc in thơ rất cần
như thở để sống, như gần để thương
Nhớ nhà lâu quá, lạc đường,
mất thơ thì biết tìm phương nào về?
8

Thơ Phạm Tương Như hôn mê,
giữ thơm hoa bưởi tóc thề thấm hương?
Quê người tỉnh giấc chiều giường
nhìn xa chỉ thấy khói sương quê nhà!
9

Phép lạ do bạn viết ra
đọc thơ, quên bằng mình già, mới hay
Chẳng chiều nào giống chiều nay:
Phạm Tương Như, cánh hoa bay, Thơ Tình.

Nguyễn Hữu Nhật

Nhớ Houston -Texas - Ngày Họp Bạn.

Trần Hồng Văn

Lưỡi Dao Cạo

Truyện Ngắn Colombia

Trần Hồng Văn phóng tác.

Hắn bước vào mà chẳng nói câu nào trong khi tôi đang liếc chiếc lưỡi dao cạo vào miếng da. Thoáng nhận ra hắn, tôi bắt đầu run nhưng hình như hắn chẳng lưu tâm gì đến tôi cả. Để dẫu nổi lo sợ, tôi chăm chú vào việc liếc con dao, lấy ngón tay cái để thử lưỡi dao rồi soi dưới ánh đèn. Cùng lúc đó, hắn treo chiếc dây lưng to lớn trên có gắn đầy đạn và khẩu súng lục lên chiếc giá rồi dùng chiếc mũ che lại. Nói xong chiếc cà vạt, hắn quay sang nói với tôi:

- Trời nóng nực quá. Cạo mặt dùm.

Tôi đoán có lẽ cả bốn ngày hắn chưa cạo mặt. Đúng là bốn ngày vừa rồi toán quân của hắn đi truy lùng biệt đội của chúng tôi. Mặt hắn bị mặt trời thiêu đốt đỏ ửng.

Cẩn thận, tôi bắt đầu chuẩn bị xà bông cạo mặt. Tôi cắt vài miếng mỏng, bỏ vào chiếc ly rồi đổ vào một ít nước ấm, xong rồi bắt đầu quậy bằng chiếc bàn chải, bọt bắt đầu nổi phồng lên. Trong lúc làm việc, tôi gợi chuyện:

- Chắc là râu những người khác trong toán của ông cũng rậm lắm rồi?

- Không sao hết, chúng tôi thành công trong cuộc truy lùng. Bắt được tên cầm đầu ngoài những tên bị bắn chết và vài đứa bị bắt sống. Những đứa khác sớm muộn gì thì

cũng sẽ bị bắt và giết chết hết.

- Các ông bắt được bao nhiêu đứa?

- Mười bốn thằng. Chúng tôi phải vào tận mãi trong rừng sâu tìm chúng nó. Trước sau gì chúng cũng sẽ bị tóm hết. Chẳng có thằng nào sống được với chúng tôi cả, chẳng chừa thằng nào.

Khi thấy tôi bước lại trên tay cầm ly bột xà phòng với chiếc bàn chải, hắn ngả người vào lưng ghế, đôi mắt lim dim. Còn phải choáng tấm vải che nữa chứ, lấy từ trong ngăn kéo ra một tấm vải trắng, tôi cột hai góc quanh cổ trong khi hắn vẫn không chịu ngưng nói, làm như tôi muốn nghe thành tích của hắn lắm vậy:

- Cả nước này cần phải học một bài học về những gì chúng tôi làm được trong mấy ngày qua.

Trong khi cột lại chiếc nút sau chiếc cổ to lớn, đen sạm và đầy mùi hôi của hắn, tôi trả lời:

- Vâng, đúng vậy.

- Một thành công lớn, phải không?

- Thật đáng được tuyên dương.

Tôi trả lời trong khi với tay cầm chiếc bàn chải. Hắn nhắm mắt lại với dáng điệu mệt mỏi chờ đợi lớp xà phòng mát quét lên mặt. Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ gần hắn. Một dịp được nhìn thấy hắn từ xa là ngày hắn ra lệnh cho cả tỉnh tập trung tại trường học để chứng kiến cảnh bốn kháng chiến quân bị treo cổ, nhưng bây giờ khuôn mặt đó lại nằm ngay trong tay của tôi. Dĩ nhiên chẳng phải là nét mặt dễ thương, và nhất là bộ râu làm cho khuôn mặt của hắn già hẳn đi. Tên hắn là Torres, Đại Úy Torres, một cái đích ám sát của kháng chiến quân vì hắn đã treo cổ nhiều bạn bè đồng đội của tôi, rồi dùng những thi thể này làm mục tiêu thực tập cho toán lính của hắn.

Tôi bắt đầu xoa lên mặt hắn lớp xà bông mỏng. Mắt vẫn nhắm nghiền, hắn nói:

- Tôi có thể ngủ tại đây nếu chiều nay không có nhiều việc phải làm.

Tôi ngừng tay, giả vờ như không thiết tha với việc của hắn:

- Toán hành quyết à?

- Đại khái như vậy, nhưng hơi khác một chút.

Tôi tiếp tục xoa lớp xà bông lên mặt hắn. Tay tôi hơi run, nhưng có lẽ viên đại úy không nhận ra điều đó và tôi thấy an tâm. Tại sao hắn lại dẫn xác tới đây nhỉ? Có thể nhiều bạn đồng đội của tôi đã nhìn thấy hắn tới đây. Hai kẻ tử thù dưới cùng một mái nhà ắt phải xảy ra chuyện gì rồi. Mặt khác, tôi bắt buộc phải cạo râu cho hắn như đã làm cho bao nhiêu người khác, phải cẩn thận, nhẹ nhàng và nhất là không được cạo trầy da để tránh không cho giọt máu nào chảy ra. Phải cẩn thận không để chòm râu làm lạc hướng lưỡi dao cạo. Sau khi cạo xong phải nhìn thấy làn da hắn sạch sẽ, mềm mại, tươi mát để khi rà mu bàn tay qua se không cảm thấy còn vướng sợi râu nào. Vâng, tôi là một kháng chiến quân bí mật, nhưng cũng là người thợ hớt tóc lành nghề và có lương

tâm. Tôi vẫn tự hào về sự lương thiện trong nghề nghiệp này.

Cầm con dao cạo trong tay, mở hai cần an toàn rồi kéo chiếc dao ra, tôi bắt đầu công việc từ một bên tóc mai, kéo dọc xuống. Lưỡi dao ngọt sót, râu của hắn cứng, không dài nhưng dày. Từ từ lớp da hiện lên, bọt xà bông lẫn những sợi râu đứt làm thành từng chùm trên lưỡi dao. Tôi đứng im một lát để lau sạch rồi cầm miếng da ra liếc lại lưỡi dao. Dù sao tôi cũng là người thợ hớt tóc có lương tâm. Còn hắn bây giờ mở mắt ra, lấy tay sờ lên lớp da mặt đã sạch xà bông, miệng nói:

- Sáu giờ chiều nay tới trường học nhé.

Tôi giật mình hoảng sợ:

- Lại giống như bữa trước sao?

- Kỳ này khá hơn.

- Ông định xử họ như thế nào?

- Chưa biết, nhưng chắc có trò vui.

Lần nữa, hắn lại ngả lưng vào thành ghế rồi nhắm mắt lại. Tôi tiến lại sát bên hắn, lưỡi dao cạo trên tay sáng loáng, mạo hiểm hỏi hắn:

- Ông định xử tất cả sao?

- Tất cả.

Xà bông trên mặt hắn đã khô, tôi vội xoa lại. Qua tấm gương, tôi nhìn ra đường phố. Mọi vật diễn biến như thường lệ: có hai ba khách hàng bên tiệm tạp hóa phía bên kia đường, chiếc đồng hồ trên tường chỉ đúng hai giờ hai mươi phút. Lưỡi dao lại tiếp tục cạo dọc xuống phía bên kia mái tóc mai. Lớp râu thật dày màu xanh. Hắn để bộ râu giống như một thi sĩ hay người tu hành. Kể ra bộ râu này cũng thích hợp với khuôn mặt của hắn. Chiếc cổ to lớn sạm nắng, chiếc cần cổ dài đang vươn ra cho lưỡi dao lướt qua với những đường ngọt lịm. Máu sẽ trào ra từ chiếc cổ này? Không, tôi vẫn tự hào là một người thợ hớt tóc giỏi và sẽ không để một giọt máu nào đổ ra cả. Nhưng ... đã có bao nhiêu bạn đồng đội của tôi bị hắn ra lệnh bắn chết rồi, bao nhiêu người đã bị treo cổ, bao nhiêu người đã bị chặt ra từng khúc? Tôi cố gắng không nghĩ tới điều này và Torres cũng không biết tôi là kẻ thù của hắn. Tôi là một cán bộ tình báo bí mật nằm trong thành phố này, nhiệm vụ của tôi là thu thập những tin tức về hoạt động tiêu diệt kháng chiến quân của Torres. Giờ đây hắn lại nằm ngay trong tầm tay của tôi, rất khó giải thích tại sao tôi lại để hắn tới đây cạo mặt rồi ra đi một cách bình thản được.

Giờ đây râu hắn đã được cạo sạch. Nhìn hắn trẻ ra nhiều so với lúc mới bước chân vào. Đó cũng là chuyện thường tình cho bất cứ người nào bước vào tiệm hớt tóc của tôi thôi. Dưới lưỡi dao cạo của tôi, hắn như được sống lại, sống lại bởi vì tôi là người hớt tóc giỏi, mà giỏi nhất trong tỉnh này ... Một chút xà bông dưới cằm, trên quả táo của ông Adam, trên động mạch lớn nơi cần cổ. Trời nóng bức biết chừng nào! Tôi cũng cảm thấy Torres đổ mồ hôi giống như tôi, nhưng hình như hắn chẳng sợ gì cả. Hắn là một người trầm tĩnh, ngồi đây mà chẳng nghĩ gì tới việc chiều nay phải làm gì với những tội

phạm mới bị bắt. Mặt khác thì đối với tôi, chiếc dao cạo trong tay đưa lên đưa xuống trên làn da của hắn, đang cố tránh không cho giọt máu nào rịn ra. Tôi không nghĩ được gì nữa. Tại sao hắn lại dẫn xác tới đây như vậy nhỉ? Tôi là một kháng chiến quân nhưng không phải là một tên sát nhân. Bây giờ giết hắn thì quá dễ, hắn xứng đáng bị xử tử. Không phải vậy. Có phải quỷ ma đang thúc đẩy tôi không? Làm như vậy sẽ mang lại lợi lộc gì đây? Người này giết người kia rồi lại bị người khác giết, cứ như vậy cả biển máu sẽ đổ ra. Tôi có thể cắt cổ hắn thật nhẹ nhàng, một cách ngọt sớt, một cách êm thấm. Tôi sẽ không cho hắn một cơ hội phản ứng lại, hắn ngồi đây, ngả đầu vào ghế, hai mắt nhắm nghiền lại. Tôi sẽ không cho hắn có thời giờ nhìn lưỡi dao cạo sáng loáng, sắc như nước này. Bất chợt tay tôi hơi run, tôi có cảm giác mình là tên sát nhân. Một vòi máu xối xả đổ xuống tấm vải quần quanh cổ hắn, đổ xuống ghế, xuống tay tôi, xuống sàn nhà. Tôi phải đóng cửa tiệm lại. Và dòng máu tiếp tục chảy dọc theo sàn nhà lan ra ngoài đường. Tôi bảo đảm là chỉ một vết rạch thôi, một vết cứa sâu và không đau đớn gì cả. Lưỡi dao cạo này thật bén và hắn chẳng phải chịu đau đớn gì cả. Nhưng rồi tôi phải làm gì với chiếc xác đây? Tôi sẽ giấu ở nơi nào? Tôi phải chạy trốn ngay lập tức, phải bỏ tất cả lại và cấp tốc đi ngay, đi thật xa, chạy thật xa khỏi nơi này. Nhưng họ sẽ không dễ dàng bỏ cuộc và sẽ theo tôi mãi cho đến khi tôi bị bắt mới thôi. Tên ám sát đại úy Torres. Hắn cắt cổ đại úy trong khi ông đến để cạo râu - một tên khôn kiép, một tên hèn nhát ... Nhưng phía bên kia lại ca tụng: " Một anh hùng đã trả thù cho tất cả kháng chiến quân, một cái tên đáng được mọi người ghi nhớ (và tên tôi được nêu lên), đó là một người thợ hớt tóc trong tỉnh". Tất cả mang một ý nghĩa gì? Một anh hùng hay là một tên sát nhân? Giây phút quyết định được đặt trên lưỡi dao cạo này. Tôi có thể hơi quay bàn tay lại một chút, ấn hơi mạnh lên lưỡi dao một chút. Làn da này giống như một lớp lụa, một lớp cao su mỏng. Không có gì mềm mại hơn da người cả, và dưới đó là máu lúc nào cũng sẵn sàng tuôn đổ ra. Lưỡi dao cạo này không thể nào trạch ra được, nhất là được bàn tay tôi sử dụng. Nhưng ... tôi lại không muốn trở thành kẻ sát nhân, thừa quí vị, nhất định là như vậy. Quí vị đến với tôi để cạo râu, tôi sẽ làm tròn phận sự trong danh dự ... Tôi không muốn tay tôi nhuộm máu, chỉ là bột xà bông thôi, vâng, thừa quí vị, đúng như vậy, bàn tay tôi chỉ có bột xà bông mà thôi. Quí vị có thể là một tên đao phủ và tôi chỉ là người thợ hớt tóc, cạo râu. Mỗi người có một vị trí của mình. Thực vậy, một chỗ đứng riêng dành cho mỗi người trong xã hội.

Chiếc cằm giờ đây nhẵn nhụi, mịn màng. Viên đại úy đứng dậy rồi nhìn vào tấm gương, hắn lấy tay xoa lên cằm tỏ vẻ hài lòng:

- Cảm ơn.

Đi về chiếc giá, hắn lấy chiếc thắt lưng, khẩu súng và chiếc mũ xuống. Có lẽ lúc này mặt tôi xanh lăm, tôi cảm thấy chiếc áo sơ mi ướt đầm mồ hôi. Sau khi điều chỉnh lại chiếc thắt lưng, khẩu súng trong chiếc bao và chiếc mũ, hắn lấy trong túi quần ra một ít tiền trả cho tôi rồi bước ra cửa. Khi tới gần chiếc cửa, hắn ngập ngừng một chút rồi

quay lại, ánh mắt lạnh lùng và sắc không thua gì lưỡi dao cạo của tôi:

- Tình báo cho biết là không nên tới đây cạo râu hay hớt tóc vì có thể nguy hiểm tới tính mạng, nhưng tôi cứ tới thử xem sao. Nên hiểu một điều là giết người không dễ dàng đâu nhé. Nhớ đấy.

Nói xong hắn bước thẳng ra ngoài đường.

Trần Hồng Văn

Tác Giả: Hernando Tellez bắt đầu sự nghiệp văn chương bằng thơ và những bài tiểu luận. Với những truyện ngắn trong tuyển tập Cenizas para el viento y otras historia (Tro Bụi Theo Gió và các truyện ngắn khác) tên tuổi của ông vượt qua khỏi quốc gia Colombia sang tới các nước Âu Mỹ khác.

Song An Châu

Mộng ước cho đời

Anh nghe cơn gió heo may
Thu về sau Hạ tình say sóng trào
Gió thu ươm mộng bay cao
Đêm qua mộng ước đi vào giấc mơ
Anh dang tay đón người thơ
Thấy lòng ấm cả trời mơ hương tình
Môi em đỏ mộng xinh xinh
Nụ hôn nồng ấm chút tình em trao
Lời em thỏ thẻ ngọt ngào
Em thương anh lắm nên trao lửa tình
Anh về thấp nển lung linh
Cho đêm rực sáng cho tình thắm tươi
Mắt em rạng rỡ nụ cười
Kêu sa đáng ngọc nửa đời còn xinh
Mai về rửa nắng bình minh
Mời hoàng hôn đến để mình chung vui
Vui bên ly rượu đón mời
Mời bè bạn đến mềm môi rượu tình
Mừng cho đôi lứa chúng mình
Đẹp duyên cảm sát thắm tình lứa đôi.

Phạm Tương Như

Như thể tàn phai

Ta về nghe sâu bọt
Gậm nhấm lá đơn côi
Nhớ hoài màu hoa đỏ
Trên môi em rã rời

Con chim nào đứng hót
Lời buồn tiễn mây trôi
Ngọn gió đùa lá đọt
Cành cây rung bồi hồi
Em đi chìm bóng mát
Trên thảm cỏ đợi chờ
Gót son nào ngơ ngác
Đạp nhàu nát trang thơ
Con bướm đời bay mãi
Vườn hoa trắng rụng đầy
Dòng sông buồn tuôn chảy
Gương mặt nắng tàn phai
Ta hoài ru ngọn gió
Nhìn nước mắt mưa rơi
Tim héo khô lâm lữ
Bóng thời gian toi bời.

Thu nhớ người

Dáng mượt Thu sang vàng trắng thơ mộng
Gợi nhớ mùa tình ngủ bóng cây đêm
Ánh mắt ươm mơ trắng vờn áo mỏng
Môi má đượm tình thơm hơi thở quen
Quán vắng bên sông tay ai liêu lĩnh
Nắm một bàn tay đôi bóng nghiêng nghiêng
Người lỡ đi xa lòng hoài miên tưởng
Gợn sóng tim cô, sông nước lặng yên
Thu nhớ người, buồn tôi đi nhặt lá
Là góp cô đơn vàng nổi đợi chờ
Hàng cây trơ cành lạnh bờ ghề đá
Ngọn gió vô tình gợi trả cơn mơ
Thì tôi vô biên nhớ người miên viễn
Như cây khẳng khiu luyến tiếc lá vàng
Nỗi đau trong tim bàn hoàn đưa tiễn
Người ấy chưa về... Vẳng tiếng Thu sang

Hà Thúc Sinh

Đêm hè

Cô gái mười chín và chàng trai hơn cô ba tuổi. Họ đang chung bước vào mùa hè nóng đầu đời. Họ yêu nhau. Nơi thành phố miền tây này nàng ở xóm dưới, xóm có nhiều người Tàu, gần bờ sông, xa xóm học, nơi có những dãy nhà xây tường vách cũ kỹ, rêu

phong. Ban ngày dưới những gốc phượng đầy cánh hoa đỏ tả tơi lũ bé gái nô đùa rần rần, còn lũ bé trai thì làm chủ trên những cành ô môi to đen, thậm chí trên cả những cành chùm ruột gầy còm xơ xác. Dọc một bờ tường có nhiều hàng quán lưu động, đám vô công rồi nghề ngồi đánh cờ tướng, đám khác đánh cờ ca-rô bằng những mẫu gạch ngang dọc trên mặt hè phố nứt nẻ.

Về đêm khu phố đổi nét mặt. Đó đây ít ngọn đèn hiêm hoi chưa cháy chụp xuống chút ánh sáng đục, giống mấy con mắt lơ lơ đứng rình rập những bóng người mờ nhạt thường quàng chân đi nhanh như ngoài ý muốn. Giờ khu phố đã biến thành thế giới của phường anh chị. Bọn ấy chập chờn như bóng ma trong các hẻm vắng thường vắng tiếng chó sủa, trở ra mấy quán nhỏ bán lẻ rượu bia, thuốc lá hay dẫn vào những ngôi nhà tắm tối sâu phía trong thường có ổ nhện. Bọn anh chị tụ tam tụ ngũ đứng hút thuốc, thăm thì như lập hội kín; cũng có lúc chúng đánh thức cả phố dậy vì tiếng la hò, rượt đuổi, đập lộn. Nhưng dù đang lặng lẽ hút thuốc hay đang đập lộn, khu phố đêm tức thì trở lại im vắng lúc có tiếng còi cảnh sát rúc xa xa. Đó là thứ hiêm hoi bọn anh chị không coi khinh trên đời. Chẳng mấy ai thích lang thang trên khu phố bờ sông về đêm. Chàng trai cũng thế. Và do đó chàng ít nói, nhưng cô gái thì ngược lại, cô hay nói, hay kể những chuyện không ăn nhập đến chuyện hai người. Từ buổi họ quen nhau khi cô gái theo học một lớp luyện thi đêm mở trên ngôi trường miệt chợ, nơi chàng là thư ký văn phòng, chàng luôn phải thả bộ đưa cô gái về nhà. Nàng không thích đi xe. Và vì thế đã có lúc chàng ái ngại hỏi:

"Bộ không sợ bóng đêm hả?"

Nàng cười rúc rích:

"Có anh, sợ gì."

Chàng trai chột dạ. Chàng cắn môi nghĩ đến tấm thân gầy còm của mình. Chàng tự hỏi quả mình có đáng là đối tượng cho niềm tin ấy? Rồi chàng quyết định không tự cho phép mình làm hư niềm tin của nàng.

Lát sau chàng lại hỏi:

"Không sợ cả bọn anh chị?"

Nàng không đáp, nhưng đi qua một ngọn đèn đường nàng có liếc nhìn chàng với nụ cười long lanh trong khoé mắt. Chàng hiểu. Chàng nhớ đến một câu thơ cổ Nhật Bản từng đọc đâu đó:

Tên cướp có thể giết người bằng lưỡi kiếm của y; nhưng cô gái giết tên cướp bằng khoé mắt nàng.

Bộ ngực cô gái đầy đặn, ngon lành. Mái tóc dài thơm ngậy ngậy bay rối ren trong bóng đêm. Gió sông luôn lách qua những con hẻm. Không ai lạnh. Cô gái đuổi theo dư vị một giấc mơ, còn chàng trai lại kéo cao cổ áo như đang tơ tưởng đến mùi ngai ngái, menh mang -- mùi hơi thở và da thịt thôn nữ trên rơm trên rạ. Sau cùng họ lặng lẽ gặp nhau ở mùi thân thể người tình. Cứ thế, lựa những lúc cô gái không hỏi,

chàng trai khẽ huýt gió một bài tình ca. Chàng vui vui với ý nghĩ những ngày xa nhà chàng đã quen một cô gái miền tây xinh đẹp, lãng mạn, ngọt lừ. Chàng đang là nỗi ghen tức cho nhiều người, và biết đâu cho cả lũ thanh niên anh chị.

Nhưng có bao giờ cô gái cho phép chàng phủ phê nghĩ ngợi. Nhìn một thân cây, cô lại hỏi:

"Sanh để ở đây mà sao lấm phen em lạ thiệt lạ với thứ cây này, thứ hoa này."

Chàng ngược nhìn. Nổi dưới trời sao là một tàn cây đen sẫm, lá to, hoa trắng ngần như chiếc bát sứ.

Chàng đáp:

"Magnolia - mộc lan."

"Mộc lan?"

"Sao?"

"Chưa từng thấy đó nha."

"Thì nó đó. Những đoá hoa như những cô gái béo trắng."

"Ghét gái mập ha!"

"Hồi nào. Gái mập đẻ ra mẹ loài người."

"Rồi gái ốm?"

"Đẻ ra cha loài người."

"Còn em?"

"Mát da mát thịt, đẻ ra con anh."

"Má nói có sai hồi nào."

"Sao?"

Cô gái lại cười rúc rích.

Chàng trai lập lại:

"Sao?"

"Trai Bắc kỳ xạo khỏi nói."

"Vậy ông già người chi vậy?"

"Người Tàu."

Một lát sau:

"Em đói?"

"Trời, hồi chiều má đổ bánh xèo làm một bụng càn hông."

"Lúc nào cho anh tới ăn bánh xèo đây?"

"Ý, đừng sáng chóe. Bả cạo đầu tui ạ."

Chàng trai đáp khẽ:

"Vậy thôi."

Hai người vẫn chậm bước song song. Tiếng guốc cô gái có lúc khua vang bất ngờ, có lúc lẹp kẹp như đứt quai. Còn tiếng giày da của chàng trai gõ lộp cộp đều đều. Lòng phố đêm trả cho họ tất cả những âm thanh của họ.

Chàng trai lại huýt gió, rồi cô gái lại hỏi:

"Còn cái cây kia. Cây chi tím bầm tím ngắt vậy?"

"Jacaranda -- phượng tím."

"Lạ há, chưa từng nghe đó nha."

"Thì nó y chang cây phượng chỗ góc trường, không thấy sao. Lá xiu xiu, nhưng tháng tư tháng năm tháng sáu lá rụng hết để cây biến thành bó hoa tím lung trời, tròn đầy như mâm xôi lá cẩm."

"Em sanh ở miền Tây mà sao... Ồ mà anh thấy nhỏ Lang lóng rày có chi lạ không?"

"Lạ là sao?"

"Nó biểu nó uống giấm thanh đó."

"Hát vọng cổ vẫn mùi."

"Ừa, nó văn nghệ quá trời, có điều nặng chi tới sáu chục ký. Mập quá. Kỳ quá anh há."

"Đó là mẹ loài người."

"Vậy chớ nó nhiều bò lắm á."

"Không vậy sao làm mẹ loài người?"

"Nó biểu đời nó ghét có mỗi một chuyện..."

"Gì vậy?"

"Là không dám làm."

"Là sao?"

"Là nó dám làm."

"Mà làm gì?"

"Thì... yêu đương đó mà."

---o0o---

Cô gái lại cười rúc rích. Còn chàng trai không huýt gió nữa. Tới chỗ bờ tường là gần tới nhà cô gái. Ở đây chàng sẽ nhìn thấy một eo sông mà con nước nằm dưới trăng trông như bụng một con rắn vàng có chữa. Căn nhà hai tầng. Chàng không bao giờ biết được sân sau, chỗ tiếp giáp bờ sông có gì. Chàng chỉ biết con hẻm bên hông nhà có trồng nhiều chuối và nhãn, chuối cau chuối sứ và nhãn đang hoàng, không phải chuối dại, nhãn dại như chàng vẫn thấy trên những lề đường nơi chàng ở. Có khuya từ nhà nàng về một mình, chàng còn nghe thấy tiếng dơi bay rào rào trong bóng tối như bay trong giấc mộng xa vời. Lách qua mấy gốc nhãn hai đứa sẽ vào nhà bằng ô cổng nhỏ bên hông. Luôn luôn nàng nhẹ bước vào trước như để lấy hương da thịt quen thuộc trấn áp trước mấy con chó dữ dằn. Chỉ khi nàng suyt khẽ chàng mới vào theo. Giờ đó cha mẹ anh em nàng đã rút hết lên lầu. Chỉ nàng ngủ dưới nhà. Nàng chiếm một phòng nhỏ phía sau, chỗ gần bếp, có khung cửa sổ nàng có thể thò tay vào lấy chìa khoá giấu bên trong. Đêm nào cũng thế, hai đứa đứng tựa lưng vào khung cửa sổ tình tứ trong bóng tối nhưng họ như vẫn thấy nhau rõ ràng. Nếu chàng thấy được nàng cố giấu trong căn

cổ xinh đẹp trắng ngần nụ cười rúc rích quen thuộc, hay những sẵn sàng đón nhận trong bộ đồ bộ màu lam có thêu hoa cúc vàng tao nhã, thì nàng cũng thấy rõ trong tấm thân chàng sự ham muốn trỗi dậy, toả bốc không sức nào ngăn giữ. Họ đã đứng đó, đã yêu nhau trong bóng tối quen thuộc thật nhiều đêm, nhiều lần.

---o0o---

Lại có tiếng rượt đuổi, rồi tiếng còi cảnh sát xa xa. Họ rời nhau ra như cái ngó sen ngắt đôi, nhưng chẳng tách biệt. Đó là lúc nàng không thể giữ được nữa tiếng cười rúc rích, và chàng cũng tự biết không nên nán lại thêm giây phút nào.

Một hôm chàng nói:

"Anh nhận giấy gọi rồi."

"Gọi chi?"

"Anh sẽ đi lính."

"Có vụ đi lính nữa sao?"

"Biết vậy đi, cứ biết chiến tranh và anh sẽ là một người lính."

"Rồi bỏ em hả?"

"Không, một thời gian anh về."

"Thiệt đó chứ?"

"Thiệt."

"Quay lại nghe, đừng bỏ tui ngang xương đó nghe."

Đêm nay chàng lại đưa nàng về. Chàng không nói đêm nay có thể là đêm cuối. Chàng mệt mỏi. Dừng chân ngoài mấy gốc nhãn chàng chỉ hôn nàng và nói:

"Đêm nay nóng quá!"

"Hè mà."

"Ừ, đang hè."

"Anh vô trông chứ?"

Chàng ái ngại. Quả thế, đó là lần đầu chàng thấy ái ngại cái bóng tối mênh mang, nơi ấy có cánh cửa sổ, có căn phòng bên trong tối om và chưa một lần chàng nhìn rõ đâu là chiếc giường từng đêm nàng ngả tấm thân mát da mát thịt, đâu là chiếc gối thơm tho mà chàng chắc rằng mỗi khi nhớ đến sự vụng dại của chàng nàng khó mà không rúc vào để giấu tiếng cười rúc rích trong đêm.

Chàng đáp:

"Không, anh về. Anh có việc."

Nàng ra chiều không ưng ý. Chàng hôn nàng lần nữa với bàn tay lục lạo ơ hờ. A lạ, hôm nay nàng húng hắng ho. Chàng hứa thề nếu mai trở lại chàng sẽ mua cho nàng một hộp thuốc ho. Rồi chàng lặng lẽ quay ra hè phố vắng. Chàng ngược nhìn bầu trời đêm, trên ấy như có cái miệng vô hình tào tợn thổi xuống những hơi lửa chết người. Chàng mệt nhừ. Dưới những ngọn đèn mờ nhạt chàng vượt qua những hàng phượng và chùm ruột, những vỉa hè ban ngày có bọn nhàn rồi ngồi đánh cờ, có bọn trẻ leo trèo phá

phách, có những con hẻm chó sủa xa vắng vu vơ, có bọn anh chị đứng phì phèo thuốc lá và bụng chàng lại cồn lên chút lo lắng mơ hồ quen thuộc.

Xóm dưới đã xa rồi, xa lắm, chàng ngoái lại và không còn thấy gì. Chàng khẽ huýt gió. Giờ chàng đã bước tới khu phố đầy ánh sáng đèn. Cũng có nhiều cây nhưng không loại nào có trái ăn được như ở phía nhà nàng. Có những tiệm ăn sang trọng, sạch sẽ nhưng chàng chưa một lần ao ước. Chàng lại tự hỏi biết bao giờ chàng được đến chơi và được má nàng cho ăn món bánh xèo ưa thích. Thốt nhiên chàng nghe thấy tiếng cười rúc rích bên tai. Chàng ngoái lại. Rồi chàng ngậm ngùi lẫn kinh ngạc nhận ra đó chính là tiếng cười kỳ cục của chàng.

Chàng đã đi lố đến ba con hẻm. Khi không chàng rối trí. Mùa hè. Thành phố miền tây. Đúng mà, chàng đang đi dưới một đêm hè, trên một thành phố miền tây. Đã tới tiệm giày Big 5 là quá hai lốc đường rồi. Chàng phải quay trở lại. Chàng đi qua góc đường số 5. Cửa tiệm thuốc tây Sav-on drugs còn mở khuya. Chàng dừng chân nhớ mình cần mua một món gì đó. A, chàng đã không tự hứa sẽ mua cho nàng một lọ thuốc ho đó sao. Nhưng chàng cứ đứng ỳ một chỗ, cho đến lúc bất thần chàng bắt gặp trong khung gương, chỗ đặt chiếc cân miễn phí, chân dung một người đàn ông đã trọng tuổi, mệt mỏi, bơ vơ -- thứ người đã xa xôi lắm với mùa hè dù đi dưới đêm hè.

Chàng quay lưng. Dưới bầu trời hừng nóng chàng tìm về nhà nơi con hẻm giữa đường số 5 số 6. Có tiếng mèo rượng đục. Chàng ghét tiếng mèo. Tiếng chó sủa khuya làm con hẻm thêm xa vắng, thê lương; tiếng mèo làm nó thêm hút sâu, ngọt ngạt.

Nén lắm mà chàng vẫn không thể không thốt một tiếng thở dài:

- Mới đó đã ba mươi năm!

Dương Thượng Trúc

Hoài niệm

Mây xám giăng tơ một buổi chiều.

Hoàng hôn nhàn nhạt nắng liêu xiêu.

Chợt nghe sóng dậy trong tiềm thức

Vắng vắng đâu đây tiếng sáo diều.

Câu hò khoan nhật vang bên sông.

Con thuyền lơ lửng giữa mênh mông.

Tiếng cười cô lái dòn trên sóng.

Mắt sáng môi son, má đỏ hồng.

Xanh ngát một màu, thân lúa non.

Uốn mình theo cơn gió chập chờn.

Hương thơm nhẹ nhẹ lan trong nắng.

Càng thấy tình quê đậm thắm hơn.

Tìm trong kỷ niệm thoáng hương xưa.

Nhớ lắm, quắt quay nói sao vừa.
Thời gian ơi hãy dừng chân lại.
Cho tôi sống trọn những ngày thơ.

Hoàng hôn nhớ mẹ.

Ngoài hiên giọt nắng rã rời.
Hoàng hôn phủ xuống một trời cô liêu.
Chân mây lạc lõng cánh diều.
Như thân viễn xứ chín chiều ruột đau.
Thương mẹ già lắm biên dâu.
Thân cò lặn lội giải dầu gió sương.
Mẹ ơi! Tình mẹ khôn lường.
Vỗ về con vạn nẻo đường chông gai.
Quê người nhìn hạt nắng phai.
Hương về đất mẹ u hoài xót xa.
Chiều nay chắc mắt lệ nhòa.
Vời trông cánh nhạn giữa tà huy buông

Lâm Thúy

Tàn thu

Chân bước trên thềm lá
Hồn rung niềm tàn phai
Nắng chiều soi bóng ngã
Hoa cúc vàng sân ai
Bay giữa trời buốt giá
Bầy chim mỏi cánh. Buồn!
Hoàng hôn buông vội vã
Ai oán tiếng kêu thương!
Hàng cây trơ cành. Đợi
Mùa đông phủ tuyết lên
Nhánh khô gầy yếu đuối
Lặng lẽ chờ oan khiên
Dấu trời im, đứng gió
Đời không hẹn bình yên
Lá khô từ thiên cổ
Tàn thu. Sầu mông mênh...

Sợ mai về thấy

mộ phần cỏ xanh

Từ ta bỏ cố hương đi
Âm thầm lệ khóc từ ly đã nhiều

Mẹ già tay yếu, chân xiêu
Cha gầy tuổi hạc bóng chiều tà dương
Nặng lòng ngày nhớ đêm thương
Xót xa từng mỗi bước đường chia xa
Tha hương , lòng gửi quê nhà
Chân lê viễn xứ, hồn tha thiết về
Mỗi lần thăm lại, rồi đi
Như ai cắt ruột, buồn chi xé lòng
Bước ra nước mắt rờn rờn
Mẹ quay mặt vội, buồn không dám nhìn
Đời người vốn dĩ mong manh
Mẹ cha như trái trên cành chưa rơi!
Hận chi người phải xa người
Hận chi ta phải sống đời lưu vong
Hận chi đời phải nghìn trùng
Hận chi chim phải bỏ rừng mà bay!
Ngậm ngùi ôm mẹ trong tay
Buông ra không nổi, đường bay đã gần
Bước ra quay lại mấy lần
Sợ mai về thấy mộ phần cỏ xanh!

Phan Các Chiêu Hằng

Sông xanh

Mỗi ngày hai bận cô đi về ngang qua nhà anh. Mỗi chiều anh đứng tựa người bên khung cửa rào trước nhà nhìn cô ôm cặp đi ngang lúc tan trường. Cô không biết là anh đứng đó vì muốn chờ đợi để nhìn riêng một ai, hay cũng như bao nhiêu chàng thanh niên khác, anh chỉ muốn hưởng cái thi vị chiều chiều đứng nhìn những tà áo trắng tan trường tha thướt lượn bay. Nhà anh nằm sát bên khúc quanh ở dốc cầu, trên con đường chính đi vào thành phố. Phía trước nhà có một khoảng sân nhỏ nằm sau hàng rào thấp sơn màu vỏ trứng, đủ để người qua ngang nhìn được thấp thoáng một góc băng xi măng cần đá lở loi nằm phía bên dưới cửa sổ và vài ba khóm hồng mọc dựa theo bờ tường loang lổ những mảng rêu xanh mịn màng. Cô không biết anh từ đâu đến, nhưng bỗng một ngày kia anh có mặt bên khung cửa đó mỗi ngày. Nhìn riết rồi thành quen, cô thấy sự có mặt của anh cũng bình thường như hàng rào màu vỏ trứng, như khóm hồng rung rung trong gió chiều, như băng ghế đá nằm im lìm bên khung cửa mở.

Ngay từ trên dốc cầu, cô có thể trông thấy dáng dấp cao lêu khêu của anh thơ thẩn trong sân, nghĩa là trên khoảng đường mấy chục thước từ dốc cầu qua ngang nhà anh, cô chịu đựng tia nhìn vừa tò mò, vừa lém lỉnh của anh dõi theo từng bước chân cuống quýt của cô. Cô không có vẻ thuộc vào hàng yếu điệu nhu mì “cắn hạt cơm không bẻ làm hai”,

nhưng hình như khi không có bạn bè nào đi cùng trên quãng đường này cô cũng đánh mất đi phần nào cá tính ngang tàng phách tấu. Cô cố tình che dấu sự bối rối của mình bằng cách hay hắt mặt kên kên khi đi ngang qua nhà anh. Chừng vài tuần thôi, rồi cô cũng quen dần, cô bắt đầu ngó anh nhưng nét mặt cứ lạnh tanh như nước đá không biểu lộ chút tình cảm lớn nhỏ nào. Anh tỉnh bơ, nhếch mép cười và kín đáo khẽ nghiêng đầu như chào hỏi hàng xóm với cô.

Rồi đến một ngày... đẹp trời, anh xích gần lề đường hơn một chút, đón đả chào cô, nói năng rất lịch sự và mềm mỏng:

- Tôi thấy cô đi học về ngang mỗi ngày, như vậy cũng đã gần như là người quen. Tôi tên Thiên. Còn cô nhỏ tên gì vậy?

Cô giật mình sững sốt, đứng lại nhìn anh, hơi ngần ngừ một chút rồi cúi đầu nói nhỏ:

- Tên tui là Sông.

- Song như là “hai đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau”? Anh hỏi.

Cô ngẩng đầu lên, ngó thẳng vào đôi mắt nheo nheo trên chóc của anh, giọng hơi cong cớn:

- Không phải, Sông như là “chàng ở bên này sông, thiếp ở bên kia sông, cùng uống nước một dòng...”

Anh vặn vẹo:

- Ô!... Mà Sông Dài, Sông Sâu, hay là chỉ Sông trơ trụi thôi?

Cô cười chúm chím:

- Chỉ Sông... khơi khơi vậy thôi, không dài, không sâu, không trong, không đục gì hết!..

Anh nhìn cô, vẻ mặt thật thà dễ tin:

- Tên ngộ ha! Nghe không được... văn chương cho lắm, nhưng mà ngộ.

Cô gục gặc đầu đồng ý với anh:

- Ba tui không thích cái gì rườm rà khó hiểu, nghĩa đen nghĩa bóng tùm lum. Người Nam chính hiệu mà! Tui sanh ra ở đây, cái xứ sông ngòi chằng chịt, nên Ba tui đặt tên như vậy luôn cho dễ nhớ. Cũng may cho anh, chớ Ba anh mà giống như Ba tui thì tên anh chắc hơi... khó nghe.

Anh nhìn cô, nhướn mày dò hỏi. Cô nhún vai:

- Vậy chớ anh tưởng tượng coi, mỗi lần ai muốn gọi anh là phải kêu “Trời ơi, Trời à...”, anh không thấy nghe nó hơi kỳ cục quái đản sao?

Anh ngần người, nghĩ đến bao nhiêu hoàn cảnh khác mà thiên hạ có thể kêu “Trời ơi...”, rồi bật cười, đồng ý với cô là mình may mắn không có một người cha với đầu óc giản dị như Ba cô nhỏ Sông. Cô nhìn anh, tùm tùm cười, ra chiều đắc ý với sự nhận xét của mình.

Cô nhìn anh cũng với cái nhìn đó, ra chiều đắc ý với sự... lường gạt của mình trong một chiều khi hai người đứng tán nhảm bên hàng rào nhà anh và vài người

bạn gái của cô tình cờ đạp xe đi ngang, với tay vẫy chào và gọi tên cô ơi ới, “Hà, ê Bích Hà...” Anh nhìn cô, làm ra vẻ ngỡ ngàng sững sờ:

- Ủa, tên em không phải là Sông sao? Em dám nói dối với tôi mấy tuần nay...

- Vậy chớ anh không thấy tên Sông dễ nhớ hơn hay sao? Nhà anh nằm bên dốc cầu, giáp mé sông, anh thấy nó mỗi ngày... Một người ngồi bên kia sông trông theo nước chảy về đâu, một người ngồi đây trông hoa trôi theo nước chảy phương nào...

Cô trả lời thật ngon lành, hát nho nhỏ vài câu một cách rất tỉnh tuồng, rồi mau mau đánh trống lảng sang chuyện khác:

- Mà anh có kịp nhìn mặt con nhỏ bạn của Sông hồi nãy không? Con nhỏ mặt tròn tròn, tóc dài dài ngồi đằng yên sau, không phải con nhỏ hì hục còng lưng đạp xe leo dốc cầu...

Anh lắc đầu, chăm chăm nhìn cô không nói tiếng nào. Cô thao thao tiếp tục câu chuyện như không có gì lạ xảy ra:

- Nói cho anh biết, con nhỏ đó thích anh, không chừng dám tương tư nặng nữa là khác. Anh nghe chắc là khoái chí tử rồi há?.. Anh muốn thì Sông giới thiệu cho.

Anh ậm ừ, ra vẻ hơi lạnh lùng với cô:

- Tôi đã có người yêu ngoài Đà Lạt... Tôi kể cho em nghe rồi!

Cô chun hai cánh mũi, thở khi một cái, nói như người sành đời:

- Thôi đi anh Thiên ơi!... Người yêu mà ở mịt mù xa lắc như vậy thì kể như... hết yêu mấy hồi! Bộ anh không nghe người ta nói xa mặt cách lòng, loin des yeux, loin du coeur. Mà Sông thấy hình như mấy bài thơ anh làm cho người ta, thơ nào cũng có hơi hướm... thất tình trong đó, chắc không xong rồi!..

Anh nhíu mày, nhìn cô với vẻ mặt lầm lì. Cô nghiêng đầu, nhìn trả lại anh với đôi mắt tròn xoe tinh nghịch:

- Á à..., anh còn sùng về cái vụ Sông với Biển! Thôi mà, đừng giận hờn làm chi cho... phí tuổi xuân thì. Sông hay Hà gì thì cũng như nhau. Tên gọi chỉ là cái tên để gọi. Anh không thấy Sông là người quân tử hay sao, Sông chưa thềm giận anh về cái tội dám nghĩ Ba người ta là dân... nhà quê, đặt tên con kiêu đó!..

Rồi cô cứ tiếp tục xung tên Sông với anh. Mà anh nghe riết rồi cũng quen tai không còn thấy gì lạ lùng nữa, nên anh cũng không thềm nhớ đến tên tộc trên giấy khai sinh của cô. Có lẽ tên nào thì cũng chỉ là cái tên để gọi, để còn nhìn được người quen với nhau là tốt lắm rồi, như cô đã lý sự nhai nhăng với anh.

Cô vẫn đứng lại trước hàng rào nhà anh mỗi lần đi học về ngang, nói vài ba câu chuyện bâng quơ trên trời dưới đất. Chuyện lớp học, chuyện bạn bè, chuyện cô gần đứng chót trong lớp về môn Toán trong kỳ thi lục cá nguyệt, chuyện cô chưa nghĩ ra được sẽ học ngành gì ở đại học sau mùa thi sắp đến. Cô cười ha ha với anh, “Nếu không nhờ một đứa trong lớp đầu ban phải nghỉ học ba tháng thì chắc Sông đội sổ luôn về môn Toán. Bữa đó Sông ngủ quên, không học bài”. Cô nhíu mày tư lự với anh,

“Sông nghĩ chắc mình không thích đại học đâu anh Thiên. Đại học chắc không vui bằng ở trung học đâu, anh Thiên hả? Sông ở tỉnh nhỏ quê mùa quen rồi, nghĩ tới chuyện mai một phải xa nhà lên thành phố học sao ớn quá!..” Cô đọc qua những bài thơ thất tình anh làm cho người bạn gái nào đó nơi thành phố anh từng sống, lên giọng bình phẩm về cách anh dùng chữ, gieo vần, rồi chê anh rậm rề, “Anh làm thơ nghe cũng đường được dù không mấy rung động... đây, nhưng mà anh viết chữ... hơi xấu. Mai một anh có muốn viết thư tán tỉnh cô nào thì năn nỉ Sông viết dùm cho!” Anh chịu đựng cái tính hay nổi hứng hát hò nghêu ngao bất tử của cô, làm bộ lắng tai nghe, rồi phê bình là tiếng hát cô không tròn, giọng ngân không dài, lên cao thì rè, xuống thấp thì... tắt. Cô và anh, hai người không ai chịu thua ai trong chuyện tìm đủ đề tài để chê bai chọc ghẹo nhau. Hình như cả hai đều không muốn phân tích sâu xa hơn về sự liên hệ tình cảm với nhau, vì trong mọi hành động và cử chỉ trong cách đối xử với nhau, cô và anh đều kiên trì giữ đúng vị trí lưng lờ của mình.

Rồi anh đột ngột quyết định bỏ đại học luật, thi vào trường võ bị. Tức là anh muốn quay trở lại thành phố cũ, cô nghĩ. Anh nói với cô:

- Hình như đời sống sinh viên không thích hợp mấy với tôi, mà làm nghề luật sư càng dị ứng với tôi hơn, tiếp tục học Luật chỉ tốn phí thì giờ.

Rồi anh cười:

- Nói theo kiểu dao to búa lớn thì tôi muốn gác bút nghiên để đi theo... tiếng gọi của non sông.

Cô cũng cười theo anh:

- Ủ, nghe nó oai hơn là đi theo tiếng gọi của... con Sông, anh Thiên há?...

Ngày anh đến chào từ giã, cô nhận ra đây là lần đầu tiên anh đến nhà cô, trong lòng cô chợt thoáng buồn. “Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về..” Cô không hỏi, vì thật ra trong thâm tâm cô đã biết chẳng có gì ràng buộc anh với thành phố này. Chỉ là một nơi tạm dừng chân trong cuộc đời trôi nổi của anh, như một lần tình cờ thăm viếng. Cô thoáng buồn, nghĩ đến chiều tan trường qua ngang những nhịp cầu quen thuộc, rồi mai đây sẽ không còn dáng dấp cao lớn của anh đứng lẫn quần đẩu đó trong khoảng sân nhỏ, lân la đợi chờ để chào đón và trò chuyện vu vơ với cô. Cô thoáng buồn, nghĩ đến hôm anh bất ngờ tặng cô chiếc áo len trắng trong ngày sinh nhật mười tám tuổi. Anh cười tươi thích thú nhìn vẻ mặt sững sờ ngạc nhiên của cô khi mở gói quà, giọng cô xôn xao, “Trời ơi! Hay quá vậy ta! Làm sao mà anh biết ngày sinh nhật của Sông?..” Rồi cô riu rít, “A, áo len trắng! Như vậy là Sông có áo ấm mặc đi học khi trời trở lạnh lúc gần Tết. Cảm ơn anh Thiên nhiều lắm lắm...” Cô nhìn anh với đôi mắt biết cười. Anh nhìn cô và thấy cả một bầu trời xanh cao trong đó. Anh nói với cô, “Em dễ bị cảm, mà tôi thì sợ nếu quá lạnh thì ngày nào đó chắc em sẽ biến thành... Blue Danube”.

Blue Danube. Trong những lá thư anh viết về cho cô từ cao nguyên sương mù, anh hay

gọi cô như thế. Đây Blue Danube trong phố nhỏ. Cô viết thư trả lời, nói anh khéo tưởng tượng quá, sông ngòi quanh đây lúc nào cũng đục ngầu phù sa từ mùa nước cạn cho tới mùa nước lũ, không phon phớt nổi một chút màu xanh ngay cả trong những ngày trời trong vắt không một gợn mây. Anh tả cảnh sương mù, đồi thông, dốc cao, mưa bụi..., cảnh những buổi sáng trời đục vẫn khói sương của miền cao nguyên, những buổi chiều lắt rắt mưa bụi về ngang không đủ thấm ướt má môi.

Cô không tưởng tượng được tiếng thông reo, thầm nghĩ, cây gì mà lại biết reo? Chẳng biết nó có khác hơn tiếng chuông leng keng của ông già bán cà rem trước cổng trường hay không. Cô cũng không tưởng tượng được những sườn đồi thoải thoải trải dài ngút mắt, chắc phải đẹp đến lạ lùng. Ngày ngày cô đi học ngang qua cầu, nhìn xuống mặt nước đục lờ lờ với từng đám lục bình trôi thư thả, nhìn những dãy nhà sàn lợp lá nghèo nàn chen chúc hai bên ven sông mà nghe xa lạ vô cùng với những điều anh kể lể. Cô thầm nghĩ, không lẽ đi bắt chước tính thơ thẩn của anh, ăn cắp đại một vài câu thơ nào về sửa chút đỉnh rồi gửi cho anh đọc để nói lên tâm sự? “Sao anh không về thăm... cầu khi, nhìn nắng hàng cau nắng mới lên...” Anh tỉ mỉ viết cho cô về “một buổi chiều họp mặt sinh hoạt ở ngôi trường con gái Bùi thị Xuân, có một cô nữ sinh tóc bím đã dám đứng lên hát Bên Cầu Biên Giới, bài hát “ruột” của em, làm tôi bỗng nhớ lạ lùng... Lần đầu tiên tôi lắng nghe từng chữ một của bài hát, từng nốt nhạc, từng tiếng ngân... rồi nghĩ lại, giọng hát của em thật ra cũng... đâu đến nỗi nào!...” Cô đọc thư, thoáng bối rối với giọng điệu phảng phất chút ngọt ngào cố giấu giếm của anh. Nhưng anh đã không nói gì thêm, và vài ngày sau, bận rộn với sách vở và thi cử, cô cũng thôi nghĩ ngợi bâng quơ.

Anh về phép, tìm đến thăm cô, hai người lang thang đi qua vài con đường gần nhà anh. Anh mặc quân phục thẳng thớm trang trọng, coi già dặn và lạ lẫm. Cô nhìn mái tóc húi cua ngắn củn cùn gần sát da đầu của anh, bĩu môi phê bình:

- Coi anh... ngáo chịu không nổi!..

- Đừng tưởng bở, anh bật cười, em mà thấy được cảnh tôi lên xuống những con dốc ở Đà Lạt trong bộ đồ này mới cảm nhận được hết cái... oai vệ của nhà binh.

Cô phì cười, ra vẻ không lấy gì làm thán phục địa vị mới của anh, gọi anh là nhà binh... giả hiệu:

- Anh mới là sinh viên, chưa ra trận ngày nào, chưa cầm súng ngày nào, sợ còn chưa đủ kinh nghiệm quân đội bằng mấy ông... nhân dân tự vệ trong xóm! Anh mặc quần áo nhà binh chỉ để làm dáng giựt le với mấy cô sinh viên, nữ sinh nhẹ dạ trên đó.

Anh trừng mắt nhìn cô gằm gù đe dọa. Cô cười hăng hắc như bao nhiêu lần đã trêu chọc anh, tiếng cười lạnh lớt hồn nhiên vang vọng trong chiều tàn.

- Anh thấy đó, cô đòi giọng thật thà, còn ở đây thì mọi thứ vẫn y nguyên như vậy từ ngày anh đi, không có gì đáng nói hay đáng nhớ hết.

Anh cũng biết vậy. Cô vẫn ngoan ngoãn đến trường ngày hai buổi, ngôi trường

con gái với những lối đi rợp bóng mát dưới hai hàng phượng vàng nở từng chùm hoa rực rỡ. Cô vẫn tiếp tục đi qua những con đường nhỏ bé rất đỗi thân quen và gần gũi. Cô vẫn chiều chiều đạp xe hóng gió với năm ba cô bạn gái trên con đường chạy dài theo bờ sông gần trường học, đôi khi ghé lại ăn chè, ăn kem ở những hàng quán ven sông. Anh biết cô không mơ tưởng đến vùng trời nào xa xôi hơn nữa ngoài những ngày đơn giản và bình yên cô đang sống.

Hai người dừng lại một chút trên cầu trước khi ghé qua nhà anh. Thành cầu xi măng ướt lạnh khi bàn tay anh chạm đến. Anh hít sâu vào buồng phổi mùi hương hoa hoàng hậu bay phảng phất trong gió từ bên dốc cầu đưa qua. Cây hoàng hậu nằm ngang đường trước cửa nhà anh, không biết ai trồng từ bao giờ mà thân cây đã lớn để chùng bằng vòng tay ôm và tàn lá xòe rộng che mát cả gần nửa chiều ngang lòng đường. Anh thở nhẹ, băng khuâng nhắc lại ngày đầu tiên làm quen với cô và được cô giới thiệu tên... giả, rồi dịu dàng cười:

- Em có biết là sông nào, dù nhỏ đến đâu, rồi cũng có lúc sẽ chảy ra biển cả bao la hay không?

Cô nhìn anh, tự dưng có vẻ buồn rầu tư lự:

- Sông thích sông hồ hơn biển cả. Sông hồ coi hiền lành hơn, hả anh? Biển rộng lớn quá, dễ làm mình cảm thấy lạc loài, Sông nghĩ vậy.

Lần đầu tiên cô nói chuyện có vẻ người lớn với anh, lại vương vấn chút âu sầu trong giọng nói và chút u uẩn thấp thoáng trong đôi mắt tròn. Anh nhìn cô, trầm ngâm không nói gì thêm. Lúc trở lại sân nhà anh, anh hái tặng cô một nụ hồng vừa hé nụ. Anh nhìn mái tóc cô xõa hờ hững một bên vai, nói nhỏ nhẹ:

- Em đem về kiếm cái bình nho nhỏ nào chưng trên bàn học để ngắm cho vui. Hoa nở ở ngoài sân này thì cũng đâu ai ngắm, phí của trời.

- Tức là phí của anh Thiên... Nụ cười tìm về trên môi cô.

Hôm anh hết phép phải trở lại trường, cô không đến chào đưa tiễn. Cô nói với anh từ chiều hôm trước, Sông là một trong những người không thích nói chuyện từ giả, không thích cảnh tiễn đưa, thôi anh... cảm phiền. Buổi sáng, bước xuống phà trong cái ẩm ướt nặng nề của không khí mùa mưa, anh băng khuâng nhìn lại phía bờ sông bên kia, thành phố nơi cô đang sống, thành phố anh lần nữa rời xa. Anh tự hỏi, như mỗi lần ra đi, không biết bao giờ lại quay trở về chốn này.

Người bạn của anh hỏi tên, rồi trao cho cô xấp thư cột cẩn thận bằng mấy sợi thun cao su, nói, "Tôi đoán là cô muốn giữ lại những món này..." Buổi trưa nghĩa trang chợt chìm xuống trong sự im ắng bất ngờ. Những lời kinh cầu nguyện đã ngưng nghỉ từ lúc nào và mọi người đã lần lượt tản mác ra về. Nhưng cô vẫn đứng im lìm dưới tàn cây râm mát, ngơ ngác nhìn khoảnh đất vừa được đào xới rồi lấp bằng vôi vữa sau khi quan tài đã được hạ huyệt. Mắt cô ráo hoảnh thần thờ. Lòng cô thênh thang trống vắng.

Cô thờ ơ nhìn xuống những phong thư với nét chữ quen thuộc của mình đang

nằm gọn trong tay, hít thở mùi hương lãng đãng trong không khí. Nhớ tới mùa thu năm nao gửi nhau phong thư ngào ngạt hương, nét bút đa tình lả lơi, nhớ tới ngày nào cùng bước đến cầu ngòi xõa tóc thề... Tim cô bỗng dưng nghe đau thắt. Mùi hương, cô đã biết, không phải tỏa ra từ những phong thư với nét chữ học trò non nớt này, mà là mùi nhang khói còn lững lờ quyện lại trong bầu không khí âm đạm chung quanh. Bao nhiêu năm rồi, cô không nhớ rõ, dễ chừng mười bốn, mười lăm năm... Những lá thư này đã theo anh qua bao nhiêu thành phố, bao nhiêu dặm đường, bao nhiêu đổi dời tai biến trước khi tìm về... khô chủ. Mùi khói thuốc lá cay nồng của anh như còn phảng phất vương vấn đâu đó trên từng góc giấy cong cong. Người bạn nói với cô, Thiên vẫn nghĩ nó chỉ cần kiên nhẫn chờ ngày cô lớn thêm chút nữa rồi tỏ bày với cô vẫn không muộn, đâu ai ngờ... Cô gục gặc, mếu máo, muốn nói một cái gì đó mà không thành lời. Chính cô còn không ngờ được là có ngày cô bỏ lại sau lưng thành phố êm đềm thân quen ấy để vượt trùng dương đi đến nơi này. Chính cô còn không ngờ được có những nhánh sông nhỏ bỗng dưng hồi hải đảo dồn ra biển cả nghìn trùng, để cát bụi phù sa rồi cũng tản mạn lạc mất dấu nhau đời đời. Như cô và anh.

Đứng giữa những hàng mộ mới cũ thẳng tắp vây quanh, cô mơ ước tìm lại được buổi chiều hôm qua, khi mọi chuyện còn rất đổi bình thường trong đời sống phẳng lặng của mình. Buổi chiều đi làm về, sau buổi cơm tối vội vã với gia đình, cô đã ngồi vào lòng ghế nệm ở phòng khách và thư thả đọc qua tờ báo ai đó bỏ lại trên một góc bàn. Cô còn nhớ rõ cảm giác hụt hẫng chao đảo khi nhìn thấy tên anh nằm trên nửa trang cáo phó. Trời ơi. Thiên ơi. Cô thẳng thốt gọi tên. Buổi tối, ngồi một mình trong căn phòng riêng sau khi mọi người đã yên ngủ, cô ôm siết cái áo len trắng đã ngả sang màu cháo lòng từ lâu, áp nhẹ lên má. Cô nhắm mắt, trong bóng đêm tịch mịch không cùng, cô lắng nghe từng đợt sóng cuộn cuộn trào dâng trong hồn, từng giọt nước mắt lặng lẽ chảy dài trên đôi má. Cô nghĩ, một cách muộn màng, có những điều người ta nên nói hết với nhau trước khi... sân khấu hạ màn, thay vì cứ tiếp tục những trò chơi cút bắt lững lơ kéo dài quá lâu, như anh và cô ngày nào.

Tuấn Đình

Cái đêm hôm ấy vẫn thơ

Vào thơ mong được niềm vui
Có chi lai láng ngậm ngùi nhớ quên
Nỗi buồn vương vấn buồn tim
Như trời thiếu nắng như đêm nhớ ngày
Chuyện tình lúc tỉnh khi say
Bởi đâu xa cách đọa đày vì yêu
Đoạn trường chôn ấy bao nhiêu
Để ai chuốc lấy sớm chiều tương tư
Cái đêm hôm ấy nguyệt mù

Sương đêm lạnh lạnh cổng chùa vắng tanh
Ngang trời tiếng vạc cầm canh
Đèn khuya chích bóng chiếu chẵn đợi người
Xa nhau dạ héo ngoài tươi
Cho dù hiu hắt vắng lời yêu thương
Vắng nhau nhớ cả con đường
Vì ai lỡ hẹn tơ vương nổi sầu
Cái đêm hôm ấy canh thâu
Mây che vầng nguyệt cho sầu nhớ ai
Bên vườn hoa nọ mảnh mai
Ngọc lan tỏa ngát trang đài cánh tiên
Rao đời bán nhớ cho quên
Cho lòng bớt xót ai thêm ngậm ngùi
Vàng thau đời hết niềm vui
Vần thơ cạn ý mấy lời trong mơ
Cái đêm hôm ấy vần thơ.

Thái Bạch Vân

Huế ơi

vẫn buồn xưa

Huế ơi... vẫn buồn xưa
Hắt hiu... ngày tháng cũ
Âm thầm trải gió mưa
Dằng dặc dòng nhung nhớ
Huế ơi đã bao mùa
Trong đầm địa cô lạnh
Mưa... mưa mãi trôi đưa
Vần vũ đời cơ cực

Đất trời tím mịt mù
Thành đô buồn tê tái
Sương gió về tàn thu
Người sầu đau lặng lẽ
Huế ơi... vẫn buồn xưa
Thân yêu hoài đáng cổ
Tình Huế nói sao vừa
Lệ nhòa rơi trên Huế

Trường Thy

ĐÔI NÉT TÌNH CA

VÀ HÙNG CA TRONG DÒNG SỬ VIỆT

Tìm về lãnh vực thi ca là nhập vào thế giới nghệ thuật của âm thanh và tiếng nói, tiếng nói của cung bậc, nhịp điệu, nói nôm na ra là giọng hát, câu hò.

Ai cũng hiểu thi ca là bộ môn nghệ thuật dùng thanh âm hòa vào ngôn ngữ để làm rung động, cuốn hút cũng như xoa dịu lòng người, có khi còn làm mê hoặc hồn người nghe. Những ai đã từng sống kiếp lưu vong, mang nặng hành trang lữ thứ, chợt giây phút nào đó qua làn sóng phát thanh từ một chiếc radio trong căn nhà gần xa đâu đấy mà không chạnh lòng nhớ cố hương khi tao đàn ngâm nga đôi dòng thơ Thế Lữ:

- giữ áo phong sương trên gác trọ
- lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang

Cái lặng nhìn của lữ khách đã nói lên tất cả nỗi niềm sâu lắng nhớ quê, nhớ người và nhớ cảnh. Niềm nhớ thôi thúc ta ngày về, mộng ước quay về ấy phải chăng là thần lực trong khúc ca NGÀY VỀ của Hoàng Giác

“Tung cánh chim tìm về tổ ấm
nơi sống bao ngày giờ đắm thắm

.....

Tha thiết mong tìm về bản cũ
như cánh chim mịt mù bặt gió...”

Nói đến sức mạnh, sự cuốn hút, nói khác đi là ảnh hưởng của thi ca nói chung và âm nhạc nói riêng, thật khôn tả. Trong kho tàng âm nhạc, tình ca hầu như chiếm đa số. Tuy nhiên, nếu nói về ảnh hưởng sâu rộng có lẽ cần phải cân nhắc lại so với những thể tài khác. Về phương diện này hẳn nhiên chúng ta ai cũng hiểu là có nhiều thể loại nào là: Nhạc Tình, Nhạc trẻ, Du ca, Thánh Ca, Nhạc đấu tranh v.v. Trong phạm vi hạn hẹp của trang viết này, có lẽ chỉ xin tản mạn qua về dăm khúc hùng ca để gợi lên dáng dấp của hồn Việt qua những nhạc bản đầy tình tự mang dấu ấn Tiên Rồng.

Trước hết xin mượn đôi dòng tình ca mang tình tự quê hương để chuyển tới những sóng nhạc hùng ca của một thời đất nước.

Nói về tình ca thì miên man vô bờ bến nên ở đây chỉ xin gợi lại đôi nét tình quê hương, sông nước, rừng đồi mà mãi khôn nguôi.

Từ miền Việt Bắc xa xăm ai mà không bồi ngùi, luyến nhớ nếu ta đã từng sinh ra và lớn lên ở đây, thậm chí có những người chưa từng một lần ghé đến cũng thấy nao nao buồn như vương vấn mỗi khi nghe khúc hát NỤ CƯỜI SƠN CƯỚC hoặc lời ca từ Núi Rừng Lạng Sơn:

“Đường Lạng Sơn âm u...
gà bình minh kêu lơ thơ.
Rừng êm ái thức giấc trong sương mờ...
Vừa mới tan cơn mê say...
chợt nghe thấy tiếng chim hót vang trời.

Rừng cây xanh xanh lá bên hoa,
tà áo chàm phất phơ trong mây mờ.
Người dừng chân bên suối nên thơ...”
Thật là gấm hoa giăng màu tình tự.

Những người Hà Nội nói riêng của một thời gắn bó với miền đất Ngàn Năm Vắn Vật, cho dù giờ ở nơi đâu, Âu châu, Úc châu, Mỹ châu hay Phi châu chắc hẳn không tránh khỏi bồi hồi, xúc động và ngậm ngùi tiếc nuối một khi trong những chiều mưa nghe vang vọng lời ca “HƯỚNG VỀ HÀ NỘI của Hoàng Dương,
“Hà Nội ơi, hướng về thành phố xa xưa,
mắt buồn trong những đêm mưa,
nào nùng mây gió đông đưa.
Hà Nội ơi nỗi lòng gửi gắm cho nhau,
nhớ hoài chỉ biết thương đau...
Hà Nội ơi những ngày thơ ấu trôi qua,
mái trường phượng vĩ giăng hoa...
Hà Nội ơi mắt huyền ngầy ngát đê mê,
tóc thề thả gió lê thê.....”

Rồi Pleiku, những con đường ngắn, gió lạnh mưa mùa với những đêm rừng đồi thép sừng và cà phê phố núi để rồi “còn gì để nhớ để quên”. Nơi hải ngoại này chắc chẳng ít người có khi trong mơ còn gọi “Đà Lạt ơi, Đà Lạt ơi!” Bởi đã từng khoác áo manteau thả bước quanh bờ hồ, đã từng dìu nhau trên lối giốc cỏ mòn, đã từng sánh vai hay một mình đếm bước trên hè phố thấm ánh nắng vàng Lâm Viên, giờ đây những lời ca còn nhẹ nhẹ khua động nỗi nhớ nhung thương tiếc:

“Lắng nghe chiều xuống thành phố mộng mơ,
màu lan tím Đà Lạt sương phủ mờ...
Đứng trên triền giốc nhìn xuống đồi thông
hàng cây thắm màu đèn lên phố phường ...
Khách du tìm đến thành phố ngàn thơ
nhặt hoa thấy buồn lòng không bến bờ.
Gần nhau xa nhau mấy nỗi.
Hỡi quê hương xứ sương rơi.
Đà Lạt ơi ! Đà Lạt ơi!”

Nha Trang thành phố biển, tiếng thùy dương hòa trong thanh âm dạt dào của sóng biển vẫn triền miên vô mãi trong vách hồn tương tư của mảnh đời lữ thứ một lần xa bến, mỗi khi chợt nghe lời ru thiết tha:

“Nha Trang là miền quê hương cát trắng,
trông lên xanh êm màu trời,
nhìn ngoài nước thẳm xa khơi ...”

Và rồi Sài Gòn, miền quê hương nắng ấm, với hai mùa mưa nắng, phố xá tung bừng dập diu đón đưa. Hình ảnh đã gây nên ấn tượng như dấu ấn tình quê qua lời ca thật rộn ràng và đậm đà hương quê:

“Dừng chân trên bến khi chiều nắng chưa phai.

Từ xa thấp thoáng muôn tà áo tung bay...”

Và giờ đây mỗi hoàng hôn buông trùm bóng nhớ, người Sài Gòn làm sao không se sắt ôm thầm nỗi nhớ mỗi khi chợt nghe lời ca thiết tha:

“Đêm nhớ về Sài Gòn

thấy phố phường buồn xưa chưa nguôi,

những con đường thềm bước chân vui...”

Dân tộc Việt đã từng thể hiện hai đặc tính song hành : vừa yêu vừa chiến đấu, vì yêu nên đấu tranh , chiến đấu để bảo vệ tình yêu. Yêu mình, yêu nhau, yêu nhà yêu nước, yêu quê hương lũy tre làng, con phố nhỏ, ngõ trúc quanh co, tà áo thướt tha trong gió chiều, cánh diều vi vu giữa trời hoàng hôn v.v.

Niềm tự hào về quê hương “ cuống ra đồng chiều” đã như một dấu ấn trong ca khúc mang đậm nét kiên cường, coi nhẹ gian nguy VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

“...Máu ta từ thành Văn Lang dôn lại.

Xương da thịt này cha ông miệt mài.

Từng ngày qua cười ngạo nghề

đi trong đau nhức khôn nguôi”.

Chúng ta thành một đoàn người hiên ngang

trên bàn chông hát cười đùa vang vang.

Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng...”

Nói về Việt Nam, nhạc sỹ Hùng Lĩnh đã giới thiệu với hoàn vũ những nét đơn sơ nhưng sâu sắc và xúc tích bằng danh xưng tuyệt mỹ VIỆT NAM MINH CHÂU qua những lời ca chứa chan ý tình:

“Việt Nam minh châu trời đông.

Việt Nam nước thiêng Tiên Rồng.

Non sông như gấm hoa uy linh một phương...”

và là một quê hương đã từng:

“xây vịnh quang ngát cao bên Thái Bình Dương...”

Trong chiến sử đã có biết bao nhiêu bản Hùng ca ghi lại những chiến tích mà ngày nay mỗi khi nghe lại, người cũ hay người mới nếu đã mang trong mình dòng máu Việt làm sao không thấy tự hào về thế hệ cha ông và không nức lòng muốn làm rạng danh giống giống Việt. Đi từ tuổi trẻ ta nghe lại BÓNG CỜ LAU” của Hoàng Quý để nhớ về một Hoa Lư với người anh hùng Đinh Bộ Lĩnh:

“Ngàn bông lau reo đưa theo chiều gió phát phới bay,

bóng cờ năm xưa còn đâu đây...

Hoa Lư ơi! Non lau còn trong sương gió.

Đến muôn đời mà không dứt lời ca..."

Dưới triều đại Ngô Quyền, sông Bạch Đằng đã là mồ chôn biết bao quân Nguyên mà ngày nay ai trong chúng ta không thấy lòng hưng phấn khi nhớ đến khúc ca :

"Trên sông Bạch Đằng Quân Nam âm reo.

Sóng nước vang đưa bao con thuyền mảnh trôi theo.

Cờ bay chiêng trống khua quân đồn lên,

làm cho lui tan hết quân Nguyên..."

Hầu như thời nào cũng có những bản Hùng ca được viết ra và được hát lên cho muôn đời, muôn thế hệ. Điển hình ta thấy dưới thời Trần, đã nghe :

"Chi Lăng! Chi Lăng! Tiếng ai hò reo vang trời.

Chi Lăng! Chi Lăng! Bóng ai tranh hùng muôn đời!"

Rồi khi vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa, khúc ca nước NƯỚC NON LAM SƠN lại vang lừng khắp đó đây :

"Vàng non cao ngất khí thiêng.

Tung bừng một sáng mùa Xuân mới.

Tiếng reo vang theo từng hơi gió dần xa vời..."

Cho đến thời Quang Trung Nguyễn Huệ chiến công lại được ghi dấu trên gò Đống Đa "Từng đoàn dân chúng trên đê đô tung bừng đi..."

Những bản hùng ca nói chung nêu cao chí khí quật cường chống ngoại xâm của quân dân đất Việt , một thời bừng lên trong sức sống người dân, bàng bạc khắp đó đây. Trong những làn sóng nhạc đầy chí khí ấy không thể không nói đến những lời ca biểu dương lòng yêu nước của các bậc nữ lưu. Nhạc sỹ Hùng Lô có lẽ là người đã dành hầu hết các sáng tác của mình cho thế hệ trẻ, sinh viên , học sinh v.v. ; đặc biệt là những nhạc khúc dành cho

'Người Con Gái Việt Nam Da Vàng' mà bài ca tuyệt vời hẳn là bản đồng ca CÔ GÁI VIỆT, sáng tác năm 1955:

"Lời sông núi bừng vang bốn phương trời,

giục chúng ta đường phụng sự quyết tiến....

Triệu, Trung xưa đẹp gương sáng muôn đời,

giòng máu thiêng còn đượm nồng bao trái tim..... ”

Quê hương Việt Nam là giải đất thân yêu của trên bốn ngàn văn hiến mà nhạc sỹ Thẩm Oánh đã viết lên những lời ca xúc tích tuyệt vời qua nhạc bản NHÀ VIỆT NAM với những lời thiết tha tình nhà, tình người, và tình non sông đất nước :

"Nhà Việt Nam Nam Bắc Trung sáng trưng Á Đông.

Bốn ngàn năm đó văn hóa xây đắp bao kỳ công.

Người Việt Nam cân quốc bao anh hùng

từng phen nức danh dưới trời Á Đông.....”

Vũ Tiên Lập

Hoa thiên nữ

Đằng sau hơi thở
lửa tan sẽ về đâu
gió mai lười trên đầu mũi lạnh
ấm áp hạnh phúc lẫn đón đau
ly tán trong vòng quay ngò vực
mùa đông đã mọc
chắc hẳn phải tương tàn
bầu vó nổi bất tường
hạt ảo tưởng đâm rể
khó hun đúc một lẽ hằng
không gian trắng hoa thiên nữ
tuyệt nhiên trong tay
ngược giòng tìm nhau
những ngân đời xa lạ
xuôi giòng gặp mặt
lặng lẽ từng ngày trôi
đầu chân uyên áo
trắng giữa ban ngày.

Huyền Nữ

duyên tình

gởi dqvn

ngày qua còn nắng hay không?
tím màu nhung nhớ chiều mộng mênh buồn
bên hiên nghiêng giọt mưa tuôn
mình em lạc bước giữa vườn băng khuâng.
kỷ niệm như nốt nhạc trầm
trôi theo ngày tháng tơ tằm vẩn vương
người xa héo hắt nụ hôn
vàng trắng chéch bóng chờ trông vơi đầy.
đường dài đôi ngóng chân mây
bến bờ xa cách lạc bầy nhận đau
xót lòng thơ rụng ý sâu
nỗi buồn chia biệt cồn cào lòng đêm.
bên anh rượu đã môi mềm
phương em ray rút trái tim tội tình.

bạc đầu cuối cuộc hành trình
chữ duyên bắt chợt trối mình yêu nhau.
biết làm sao nỗi đời đau
chia buồn sót khổ ngàn sau vẫn cần.

Thu Nga

Vết đau còn đó

Không còn nữa, mẹ già không còn nữa!
Đêm giạt mình con bỗng thấy đơn côi
Lời trối trăn ôi! đau đón bụi ngùi
“Con của mẹ, bao giờ con trở lại?!”
Đất nước loạn ly, đau thương oan trái
Từ xa quê, trái đất ngỡ ngừng quay
Con lạy thời gian xoay lại một đời
Để được quỳ bên mẹ yêu lần cuối
Ba mươi năm con miệt mài trôi nổi
Đau thương kia trong dạ vẫn ngút ngàn
Mẹ già lia đời nước mắt chứa chan
Đôi mắt mờ vẫn nhìn qua cửa sổ
Bóng con yêu vẫn mịt mờ trong gió
Tiếng nấc nghẹn ngào mẹ nhắm mắt xuôi tay
30 năm trời oan trái vẫn còn đây
Vết dao cắt lòng con còn mưng mủ
Vu Lan lại về ngự trên vũ trụ
Nhớ mẹ hiền qua bóng tối triền miên
Thắp nén hương lòng khắc với lời nguyện
Con nhất định sẽ về bên mộ mẹ
Để nước mắt chan hòa như sông, bể
Nghe vết thương năm cũ vẫn trào dâng
Mẹ yêu ơi! đau con tạo xoay vần
Con nhỏ bé muôn đời ôm bóng mẹ

Mây Ngàn

Phố núi mù sương

Hoa đào vẫy gọi gió thu
Ngàn mây lơ lửng sương mù xa xa
Đền lên Diệp Kính đứng chờ
Có người con gái ngây thơ tuổi hồng
Pleiku se lạnh đầu đông
Ta người khách lạ lòng vòng mỗi chân

Hàm rồng mây phủ kín dần
Bao tà áo trắng băng khuâng đợi chờ
Em vào tuổi ngọc mộng mơ
Là trai thời loạn yêu thơ trữ tình
Biển hồ mặt nước mù sương
Tóc thề nhuộm nắng lòng vương nặng sầu
Buồn ai em bỏ đi đâu
Thương thương nhớ nhớ nặng sầu phố cao.

Xuân Bích

từng câu nói gầy

xưa vừa lên tuổi nhớ
vội vàng nghĩ đến tên
gió bảo tóc em mềm
và đời ta sang số

con đường tình trải cỏ
sương đêm còn tương tư
hình dáng nhỏ ngôn từ
chưa lần quen lối ngõ
ta và ngôn từ ấy
tự nhốt mình trong tim
em có bao giờ tìm
nghe từng câu nói gầy

hôm mình còn ấp úng
hỏi vờ có yêu ai...
làm như chưa thuộc bài
cả hai đều lúng túng
bao nhiêu là ý nghĩ
vẫn chỉ là thoại miên
giữa ta trong khoang thuyền
và người yêu ngất trí
cây mùa thu đã tím
sao bàn tay gọi mời
còn ngơ ngác buông lời
như ngày xưa tóc bím
nay một mình gom nhớ
gửi cho em mùa thu

như sáng nay sương mù
và buồn giăng bờ ngõ

trong thiên buồn thế kỷ
có nhịp sâu cổ hương
đời oan thác vô thường
tình yêu không địa chỉ
trong lặng lẽ khép kín
ta muộn màng nhớ thương
khung trời nhỏ sân trường
và hình dung lên chín

Phan Xuân Sinh

MẠCH SỐNG VẪN CHẢY

Tôi gặp lại Hưng và vợ nó tại khu Eden, Washinton DC. Tôi đi từ Boston đến để tham dự đám cưới con của người bạn, sáng hôm sau đi dạo khu Eden thì gặp vợ chồng Hưng đang đi mua đồ ở đó. Từ khi qua Mỹ tôi có nghe tin phong phanh là gia đình Hưng định cư tại đây, thế nhưng không liên lạc được. Lần này vô tình lại gặp nhau. Hưng mừng lắm vào bên trong chợ gọi vợ ra, chúng tôi dẫn nhau vào Phở Tàu Bay cho dễ dàng nói chuyện.

Tôi hỏi Hạnh vợ của Hưng có thường liên lạc với Linh không? Hạnh cho biết thỉnh thoảng, thường thường đến tết gọi về Việt Nam chúc tết Linh. Khi nhắc tới Linh tôi thấy cả hai vợ chồng đều khựng lại, như có cái gì cản trở. Để xua đuổi không khí nặng nề này tôi lái qua chuyện khác, tôi không ngờ câu chuyện xưa cũ còn để lại trong lòng họ một nỗi đau. Tôi bảo Hưng là hơn hai mươi năm mới gặp lại bạn, bây giờ đứa nào cũng già đi nhiều. Tôi muốn tránh, thế nhưng Hạnh lại muốn khai lại chuyện của Linh. Hạnh nói rằng cách đây hai năm Hạnh có về Việt Nam, có đến thăm gia đình Linh, gia đình hạnh phúc, Linh có hai đứa con trông rất bảnh và đã nghỉ làm việc cho chính phủ. Ở nhà mở một tiệm buôn bán điện máy, rất giàu, có xe hơi riêng. Linh bảo với Hạnh trước đây Linh buôn bán nhà đất.

Tại tôi chia tay nhau tại đây, tôi lên xe trở về Boston còn vợ chồng Hưng ở lại tiếp tục đi chợ. Ngồi trên xe tôi nhớ lại chuyện của chúng tôi ngày xưa. Tôi, Hưng và Linh học một lớp từ nhỏ ở Đà Nẵng. Trong ba đứa Linh là người học rất giỏi, siêng năng. Còn tôi và Hưng học rất tầm thường. Ba đứa lúc nào cũng đi chơi với nhau, thân nhau lắm.

Linh yêu Hạnh và hai người rất gắn bó với nhau, sau này đi uống cà phê tại tôi có thêm Hạnh cùng đi. Tôi không ngờ rằng thằng Hưng cũng yêu Hạnh, nhưng không nói ra, không tỏ bày cho ai biết, cứ âm thầm giữ trong bụng. Một hôm Hưng đến nhà tôi vào phòng ngủ của tôi ngồi nói chuyện. Tôi thấy thằng này sao bữa nay ít nói, suy tư và có vẻ thất thần. Tôi hỏi nó hôm nay mày có sao không, trông thấy mày rất lạ. Hưng không

trả lời, chỉ nhìn ra cửa sổ, tôi cũng chẳng cần phải hỏi thêm, cứ để cho nó suy nghĩ viễn vông. Tôi mở sách ra đọc tiếp chừng mười phút sau, thì nó quay qua tôi nói:

“Tao có một chuyện này, cần nói cho mày biết trước khi tao nhập ngũ. Tao cảm thấy không thể để trong lòng được nữa, từ bấy lâu nay tao âm thầm chịu đựng. Mày là thằng bạn thân, nên tao thổ lộ cho mày biết.”

Tôi hỏi dồn dập:

“Chuyện gì mà quan trọng đến thế, sao hồi trước tới giờ mày không nói cho tao biết, mày có nói cho thằng Linh biết không?”

“Bây giờ chỉ có mày, đừng nói cho bất kỳ ai biết, nhất là thằng Linh.”

Rồi nó thông thả nói với tôi:

“Tao yêu con Hạnh”

“Trời đất”

Tôi nghe như tiếng sét bên tai mình, tôi có vẻ trách nó. Thiếu gì người mà sao lại yêu con bồ của bạn mình. Con đường rộng thênh thang không chọn, lại chọn con đường cụt không lối thoát. Nhưng khi nhìn khuôn mặt đau khổ của nó, tôi lại thấy thương hại cho nó. Nó nói xong rồi ôm mặt khóc. Tôi không có cách nào giúp được nó. Tôi bảo nó ra nhà sau rửa mặt, rồi đi uống cà phê. Tôi hỏi nó có cần rủ thằng Linh với con Hạnh đi không, nó lắc đầu. Tôi với nó đi xuống Cà phê Ngọc Lan, ngồi vào bàn nó im lặng không nói gì cả. Tôi thấy không khí nặng nề quá và hơn nữa chỉ còn vài ngày nữa nó vào trại Nhập Ngũ Số 1, nên tôi đề nghị với nó là nên gọi Linh và Hạnh ra quán để cho nó nhìn Hạnh những ngày cuối cùng. Nó không ý kiến, tôi ra lấy xe đạp đến nhà Linh và bảo Linh rủ Hạnh cùng đi. Tôi đạp xe trước về lại quán Cà Phê với Hưng, chừng mười lăm phút sau hai người chở nhau tới.

Nhìn thấy Hưng mặt mày ủ rũ, Hạnh lên tiếng trước, anh Hưng sao hôm nay buồn bã quá vậy? Tôi chống chế, để che đi sự thật của Hưng, tôi bảo rằng sở dĩ nó buồn vì nó sắp trình diện nhập ngũ, rồi tôi, Linh và Hạnh nói chuyện vu vơ, để cho Hưng chìm trong suy nghĩ của mình. Suốt trong buổi cà phê đó, Hưng không mở miệng một lời. Khi tan châu cà phê, tôi với Hưng tách ra ngả bờ sông ngồi trên ghế đá trước sông Hàn để nói chuyện, còn Linh chở Hạnh về nhà.

Tôi có hỏi Hưng là chuyện của mày với Hạnh có ai biết không? Nó lắc đầu. Tôi nói là mày nên giữ kín, nói ra sẽ gây khó khăn thêm chứ không giải quyết được gì, sẽ làm cho Linh và Hạnh khó xử.

Chừng ba ngày sau, tôi qua nhà Hưng chở nó đi trình diện, nhìn theo nó bước vào cổng Trại Nhập Ngũ, tôi thấy nó thật tội nghiệp, mang trong lòng cả một sự tan nát mà không biết nói cùng ai. Vào Thủ Đức nó viết cho tôi vài lá thư thăm hỏi, tán dóc với nhau nhưng tuyệt đối không nhắc nhở gì về Hạnh. Tôi nghĩ thôi như vậy cũng yên, xa cách sẽ làm cho nó quên mọi chuyện rắc rối về Hạnh. Từ khi nó đi, tôi cũng ít đi cà phê với Linh và đứa nào cũng lo cho chuyện sinh sống của mình. Lúc này tôi xin đi làm sở Mỹ,

chức vụ storekeeper (thủ kho) để chờ đợi lên đường theo gót chân của Hưng. Linh đi học ở Đại Học Huế, tôi thấy tương lai của nó thật sáng lạng.

Một đêm nọ, vào khoảng 11 giờ đêm. Hạnh chạy qua nhà tôi gõ cửa, bước vào nhà, kéo tôi vào buồng nói nhỏ là Linh bị bắt. Nghe tin tôi sửng sốt, một thoáng hiền lành, không bao giờ chú ý tới chính trị lại đi rải truyền đơn cho Mặt Trận Giải Phóng, không biết có cái gì xui khiến nó làm công việc này. Tôi hỏi Hạnh bây giờ phải làm sao? Hạnh lắc đầu. Thôi thì việc làm của nó, nó phải chịu thôi không ai giúp được. Tôi hoàn toàn không biết chuyện này có bàn tay của Hạnh, hay đúng hơn là của gia đình Hạnh. Thỉnh thoảng tôi có qua thăm Hạnh, để hỏi thăm tin tức của Linh, tôi không còn thấy mấy người anh trai của Hạnh, chỉ có bà già và Hạnh thôi. Một lần từ nhà Hạnh ra về, tôi gặp thằng Diễm học cùng lớp với tụi tôi, nhà ở cạnh nhà Hạnh, Diễm cho tôi biết là nhà của Hạnh theo quân Giải Phóng, hai người anh đã lên núi nên mấy hôm nay cảnh sát chìm rình rập, trong xóm ai cũng biết. Mày không nên tới lui nhà đó. Diễm hoàn toàn không biết thằng Linh bị bắt ở Huế.

Từ đó tôi không dám qua nhà Hạnh vì sợ liên lụy, chừng vài tháng sau Hạnh qua cho tôi biết có ra Huế đến Lao Thừa Phủ thăm Linh. Tôi hỏi qua loa về sức khỏe, chuyện tôi quan tâm bấy lâu nay là tôi nghi Hạnh và gia đình ép Linh vào việc rải truyền đơn này, vì gia đình Hạnh có ông bố tập kết, các ông anh của Hạnh đều theo cộng sản. Tôi gần hỏi nhiều lần, nên Hạnh phải thú thật với tôi là người anh của Hạnh ra Huế ở chung phòng trọ với Linh, anh ấy nhờ Linh đi rải truyền đơn với anh. Linh không thể từ chối nên mới rải lần đầu thì bị bắt. Thiệt ra Linh không ở trong các tổ chức của Mặt Trận. Khi mọi chuyện đổ bể, hai người anh của Hạnh bỏ lên núi. Hạnh nói là Hạnh không biết chuyện này, nhưng sau vài tháng không biết sao Hạnh lại nói với tôi là Hạnh có nói với Linh đi rải giùm truyền đơn cho hai anh của Hạnh ở Huế.

Mọi chuyện đã rồi, có nói thì cũng không mang lại cho Linh một cuộc sống bình thường được, tiếc là bỏ lỡ cơ hội học hành của Linh. Gia đình của Linh sau này ra Huế biết được hai người anh của Hạnh cù rủ Linh, nên bà Cụ rất hận Hạnh. Mỗi lần tôi qua thăm bà cụ bà đều khóc và mắng nhiếc Hạnh thậm tệ. Đến năm 1968 khi quân đội Giải Phóng tấn công tết Mậu Thân ở Huế, giải thoát lao Thừa Phủ. Linh đi theo họ lên núi và sau đó được đưa ra Bắc.

Hưng về phục vụ tại Tiểu Khu Quảng Nam, thỉnh thoảng về Đà Nẵng có đến thăm Hạnh. Có nhiều lần ra phố tôi bắt gặp Hưng chở Hạnh phía sau xe honda. Tự nhiên tôi nghĩ lại chuyện cũ, khi Hưng có lần thú thật với tôi là đã yêu Hạnh. Lợi dụng không có mặt Linh, có thể Hưng tiến tới để thay chỗ của Linh. Nghĩ cho cùng Linh ở xa tít, miệt mài quá không biết lúc nào trở về, bắt Hạnh phải mỗi mòn trông đợi thì cũng thật bất công. Tôi hoàn toàn không có ý kiến chuyện này, hơn nữa Hưng sau này hay tránh mặt tôi, ít gặp nhau, mỗi đứa ở đơn vị khác nhau.

Năm 1971, tôi đi phép về nhà thì thấy một phong bì mời đám cưới để trên bàn, tuần sau

đám cưới của Hưng với Hạnh. Tôi lấy xe honda chạy qua nhà Hạnh, xem thử họ cần gì tôi giúp không? Hạnh gặp tôi rất ngỡ ngàng, tại tôi ra ngồi ngoài hàng hiên nói chuyện. Hạnh xin lỗi, vì không thể nào chờ đợi Linh vì không biết ngày nào mới hòa bình. Gia đình chỉ có hai người đàn bà, cần một người đàn ông trong gia đình. Tôi hoàn toàn thông cảm cho mọi lý do của Hạnh đưa ra. Nếu không có Hưng thì cũng phải có một người khác. Thế nhưng sao tôi thấy trong cuộc tình tay ba này nó mang một ấn tượng sâu trong đầu tôi, nó vừa đẹp nhưng cũng vừa tàn nhẫn.

Đến năm 1974 tôi đi Sài Gòn để chuẩn bị đi học trở lại, thì mùa xuân năm đó mất Ban Mê Thuật, rồi dần dần mất các tỉnh Miền Trung. Sài Gòn tập nập những người Miền Trung chạy vào. Vợ chồng Hưng cũng chạy được vào Sài Gòn, mua một cái nhà nhỏ ở Gò Vấp của một người đi Mỹ bán lại, cũng may là gia đình Hạnh cách mạng, hai người anh của Hạnh sau 30/4 về Sài Gòn nên mới giữ được căn nhà đó cho Hạnh. Những ngày trước khi đi cải tạo Hưng đạp xe lên chỗ tôi bán chợ trời ngồi nói chuyện. Cái điều của Hưng lo âu là sau này sẽ gặp lại Linh, thì không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Linh có tha thứ cho vợ chồng Hưng không? Tôi nói với Hưng mọi chuyện đã xong, không thể nào đổi khác. Chuyện gì tới nó sẽ tới, đừng lo âu làm gì cho thêm mệt.

Trước khi Hưng đi học tập, nó lên nhờ tôi là thỉnh thoảng lên thăm Hạnh và hai cháu. Tôi gặt đầu và đã làm hơn những gì nó mong ước cho vợ con nó. Lúc đó đất nước kiệt quệ, khánh tận chỉ ăn toàn bo bo. Chừng hai tuần tôi mang lên cho Hạnh một hai chục ký gạo, ít ký thịt và một ít tiền để Hạnh sống nuôi hai con. Vì lúc đó tôi chưa có vợ và làm ăn cũng khâm khá. Sau này có mẹ của Hạnh vào, nên tôi cho Hạnh mượn một ít tiền ra ngoài buôn bán, tính ra thì cũng đủ sống. (Nói là cho mượn, sau này Hạnh trả lại mà tôi không lấy, hình như trị giá chừng một cây vàng). Mẹ của Hạnh rất quý tôi vì bà nghĩ một tình bạn giữa chúng tôi với nhau quá đẹp.

Vào năm 1977, khi tôi làm trong hãng bột giặt ở Bình Thạnh, thì thằng bé làm cho tôi vào gọi, nó bảo là có một ông bộ đội tìm tôi. Tôi ra, trông thấy một người đội nón cối, mặc bộ đồ xanh màu olive, tôi chưa kịp nhận ra thì người đó lên tiếng “Linh đây, chưa nhận ra à?”, tôi bước ra bắt tay nó, hai đứa đều nghẹn ngào. Linh cho tôi biết hiện giờ nó làm việc cho cơ quan thương nghiệp, vừa mới đổi vô Sài Gòn. Nó hỏi tôi vợ chồng Hưng bây giờ đang ở đâu. Tôi hỏi lại nó, mày hỏi để làm gì, trả thù tại nó à. Linh mặt đanh lại, đôi lông mày nhíu lại: “Sao mày đánh giá tao thấp vậy, chuyện cũ đã đi vào quên lãng, tao muốn thăm vợ chồng nó được hạnh phúc không, vậy thôi.”

Tôi bảo thằng bé làm cho tôi, mang xe đạp của Linh ra sau. Tôi chở Linh bằng Honda đến thăm Hạnh, tôi cũng báo cho Linh biết là thằng Hưng đi học tập, chỉ có một mình con Hạnh. Xe tôi chạy lên Gò Vấp, lúc đó vẫn còn thừa thớt người, khi chúng tôi vào nhà thì Hạnh đang cho hai đứa bé ăn cơm. Hạnh dừng tay dứt cơm cho con, nhìn Linh rồi thốt lên: “Anh Linh”. Rồi khóc nức nở, tay run lên. Linh cũng chạy tới ôm Hạnh, mắt cũng đỏ hoe. Một cuộc gặp gỡ đầy nước mắt và thật cảm động. Hạnh hỏi

Linh đã có vợ con gì chưa? Linh lắc đầu. Linh và tôi ra ngoài bàn ăn ngồi, để cho Hạnh cho các con ăn cơm xong, rồi mới bắt đầu nói chuyện.

Linh hỏi Hạnh một câu thật bất ngờ:

“Sống với Hưng, Hạnh có được hạnh phúc không?”.

Hạnh gật đầu.

Linh nói tiếp với Hạnh:

“Như vậy, Hạnh đã có một quyết định sáng suốt nhất, chọn lựa cho mình một cuộc sống thích hợp với mình. Anh ủng hộ sự chọn lựa của Hạnh”.

Chúng tôi xoay qua đề tài khác, để tránh những trường hợp khó xử. Trong thâm tâm tôi lúc đó tôi rất kính trọng lối hành xử của Linh, dù biết rằng không còn cách chọn lựa nào khác. Linh không có chút hằn học hay mỉa mai. Tôi nghĩ Hạnh cũng đang chờ đợi câu trách móc, để Hạnh nói lên hoàn cảnh của mình lúc bấy giờ. Tôi nói với Linh là cái quan trọng hiện nay là làm thế nào để Hạnh có điều kiện nuôi con, chồng không biết đi học tập đến khi nào mới về. Linh nói với tôi là chuyện này để tao với mày tính sau.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau chừng hơn nửa tiếng đồng hồ, cũng chỉ hỏi thăm người này người khác, vì mới gặp lại nhau nên cũng không tránh khỏi sự ngỡ ngàng, dù hai bên cố tình tránh để câu chuyện trở thành tự nhiên. Chúng tôi chào Hạnh rồi ra về. Tôi đưa Linh vào một tiệm ăn để vừa ăn cơm trưa vừa nói chuyện. Linh nói với tôi là ở ngoài Bắc, nó không biết Hưng với Hạnh lấy nhau, nhưng trước khi bị bắt, khi còn đi chơi chung với nhau nó biết là Hưng yêu Hạnh, vì khi tiếp xúc Hưng để lộ những cử chỉ lúng túng, mắt tự nhiên nên Linh đoán ra được. Khi về Đà Nẵng được biết Hưng lấy Hạnh thì Linh cũng không ngạc nhiên.

Khi ăn cơm xong, Linh hỏi nhỏ tôi sao mày không đi, ở đây sống không được với chúng nó đâu. Tôi cho nó biết là đã đi mấy lần mà không xong, thôi bây giờ chờ gia đình bảo lãnh. Khi ngồi trên xe tôi hỏi nó là mày có vào Đảng không? Nó trả lời là không, vì lý lịch của nó có nhiều nghi vấn. Rãi truyền đơn mà không biết tổ chức của mình. Khi bị bắt, cảnh sát Huế đánh gần chết vì bảo rằng nó không khai rõ tổ chức mà nó làm việc. Thằng anh của Hạnh nhờ nó rải giùm, chỉ đặt ở lề đường khi xe chạy qua truyền đơn tung tóe lên, đơn giản như vậy thôi, nó thấy cũng không nguy hiểm nên nhận lời. Đường phố giới nghiêm, nó vừa đạp xe ra khỏi nhà thì bị cảnh sát đi tuần chặn lại, xét trong người thì thấy mấy xấp truyền đơn. Thằng anh của Hạnh thấy nó không về, biết là nó bị bắt thế nào cũng liên lụy đến mình nên thằng này bỏ lên núi theo quân Giải Phóng luôn.

Tôi hỏi Linh:

“Sau này mày có gặp thằng anh của Hạnh không?”

“Không. Nghe nói nó làm gì lớn ở Nha Trang. Mà gặp tụi nó để làm gì. Mình ngu thì mình rán chịu. Bây giờ tao chỉ biết cúi mặt qua trôn. Chỉ có mày là thằng hiểu tao, đừng

bao giờ nói cho ai biết chuyện của tao. Sống để bụng chết mang theo.”

Từ đó chúng tôi thường xuyên đến với nhau, tôi không biết Linh làm đến chức gì bên Thương Nghiệp, thỉnh thoảng nó mang đến cho tôi những cái phiếu mua nhu yếu phẩm. Lúc đó tình trạng dân chúng kiệt quệ, thoi thóp sống bằng bột mì và bo bo. Hạnh và hai đứa nhỏ cũng nhờ Linh trong thời gian này rất nhiều. Linh đã dành cho gia đình Hạnh một ưu đãi đặc biệt.

Một lần tôi nghe nói Hạnh có thằng bồ khác, hằng ngày tới chở Hạnh đi đây đi đó. Tôi gọi điện thoại và nói chuyện này cho Linh biết, Linh bảo tôi là chiều nay hai đứa đến gặp Hạnh để hỏi cho ra lẽ chuyện này, rồi tính sau. Linh hẹn tôi ở nhà Hạnh lúc năm giờ chiều, Tôi bận một chút công việc nên tới trễ. Khi tôi tới nơi thì mọi chuyện đã rồi. Tôi thấy Hạnh đang ôm mặt khóc, còn Linh thì mặt mày hằm hằm một đồng. Linh nói với tôi là nó đã gặp thằng bồ của Hạnh ở đây và nó đã cho thằng kia một bài học, cầm thằng kia từ nay không được đến cửa nhà này, nếu còn lén phén nó sẽ bắn nếu bắt gặp. Tôi bảo nó chuyện gì còn có đó, sao mày giải quyết hồ đồ như vậy, biết chuyện này có đúng vậy không? Hạnh bảo với tôi là Hạnh chỉ nhờ anh đó chở đi công chuyện vì Hạnh không có xe. Chứ thật tình không có chuyện này. Tôi cũng có nói với Hạnh là mình là gái có chồng, mà chồng lại đi học tập nên không thể đi như vậy, gây ra nhiều dị nghị.

Khi tụi tôi đứng dậy ra về, Linh móc bóp lấy giấy tờ xe honda và chìa khóa đặt trên bàn, rồi bảo với Hạnh: “Đây là xe honda của em, em tự đi lấy không cần ai phải chở.” Hành động của Linh đã làm cho tôi rất thán phục, hồi đó có một chiếc xe honda không phải là chuyện dễ. Cũng bắt đầu từ đó khi có xe honda Hạnh đi đây đi đó dễ dàng và chuyện buôn bán thuốc tây có mời thành công. Chờ Linh về, tôi hỏi từ nay bạn đi xe đạp à. Linh bảo là tại sao phải như vậy, ngày mai sẽ mua xe khác. Linh mới mua căn nhà bằng hóa giá tại đường Nguyễn Trãi thật khang trang, tôi bảo sao bạn mới đây mà có được cơ ngơi vững vàng quá vậy. Linh cười cười bảo với tôi tất cả là tiền của chúng nó, phải xài chứ. Linh cho tôi biết là cái mùa kiếm kê nó kiếm được vài trăm cây bằng cách tráo kim loại bằng đồng, để lấy kim loại bằng vàng, nộp cho nhà nước toàn bằng đồng, dĩ nhiên phải chia đều cho các xếp lớn. Một đất nước đã rách tan hoang, kiệt lực đều do những bàn tay này tạo nên.

Chừng vài năm sau thì Hưng được thả về, nhìn thấy vợ con có một cuộc sống đầy đủ, nó mừng lắm. Mẹ của Hạnh cho nó biết sơ dĩ cuộc sống như hôm nay cũng nhờ bạn bè nó giúp đỡ. Hưng chở Hạnh tới nhà tôi để nói lời cảm ơn, gặp tôi nó ôm tôi rồi khóc. Nó bảo rằng trên con đường từ Tây Ninh về nhà, nó không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho nó. Về tới nhà nhìn thấy vợ con nó mới biết mình vẫn còn được điểm phúc. Tôi bảo nó cố gắng đến thăm thằng Linh. Ngồi nói chuyện với nhau một lúc thì vợ tôi đi làm về, tôi nói hay tụi mình đi thăm Linh rồi rủ nó ra ngoài ăn cơm chiều. Tôi điện thoại cho Linh trước để tụi tôi đến thăm, vì cán bộ thường thường buổi chiều người ta hay mời, ít có ở nhà. Linh mừng lắm, chúng tôi đi ăn và nói đủ thứ chuyện như hồi còn

đi học.

Vài năm sau Linh cưới vợ, tóc đã bắt đầu muối tiêu. Vợ Linh lai Tàu có một cửa hàng bán vải ở Chợ Lớn. Đám cưới được tổ chức ở một nhà hàng Quận 5. Vợ chồng tôi và Hưng có tham dự. Cảm động nhất là lúc Linh mời tôi và Hưng lên giới thiệu với mọi người. Đại ý là sở dĩ Linh còn sống được, đời sống có ý nghĩa cũng bởi vì bạn bè là cái phao nứu với nhau để sống. Ba đứa tôi ôm lấy nhau và đứa nào cũng ràn rụa nước mắt. Tôi có vài câu thưa với quan khách tham dự là chúng tôi quen nhau lúc còn học mẫu giáo trải qua bậc tiểu học và trung học. Bây giờ lại cùng sống chung tại một thành phố xa thành phố quê hương của chúng tôi. Trong thời chinh chiến mỗi tháng mỗi ngả, nhưng bao giờ cũng nhớ về nhau. Hòa bình gặp lại nhau ở đây, cảm ơn cuộc đời, cảm ơn quê hương. Rồi lần lượt đến cuối đời, tôi và Hưng cũng bỏ Linh ra đi. Chỉ còn một mình Linh ở lại đất nước.

Luân Tâm

Bên lề hư vô

Buồn ơi... đừng nghẽn mạch tim
Cho ta còn sống còn tìm em thơ
Từ em tiên cá lên bờ
Chết khô chết khát tình cò gặp nhau
Em châu chấu ta cào cào
Không đồng không cỏ xanh xao quê người
Tay không chèo chống chợ trời
Chợ người đen trắng chợ đời ngược xuôi
Em cầm điếu ta què đui
May còn đóm lửa ngọt bụi chiêm bao
Lấp sông chôn bến nước đau
Chìm đồ bóng rã trầu cau tội tình
Trăng tàn bóng lạnh ba sinh
Sao mờ hôn bóng chúng mình mưa ngâu
Đá đen nhỏ lệ thiên thu
Mơ hồ xác bướm mịt mù hồn hoa
Không xương không thịt không da
Bụi đi về bụi không nhà không quê
Bóng yêu bóng giận bóng mê
Lòng không hồn trống bên lề hư vô...

Nguyễn Đức Nhơn

Trời cuối thu

Buổi sáng
Đứng nhìn người qua lại

Người thương,
Người ghét,
Người chưa quen
Nhưng thế gian
Đâu có người nào đáng ghét
Nên ta thấy người nào cũng dễ thương
Ta đứng chờ em
Như một tượng đồng
Đôi mắt
Nhìn quanh một nét buồn
Có ngọn gió
Vờn qua mái tóc
Một chiếc lá vàng rớt xuống hoàng hôn
Ta lững thững
Bước vào con lộ hẹp
Nghe đâu đây
Một tiếng thở dài
Trời cuối thu
Vàng trên khóm lá
Khóm lá vàng, khóm lá tàn phai!

Phạm Ngũ Yên

Người đi tìm quá khứ

1.

Ngày tôi 20 tuổi, tôi chưa có một tình yêu để đi xuống cuộc đời. Tôi còn quá trẻ để cảm nhận hết nỗi đam mê khi trái tim chưa đụng đến đau buồn.

Mười sáu tuổi nàng không nói với tôi lời yêu đương cũng như tôi chưa biết lời tỏ tình thì tôi đã vào lính. Mùa hè thở hơi nóng lên những cuống lá bàng làm cong queo con sâu già mệt mỏi. Thành phố vừa tiềm ẩn hơi hám của chiến tranh nên thành phố cũng đang khao khát hạnh phúc. Những đứa con trai chưa kịp đánh rơi thanh xuân mình trong cái thành phố biển mênh mông- chưa từng có nụ hôn để làm cháy bỏng mùa hè- đã thấy mình đối diện với quân trường.

Từng cơn sóng sẽ qua đây sáng mai. Tôi dẫu đời mình không đủ kín như con dã tràng cô đơn chưa một lần thấy biển. Những người tình chia tay về đâu? Khi đêm trống hoác những ngả tư bồi hồi.

Tôi xa Vũng Tàu và mùa màng rung lên từng vạt gió đậm mùi muối mặn. Có một người con gái mười sáu tuổi vừa lớn khôn quay lưng lại tình đầu. Con đường Quang Trung chạy vòng ngoắc. Ngọn núi nhỏ có vệt đèn pha quét dài trên biển đen như một tiếng thơ lạc vắn. Có những người từng nói lời yêu say đắm rồi một ngày nào cũng gói đầu

vào những phiêu pha. Huống chi Giang là một cô gái Sài Gòn mang tấm lòng phù hư của con thuyền không chịu về với bến.

Nàng không có cả một câu nói để làm ấm lòng dù bàn tay nàng từng ấm trong tay tôi. Chỉ có tiếng cười trong veo như tiếng lục lạc rớt xuống đường. Dù buồn, tôi vẫn còn sáng suốt để không chờ đợi nàng ban cho tôi một lời hứa. Cô con gái nhà giàu ở Khánh Hội khó lòng nói lên một điều quá sức, như tiếng mưa òa vỡ mái hiên trong một ngày khô hạn.

Tôi đạp xe trở về. Giang vừa khuất lánh sau cánh cửa dẫn vào khách sạn nơi có gia đình nàng đang trú ngụ. Sáng mai nàng sẽ trở về Sài Gòn.

Chiếc xe đạp vừa mới tuột sên. Tôi dựng nó bên lề đường. Ngồi trường suốt một mùa thơ ấu có những lớp học thao thức như đứa con trai không chịu về nhà đêm nay. Hàng cây loa kèn che chắn một góc sân nhà Thờ Lớn, có tiếng cựa mình của một cánh dơi. Những ngôi sao trên đầu về đâu giữa một thiên hà cũ mòn nhưng mới mẻ những điều huyền hoặc?

“những vì sao nhỏ lệ suốt đêm thâu
gió sẽ bảo tình yêu nào cũng đẹp...”

Tình yêu nào cũng đẹp một khi chúng ta ủ trong nó những ký ức. Dù biết bao sỏi đá trên đường ghi dấu những bước chân đi qua đời nhau. Tình yêu của tôi với nàng cũng ngậm những hơi thở đau đớn từ một mùa thi. Những xác hoa phượng làm đỏ một sân trường. Cây điệp già không biết có từ bao giờ cũng vươn cành nhánh xanh um nhìn xuống vạt đường khuya bất lực.

2.

Nơi tôi ở đang nóng dữ dội. Thời tiết trên truyền hình cho biết có ngày vượt quá 100 độ.

Một người bạn vừa bên Pháp về cho hay bên đó cũng nóng ghê gớm. Tôi hình dung ra những vỉa hè bốc khói và không biết người dân Parisiens có còn ngồi uống cà phê nơi những quán lộ thiên bên đường, trên những vuông gạch khô ráp mang phong cách Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi tiếng nhạc từ chiếc máy phát thanh gắn chìm trong tường đang ca ngợi mùa thu? Tôi không nghĩ Paris sẽ giống như thành phố Austin. Đi trên đường phố Paris bây giờ mà mồ hôi ra đã dưới. (Paris có gì lạ không em? Mai anh về giữa bên sông Seine ?) ...

Chưa một lần tôi đến Paris, để nhìn thấy tận mắt thành phố mơ ước khi tôi còn cắp sách đến trường. Ngày đó tôi chọn ban A, tức là chọn Pháp Văn làm sinh ngữ chính. Thầy dạy Pháp Văn đầu tiên là thầy Nguyễn Hồng Sanh. Được chừng một năm là thầy Trần Văn Châu về thay. Nghe nói Thầy Châu có thời gian sống bên Pháp (?) hay từng học bên Pháp, tôi không nhớ rõ. Dáng điệu thầy lè phè như một ông Tây chính hiệu. Từ thầy Châu, tôi được biết Tâm Hồn Cao Thượng (Le Grand Coeur) của De Amicis. Đến Le Livre de mon Ami (My Friend's Book) được viết năm 1885 của Anatole France.

Đang mùa nghỉ hè. Còn vài tháng nữa mới tựu trường.

Trong quyển hồi ức viết về tuổi thơ của Anatole France có đoạn văn tả ngày đầu tiên đến trường của một em nhỏ. Thầy Châu đọc cho cả lớp nghe và sau đó dịch ra tiếng Việt. Tôi xin viết lại theo trí nhớ:

“Tôi sắp nói cho các bạn nghe điều mà tôi trông thấy mỗi buổi sáng, khi đi ngang qua vườn Lục Xâm Bảo trong những ngày đầu tháng mười. Lá vàng rơi từng chiếc trên đôi vai trắng của các pho tượng trong vườn. Trời có vẻ hơi buồn bã nhưng chưa bao giờ đẹp như vậy...”

Con người thật lạ. Dù qua bao nhiêu tháng năm, vẫn không quên được quá khứ. Nơi buồn vui đan vào nhau như một giấc mơ qua nhanh không ngờ. Có những câu chuyện không đầu không đuôi nhưng đủ làm thành đóm lửa rực cháy suốt đời. Và đằng sau mỗi giấc mơ là những môi run, những mắt khép.

Chưa một lần tôi đến Paris. Nên những hình ảnh rực rỡ của Paris hiện ra trên computer như một món quà quý giá. Một người bạn học chung trường Vũng Tàu vừa gởi cho tôi 2 PPS. Một ghi lại Paris, cùng ”với những vần thơ”. Có Tháp Eiffel, có Khải Hoàn Môn kiêu hãnh. Có sông Seine ướt mềm nổi nhớ, cúi mình theo những chuyến xe qua. Những vì sao trên cầu Mirabeau. Cầu Neuf. Có ga Lyon chiều vàng. Khu Terminé lạnh căm ánh đèn lướt thướt. Sao giống như những ngón lệ giờ chia tay. Phố Montmartre cùng những cơn mưa phùn. Những quán cà phê, mà mỗi góc đường là mỗi cơn say nhộn nhịp.

Một PPS khác nói về Đà Lạt và lời ghi chú: ”PNY có vẻ nặng tình với Đà Lạt, gởi PNY vài hình ảnh này, có lẽ sẽ xoa dịu được phần nào nỗi nhớ nhung...”

Nỗi nhớ có xoa dịu hay không, tôi không chắc. Nhưng tôi thấy buồn vì tâm hồn vừa ngổn ngang một quá khứ. Những màu hoa đua theo nhau về đâu khi tình yêu đích thực bị mất dấu bên đời?

Khi tôi còn trong quân ngũ, Đà Lạt như một cô gái chưa từng mở lòng cho một tình yêu. Như cánh bướm chưa từng căng đợi gió. Đà Lạt ngày đó rất im lặng mà đầy hương sắc làm sao. Bây giờ, những cảnh trí hiện ra như ngày nào nhưng hơi thở dường như đã khác. Cảnh mặc lan vẫn yên ả một màu đời, nhưng mùi thơm đã theo tiếng buồn đi xa...

3.

Mùa này hiếm hoi những cơn mưa. Trên đường về từ sở làm cây hồng đào hiện diện như một người tình thủy chung. Sắp qua hết một mùa hè mà cây vẫn ra hoa. Màu hoa rung rúc ôm nỗi buồn đua theo những vòng bánh xe.

Bây giờ tháng sáu.

Sân trường không ai

Anh về nhen lửa

Soi ân tình dài...

Mùa này hiếm hoi những chuyến buýt màu vàng khô. Vì học trò không còn đến trường. Con gái tôi cũng đã qua cái thời trường lớp. Nên trong trái tim nó chắc không còn bao nhiêu xúc động về một ngày tựu trường. Trong tâm hồn nó cũng không còn dành bao nhiêu chỗ chứa một ký ức thơ dại, khi tay nó rời khỏi tay tôi để trèo lên xe buýt. Chắc nó không còn nhớ (hay nhớ rất ít) hình ảnh ba nó đứng dưới trạm xe nhìn lên đứa con gái thân yêu đi qua những hàng ghế trống. Và cuối cùng lọt thỏm giữa những đứa bé khác cùng tuổi, nhưng khác màu da.

Mỗi đứa trẻ khi vào đời bằng mỗi cách khác nhau. Nhưng cảm giác về ngày đầu tiên đến trường đều sâu đậm giống nhau.

“Hàng năm cứ vào cuối thu, khi lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được cái cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng...” (Tôi đi học/ Thanh Tịnh).

Mùa thu của những thập niên 1950. Tôi đến trường với sự hồi hộp pha lẫn nao nức. Đi bên cạnh là Mẹ tôi. Ba tôi mất sớm nên tôi không có dịp đi cùng ông đến trường để trình diện với thầy cô. Mẹ tôi đưa tôi đến cửa lớp, gọi tôi cho thầy giáo lớp năm- tức lớp 1 bây giờ- sau khi dặn dò tôi vài điều và bảo tôi đừng khóc. Bà còn phải về cho kịp có mặt buổi chợ sớm mai để lo gạo cho mấy chị em tôi.

Trường có ba lớp: lớp Năm- lớp Tư- và lớp Ba. Học hết lớp Ba muốn lên lớp Nhì phải sang học ở trường khác. Trường nằm khiêm tốn trong một góc sân đá banh, mà sau này được đặt tên Sân Vận Động Lam Sơn.

Thầy dạy tôi là thầy Quyến. Ông người miền Nam khoảng gần 35 tuổi và sống kỳ cựu ở Vũng Tàu. Mỗi một lớp có khoảng chừng 20 đứa. Có những chiếc bàn dài gắn liền với băng ghế ngồi đã có vài vết mực lem luot từ một mùa học trước. Những chiếc bàn đi qua đời tôi sao đầy những cảm xúc? Mỗi đứa chiếm một vị trí ở bàn do thầy Quyến chỉ định. Tôi và hai đứa cùng nhỏ con giống nhau ngồi hàng trên cùng, cạnh chiếc bàn làm việc của thầy. Trên đó những chồng sổ điểm danh và sổ điểm được xếp ngay ngắn. Những đứa học trò lớn hơn ngồi ở sau. Tôi nhìn trần trối vào tấm bảng đen mới được sơn lại và những viên phấn nằm ngay ngắn trong hộp. Một dòng chữ được viết trên tường bằng sơn đỏ: “Tiên học lễ, hậu học văn”. Thầy bảo chúng tôi bỏ tập vở mới vào trong học bàn, chỉ để lại một cuốn tập và một cây viết chì chưa chuốt. Ông bảo chúng tôi ngồi nghiêm chỉnh trong vị trí của mình và cất tiếng đọc tên từng đứa. Ông hỏi cặn kẽ về cái họ và về chữ lót. Mỗi cái tên được ông viết xuống sổ cẩn thận bằng một cây viết lá tre chấm mực màu xanh. Bình mực đỏ kê bên chỉ dùng để chấm điểm. Ông bắt đầu nói về những điều mà chúng tôi sẽ học trong năm đó. Vì là buổi học đầu tiên nên ông dạy chúng tôi tự chăm sóc tập vở của mình, như bao bì một quyển tập và dán lên trên đó một cái nhãn, trong đó có ghi tên họ, lớp học và năm học, để khỏi lẫn lộn với tập của đứa khác.

Hồi đó tập học có hai loại - loại 50 trang và loại 100 trang. Những trang được cắt góc tròn trịa nói lên tính chất thẩm mỹ của nó và đắt tiền hơn những tập không cắt góc. Nó sẽ giúp cho những trang giấy không bị cong lại vì bàn tay cầu thả của học trò. Dĩ nhiên những đứa con nhà giàu thường có nhiều quyển 100 trang có cắt bìa hơn. Bìa tập cũng có in hình vẽ khác nhau và giá trị tùy theo số trang nhiều ít. Có hai hình vẽ quen thuộc lúc đó là hình người lái xích lô đạp và hình ba cô gái tượng trưng cho ba miền, do họa sĩ Lê Trung vẽ. Ở bìa sau có in bản cửu chương.

Thầy dạy chúng tôi gắn ngòi viết lá tre vào cán viết và giữ viết trong bàn tay như thế nào. Thầy cũng dạy chúng tôi chuốt viết chì. Nhiều đứa không làm được như vậy- trong đó có tôi- thầy bắt mấy đứa lớn làm giùm. Có những tờ giấy chậm màu hồng trong đó có in những hình vẽ hoa mỹ, liên quan đến trường lớp. Có một hình mà tôi còn nhớ mãi là hình một chiếc trống và một đứa bé đang trôn học trên cây.

Những chiếc trống ngày trước không còn hiện diện vì không còn thợ thủ công để làm ra. Chúng đã lúi sâu vào nơi chôn của những ngôi đình và những lễ lạc. Âm thanh của chúng lúc đó mang một giá trị khác trong một đời sống khác. Như hơi thở của người xưa lẫm liệt thổi qua những dâu bể thăng trầm.

Còn bây giờ, người ta thay vào vị trí của chiếc trống trường bằng những chiếc keng. Đó là mảnh sắt lớn được lấy từ một vỏ đạn hay một món đồ phế liệu nào đó, treo lên cao dưới một cành cây hay một gờ mái. Mỗi buổi sáng sẽ được một đứa học trò trường lớp đánh lên để báo hiệu giờ vào lớp. Chiếc keng không bao giờ mòn, dù tuổi học sinh chúng tôi mỗi ngày mỗi lớn. Và thơ ấu sẽ lần lượt đi qua dưới những âm vọng triu mến như vậy cho đến khi bước xuống cuộc đời.

Bên hông lớp của tôi có một cây me keo không biết có từ lúc nào. Nhánh của nó có gai và làm nhức nhối mấy đầu ngón tay nếu vô tình đụng tới.

Cây me còn là nơi trú ngụ những con quít có cánh màu xanh lá cây. Chúng hiện diện suốt một mùa học và bay theo tuổi thơ chúng tôi cùng với tiếng giảng bài của thầy mỗi buổi sáng. Tiếng đập cánh của nó nghe buồn khô như tiếng viên phấn miết lên trên mặt bảng.

Lớp học đầu đời của tôi giản đơn như vậy. Giản đơn như dòng chữ Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn. Nhưng để lại trong hồn tôi những dấu ấn. Giống như màu mực đỏ ghi điểm của thầy tôi trên trang giấy trắng. Mỗi đồ vật, mỗi ngăn tập trên bàn, đều ủ chập hơi thở của chúng tôi. Những bình mực khô cạn nằm lẩn lóc ở một góc sân, đã bao mùa mưa nắng, vẫn còn đọng lại những giọt mực thời thơ ấu. Nó không chỉ đơn thuần là màu mực xanh hay đỏ. Nhưng có thể là những dòng máu xuôi ngược trong buồng tim trẻ thơ của tôi. Chúng biến đời tôi trở nên xanh hơn hay ứa bầm tuyệt vọng.

4.

Nhiều năm trôi qua. Những nhịp đời đi vội vã. Đứa con trai năm tuổi ngày đó bây giờ đã 65 tuổi. Những chàng trai, những cô gái vào đời. Mọi bước chân bước qua nhưng lựa

hay đi trên bão tố, đều giống nhau. Có khác chăng là cảm xúc khi còn ấu thơ và mỗi giấc mơ hồn nhiên hay bầm vập.

Như một người đi tìm mua quá khứ, nên tôi luôn trân trọng với những gì làm nên quá khứ. Tôi ao ước được sống lại một giấc mơ cũ, dù đơn điệu và thiếu thốn hào quang, nhưng tỏa sáng hạnh phúc.

Khu sân vận động Lam Sơn bây giờ khang trang hơn và những vật cở cũng mọc chồng lên nhau cùng ngày tháng. (Ngôi trường không còn từ lâu và thay vào đó là một gian phòng dùng làm nơi sinh hoạt của cán bộ thể dục thể thao. Hay một cái tên gì đại khái giống như vậy. Một thời được dùng làm nhà tắm hơi). Cây me keo dĩ nhiên cũng chịu chung một số phận cùng với ngôi trường và những con quít cánh xanh hết còn chỗ cư ngụ. Nó không thể “cư trú lì” một khi đất đai đã chật hẹp một cuộc đời.

Năm tôi học Trung Học, chúng tôi còn đá banh trên sân vận động này. Ngọn Núi Lớn nằm ôm một con đường vòng có tên là đường Thành Thái. Và buổi chiều sẽ trở nên êm ả hơn khi nắng gần tắt ngoài biển. Cuối con đường vòng là đường Thành Thái, nơi có nhà của người con gái mang tên Nguyễn Thị Phụng. Cô gái từng để cho nhiều cây si mọc lên và một thời nổi tiếng trong các buổi văn nghệ của trường.

Tôi không biết Phụng vì khi nhan sắc nàng đang nở rộ cũng là lúc tôi vào lính. Nhưng tôi biết anh em Đồng Văn Minh, Đồng Văn Đức. Nghe nói Đồng Văn Minh từng có thời ngưỡng mộ Nguyễn Thị Phụng. (Đồng Văn Minh sau này đi Nhảy Dù và mang lon Đại Úy).

Một buổi chiều đang đá banh, bỗng có một đứa chỉ lên trên Núi Lớn và chúng tôi nhìn thấy ai đã treo trên đó lá cờ của “phía bên kia”. Cuộc vui nửa chừng khựng lại và mỗi chúng tôi đều cùng ý thức được rằng chiến tranh không phải là một trò chơi riêng biệt ở thôn quê hay những vùng xôi đậu. Mà chiến tranh đang hiện diện khắp nơi, trong thành phố. Hình ảnh lá cờ nhá nhem trong một buổi chiều thoi thóp nắng như một thách đố mạnh mẽ tương lai chúng tôi. Không phải chỉ có sách vở học đường vẽ ra cho chúng tôi cái giá trị của đời sống phía này không thôi, mà còn có những điều khác, thuộc về hướng khác, không nằm trong quy luật. Như truyền đơn, như những lời rỉ tai thầm thì và những tiếng nổ vu vơ nửa đêm về sáng từ một thôn ấp. Và chúng tôi phải chọn lựa một trong hai giá trị đó, không thể tránh né.

Những đứa bạn cùng tuổi với nhau cũng vậy. Chúng tiếp nối nhau vắng mặt trong lớp sau một cuộc bãi trường hay giữa niên khóa. Hỏi thăm gia đình thì được biết tụi nó đã ghi tên nhập ngũ vào một binh chủng nào đó. Vài đứa con gia đình giàu có, được Bộ Giáo Dục cho du học nước ngoài. Tất cả đều chia tay âm thầm không một lời từ giã. Cũng không có một ly chè bánh lọt với người yêu nơi sân trường. Tình yêu học trò phút chốc bị phá sản và con đường nào cuối cùng cũng dẫn đến Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ, Đồng Đế với Quang Trung. Hoặc sang trọng hơn đi về hướng quân trường Đà Lạt, Thủ Đức.

5.

Dưới những hàng cây chặt kín cành lá màu xanh, những chú ve sầu đang cất tiếng.

“Ve ơi, hát gì điệu nhạc chia ly, khóc người biệt sơn khô, cố nhân ơi bao giờ trở về...” (trường cũ tình xưa)

Những con ve báo hiệu một mùa hè và những bài hát như vậy gợi lên hình ảnh buồn bã làm sao. Tôi từng đi qua những khung cửa chặt kín một thời hoa niên, trong khi màu hoa đỏ rung rung bên đường như những vệt máu. Ngày đó, tôi không hình dung tại sao “màu hoa phượng thắm như máu con tim” như trong lời nhạc của Thanh Sơn. Những cánh hoa thơ mộng nhưng chở chuyên ngàn ấy những đau khổ. Mãi sau này khi có tình yêu tôi mới biết.

Những gã học trò mang trong tim những nhịp đập hồi hả bỗng một hôm thấy lòng chùng xuống vì những âm vọng, những màu sắc mang mầm mống biệt ly. Họ đi vào đời sau khi chia tay với bạn bè, trường lớp. Có bao nhiêu người thản nhiên bước xuống những tam cấp phủ đầy xác phượng và bỏ ngoài tai những âm thanh ồn ào nhưng vô hại của loại côn trùng kia? Chắc không có là bao.

Những con đường buồn mới vừa rất bỗng màu nắng hạ bỗng chiều nay vọng xuống tiếng ve. Thành phố tôi cư ngụ rất ít mùa đông và rất ít tuyết đổ trắng trên mái nhà. Có những dòng sông cũng quên chảy qua những mong nhớ. Hôm nay có hàng triệu con ve sầu từng ngủ yên dưới lòng đất và những lá khô bỗng nhiên thức giấc.

Có một thông kê trên trang mạng mang tên LiveScience.com nói rằng những chú ve sầu đã khởi sự ngoi lên khỏi mặt đất trên khắp miền Nam nước Mỹ sau một thời gian dài 13 năm. Chúng ca hát và sinh sản suốt một mùa hè. Rồi chúng sẽ chết và trứng của chúng sẽ nở ra. Những con nhộng từ những trứng đó sẽ tìm cách chui xuống mặt đất, tự bám vào các rễ cây và phát triển. Mười ba năm sau tính từ bây giờ, thế hệ kế tiếp sẽ trỗi lên. Tại sao 13 năm mà không phải là con số nào khác? Khoa học chưa tìm ra giải thích thỏa đáng.

Những cuộc đời trên mặt đất và những cuộc tình tồn tại bao lâu, khi tiếng gõ của thời gian ngoài cửa? Giữa hai bờ mộng thực, bao niềm vui nỗi buồn quán quít xô đuổi nhau như những nốt nhạc trên dòng nhạc đời, mà những xuân son vừa trở thành những dấu lặng?

Những nụ hoa nở đẹp một góc phố cũng là quà tặng gửi đến từ thiên nhiên. Mùa thu và chiếc lá rơi sáng hôm qua nơi sân nhà hàng xóm mang một vẻ lãng mạn pha chút buồn rầu. Mọi thứ, đều trộn lẫn vào nhau như tấm phong của một vở kịch đời. Trong đó, tình yêu đôi khi có mặt. Để lên tiếng với chúng ta về một hạnh phúc không thể pha chế bằng một nguyên liệu nào khác, ngoại trừ sự đau khổ.

Có bao nhiêu tình yêu được trang trải bằng nỗi đau khổ. Để cho những bờ môi tiết trinh cúi xuống hôn lên những thân phận cuộc đời...?

Việt Cường

Dạ ký

Cuối trời mây tím bay phiêu lãng
Em cũng mộng du với tháng ngày
Chiều nghiêng phố cũ sầu hoang vắng
Mắt ướt lệ nhòa anh có hay???
Vẫn biết từng đêm đêm thức trắng
Van em đừng khóc, nước mắt cay
Dù cho rượu nhạt, chiều đã vắng
Trong anh vẫn mãi dậy men say.
Đêm nay em sẽ về bắt mộng
Nhốt lại hơi quen của những ngày
Có nụ hôn mềm, đêm nguyệt động
Hai đầu thương nhớ đến quắt quay.
Hãy cứ như là trời cao rộng
Vẫn có chim bay chẳng đổi thay
Hãy cứ như là dòng sông chảy
Có lục bình trôi mây chẳng bay.
Anh ơi! lại nhớ con đường cũ
In dấu anh qua chẳng nhạt nhòa
Nhớ gì đến nỗi thành ngơ ngẩn
Buồn không trang điểm chẳng cài thoa.
Đã biết từ ngàn xưa khổ lụy
Tù thương từ nhớ, ản phong ba
Nhưng trái tim người là nhục thể
Vẫn cần hơi ấm sợ phôi pha.
Thôi thì hãy cứ như thế nhé
Giữ chặt cho nhau chút mộng lành
Cuộc đời biến ảo vô thường lắm
Chút tình yêu muôn vốn mong manh.

Yên Sơn

MỘT CHÚT MẶT TRỜI

TRONG LY NƯỚC LẠNH

Sau chuyến đi giao nhận xe ở San Antonio về khoảng gần 6 giờ chiều, sở đã đóng cửa, chỉ còn lại mấy anh chàng bán xe đang gạ giá với khách hàng. Thăng Joe, con ông chủ cho hấn biết là hai em hấn đã đi bộ về nhà từ lúc 5 giờ chiều. Hấn lái xe ra về, lòng mênh mang với mùa thu chung quanh.

Buổi chiều mùa Thu Pearshall vẫn êm đềm, lơ lửng như những áng mây trắng bay lãng đãng cuối trời. Hấn cho xe chạy thật chậm, mở hạ tất cả cửa kính xuống cho gió lộng tự

do, miệng khe khẽ hát khúc “ngàn thu áo tím” của nhạc sĩ Hoàng Trọng với lời nhạc từ viện bào chế thiên nhiên của hân: “từ khi xa em, anh vẫn thương và nhớ, mà em yêu ời anh chắc không về nữa, chiều xuống thấp thoáng buồn ngẩn ngơ, ngóng trông về xứ xa, xót thương hình bóng ai. Chiều xuống trống vắng thường viếng thăm, tháng năm thì lướt nhanh, biết bao giờ thấy em”. Hân vừa hát, vừa lắc lư với điệu luân vũ trang đài, vừa miên man hình dung từng đôi từng cặp xoắn vào nhau trên sàn nhảy của một vũ trường thân thuộc trong nhạc phẩm Dòng Sông Xanh với giọng ca Thái Thanh cao vút. Dĩ nhiên loáng thoáng bóng dáng nàng nhịp nhàng từng bước đài các trong vòng tay hân ở câu lạc bộ Huỳnh Hữu Bạc trong dạ tiệc mừng Xuân! Ôi mới mấy tháng qua mà tưởng chừng như lâu lắm, cũ lắm!

Đang mải mê hồi tưởng bỗng hân giật bắn người khi nghe tiếng đập vào hông xe bên phải. Hân giật hồn tưởng đâu vì lơ đãng xe bị đụng vật gì bên lề đường, chưa kịp hoàn hồn thì thấy một cô nương tóc vàng trên lưng ngựa kè sát bên cửa hông, nghiêng người đưa tay vẫy gọi và ra dấu cho hân ngừng lại. Hân chưa kịp nổi quạu đã nhận ra cô nương cháu ông chủ nhà vừa gặp đêm qua.

Hân bước xuống xe cùng lúc với cô nhỏ rời yên ngựa. Cô bé đưa tay cho hân bắt, miệng nhoẻn cười thân thiện:

- Xin lỗi Twan nha, rất có thể tôi đã làm cho anh giật mình!

Miệng nói “không có chi” mà trong lòng hân rửa thẳm “không đứng tim còn may”.

- Buổi chiều đẹp quá phải không?

- Vâng, buổi chiều rất đẹp! Cô cưỡi ngựa đi dạo một mình?

- Phải! Anh có muốn cưỡi ngựa không?

- Muốn, nhưng chưa từng cưỡi!

- Anh đi với tôi, tôi sẽ dạy anh!

- Sắp tối rồi! – Hân gãi đầu gãi tai bối rối.

- Vẫn còn sớm! 7 giờ mới phải trả ngựa!

- Tôi tưởng cô cưỡi ngựa sáng nay với gia đình rồi, theo lời cô nói tối qua?

- Dạ phải, buổi sáng đi với Ba tôi rồi nhưng chiều nay trời mát và đẹp nữa!

- Anh không nghĩ lúc này cưỡi ngựa sẽ thích thú lắm sao, nhất là chúng ta cùng đi với nhau?

Trong thoáng chốc hình ảnh ngồi chung lưng ngựa với cô bé, phóng ngựa trên cánh đồng bao la trong buổi chiều sắp tắt... thật là hấp dẫn, lãng mạn, trữ tình! Hân toan gật đầu nhưng ý tưởng ngại ngần với gia đình ông chủ nhà làm hân lắc đầu ngoài ngoài, ngó về hướng nhà tìm kế hoãn binh:

- Không được đâu, tôi vừa đi làm về, quần áo hôi hám lắm! Hơn nữa....

- Cô bé nhìn hân từ đầu tới chân rồi mỉm cười, nheo mắt, làm hân càng bối rối, cảm tưởng nhột nhạt, mặt nóng bừng:

- You look good, không sao đâu! Chắc là anh ngại gia đình tôi chứ gì? Chúng ta đi một

lúc trở lại có ai biết!

Hắn mở tròn đôi mắt chưa kịp nói lời thần phục, cô bé tiếp lời:

- Ông bà Nội tôi nói you guys tử tế lắm, Ba Mẹ tôi cũng sẽ chẳng nói gì đâu!

- Nhưng mà....

- Tốt hơn nữa, anh đậu xe bên lề đường kia rồi chúng ta cùng đi một lát trở về!

- Không được đâu Deana! – Hắn phân vân – mà đi cách nào?

- Anh sẽ ngồi ngay đằng sau tôi! Thôi đi kéo muộn!

Hắn chưa kịp phản ứng gì thì cô bé đã thót lên lưng ngựa, đưa tay cho hắn nắm để kéo lên. Trong thoáng chốc hắn quên tất cả mọi chuyện trên đời, theo lời chỉ dẫn, lên ngồi sau lưng cô nhỏ, lóng cọng, e ngại; nhưng yên ngựa chỉ dành cho một người ngồi, nên buộc lòng phải ngồi sát rạt, hai tay vịn hờ bên hông cô bé.

- Nhớ ngồi tự nhiên, thoải mái, đừng gồng mình dễ bị té! – cô bé dặn chừng hắn.

Thực ra, khi xưa khi vừa qua căn cứ Không quân Lackland để kiểm tra sinh ngữ trước khi đi trường bay, hắn cùng với Phát, người bạn thân, rất mê cưỡi ngựa nên thường cuối tuần đi theo John, con trai bà mẹ nuôi, về nông trại thuê ngựa cưỡi. John đã chỉ dạy hắn cách thức cưỡi ngựa, cách điều khiển dây cương khi chạy nhảy trong khu nông trại bao la của gia đình. Nhưng kể từ đó đến nay, 6 năm dài chỉ còn là mơ ước chấp nối! Thay vì cưỡi ngựa thì cưỡi 3, 4 loại chim sắt khác nhau, cùng với nắng mưa, vui buồn trên khắp vùng trời miền nam nước Việt.

Ngựa chạy nước kiệu, lúp xúp, nên có buông tay cũng không hề gì. Khi ngựa ra khỏi khu dân cư, đến con đường mòn hướng về nông trại bao la, cô bé bắt đầu cho ngựa phóng nước đại, hắn có cảm tưởng như lần đầu tiên ngồi trong phòng lái chiếc vận tải cơ C.123K cất cánh với ông thầy ở Lockbourne năm nào. Hắn quên hết ngại ngùng hai tay ôm chặt lưng cô bé. Cô bé có vẻ thích chí càng ra sức phóng ngựa như bay, quay đầu lại cười nắc nẻ, bảo hắn qua vai: “Anh nên ôm chặt tôi hơn kéo té!”

Sợ cô bé chê mình nhát gan, hắn bảo cô bé cho chạy nhanh hơn nữa cũng không sao! Được thể, cô nhỏ hò hét, phóng ngựa tới đa, bụi đất vờ một đường dài mịt mù phía sau lưng ngựa. Những luống đậu, bắp, hoa màu hai bên đường biến thành hai vệt màu xanh liên tục chạy vù vù ngược chiều. Hắn đâm bạo dạn ra, tựa hết người vào lưng cô bé, ôm chặt hơn, mơn man nghĩ đến những phim truyện “Cao Bồi” với chàng tài tử favorite, Clint Eastwood... Buổi chiều đẹp tuyệt vời, từng vạt nắng vàng như dải lụa mềm mại trải khắp đó đây. Thỉnh thoảng một vài chiếc xe truck chạy ngược chiều về xóm. Hắn nghĩ chuyện ngồi chung lưng ngựa với cô bé tóc vàng, chỉ có hai người chạy như bay trong chiều vắng y như chuyện trong mơ. Hắn bắt đầu thờ hít mùi da thịt, mùi mồ hôi của cô bé với những cảm giác lạ lùng, cảm giác lâng lâng...

Bỗng nhiên cô nhỏ cho ngựa dừng lại rồi đề nghị với hắn:

- Bây giờ đổi chỗ, anh ngồi đằng trước tôi đằng sau!

- Tôi không biết điều khiển ngựa! – hắn làm bộ nói.

- Tôi giúp anh!

Hắn chưa kịp nói gì thì cô nhỏ đã nhảy phóc xuống đất, ra hiệu cho hắn ngồi nhích về phía trước, xong cô leo lên lưng ngựa một cách thuần thục. Vòng hai tay hai bên hông hắn, nắm hai bàn tay hắn đang cầm cương ngựa:

- Anh cứ theo tay tôi nha. Không cần chạy nhanh, ngựa cũng cần được nghỉ!

Cô nhỏ ngồi áp sát người hắn, với nhịp bước đi của ngựa, hai thân người cọ xát vào nhau làm hắn bấn loạn, hơi thở dồn dập, rung động trong lòng, tim đập như muốn vỡ tung lồng ngực. Cảm giác lâng lâng, rạo rực như vừa uống vài ba chung rượu mạnh. Vì cô nhỏ tựa sát người nên hắn cũng cảm giác thấy tim cô nhỏ đập chẳng thua gì mình, cô nhỏ chắc cũng đang say sưa như hắn! Tiếng cô nhỏ nhẹ như ru:

- Twan! Anh thích chúng ta đi như thế này không?

- Deana! Tôi thích lắm! – Tiếng hắn nghe đến thì thầm, mơ hồ như sợ khuấy động trời chiều, hoặc sợ làm choàng tỉnh cơn mơ. – Tôi muốn được đi hoài như vậy!

- Twan! Anh muốn hôn tôi không?

Bất giác Deana ghì cương ngựa đứng lại, chồm lên xoay mặt hắn lại rồi hôn vội vã trên môi. Hắn chới với muốn té. Deana buông ra, nhảy xuống ngựa, hắn cũng xuống theo và hai người quấn chặt nhau, môi gắn liền môi bên hông ngựa.

Hai người đứng ôm nhau chìm đắm trong những nụ hôn nồng nàn không dứt cho tới khi nghe tiếng ngựa hí khê và dậm chân, hai người mới rời môi nhau. Trời đã nhá nhem tối. Hắn giật mình nhìn lại đồng hồ thấy đã gần 7 giờ, hắn hốt hoảng:

- Deana! Chắc chúng ta cần phải đi trả ngựa rồi về kéo gia đình cô trông.

Cô nhỏ vui vẻ lên ngựa trước và đưa tay cho hắn nắm kéo lên, cho ngựa chạy và nói:

- Tôi đưa anh trở lại xe trước, xong mang ngựa đi trả, rồi tôi sẽ lái xe về sau.

---o0o---

Trên đường lái xe về nhà, đầu óc hắn tự nhiên thấy băng khuâng, xao xuyến. Hắn lướt nhẹ mấy ngón tay trên môi, cảm tưởng những nụ hôn nồng nàn còn để lại dấu vết, mùi hương con gái còn lẫn quất đâu đây. Nhớ vòng tay ôm của cô nhỏ, nhớ cảm giác của những đường cong áp chặt vào người! Đang lan man tư tưởng, mỉm cười với bóng tối bắt đầu phủ xuống con phố buồn, lòng hắn bỗng nhiên quặn thắt! Từ trong tiềm thức một hình ảnh thân thiết hiện lên với đôi mắt đầm lệ buồn! Hắn tự vả vào má hắn thật đau khi chạnh lòng nghĩ tới Ngọc Anh, niềm ân hận lan tràn. Hắn tự xỉ vả hắn... ôi con người bội bạc làm sao! Hắn nghĩ ngay đến câu ngạn ngữ “xa mặt cách lòng” mà thấy đau nhói trong tim! Hắn thốt thành lời: “Ngọc Anh ơi cho anh xin lỗi!”

Hắn đỗ xe vẫn chỗ cũ như mọi ngày nhưng hôm nay sao thấy trống trải quá. Lối vào nhà phải đi ngang sân sau nhà bếp của ông bà chủ, nơi đang có ánh điện sáng trưng! Hắn ngó vào đó với tâm trạng ngại ngùng! Hắn ôn lại cách đi đứng bình thường mỗi ngày rồi e dè bước qua sân rộng với những cụm cúc vàng và những luống hoa đủ sắc màu. Hắn kín đáo ngó vào cửa sau nhà ông chủ. Qua cửa kính thấy mọi người ngồi

quanh bàn ăn. Hấn vội vào nhà, nói cho hai chú em biết là hấn vừa ở San Antonio về, xong vội vàng lấy nước ra tưới mấy luống hoa, cố tình cho nhà ông chủ thấy là hấn đang có mặt ở nhà. Một lúc sau nghe tiếng xe đỗ sân trước, rồi thấy bóng dáng cô nhỏ ngồi vào bàn ăn làm cho hấn thêm hồi hộp. Dù vậy không nghe thấy điều gì khác thường xảy ra, hấn thờ phào nhẹ nhõm trở vào nhà dùng cơm tối vì các em hấn đang chờ.

Trong suốt bữa cơm hấn không nói gì mà trong lòng thì như một trận chiến. Hình ảnh tươi vui của cô bé, hình bóng u sầu của Ngọc Anh cứ lớn vồn ngay trước mắt. Hấn nén tiếng thở dài... Một đằng thì bạo dạn tự nhiên, một đằng thì đoan trang, thùy mị... Nhớ suối tóc đen huyền của nàng chảy xuống hai bên bờ vai mảnh khảnh. Nhớ tiếng nấc khẽ và tấm thân nàng ngã trọn vào vòng tay hấn sau nụ hôn đầu đời bất chợt trao nhau trong con hẻm tối, lối vô nhà, khi đưa nàng về từ một đêm dạ vũ Không Quân. Nhớ gương mặt hồng hào của cô bé sau nụ hôn ban chiều, nhớ như in cảm giác nhột nhạt, lâng lâng, nóng bừng từ sự cọ xát của hai thân thể đầy sức sống trên lưng ngựa khi hoàng hôn chập xuống chung quanh...

Hấn thẳng thốt lắc đầu làm hai chú em cùng giương mắt ngó! Chú lớn hỏi dò:

“Anh có sao không?” -

“Không! Không việc gì đâu!”

Lý trí hấn thì muốn quên cái nụ hôn với Deana, trong khi lòng hấn thì cứ xao xao xuyên xuyên. Hấn cố kêu gọi sự hiện hữu của Ngọc Anh trong vô vọng! Hấn ăn không thấy ngon miệng khi thần trí mệt nhoài vì những dao động khôn khuây trong tâm. Hấn giận hấn hết sức và hấn nghĩ hấn phải giận hấn giùm cho Ngọc Anh nữa. Quanh quẩn, nhấp nhồm một lúc, hấn lại lấy đàn ra hiên trước... như mọi hôm – hấn cố cho như vậy, nhưng kỳ thật... Ôi! Hấn chán hấn quá!

Không cần đợi lâu khi hấn đàn hát bài “Mộng Dưới Hoa”, thơ của Đinh Hùng do nhạc sĩ Phạm Đình Chương phổ nhạc, cô nàng đã xuất hiện! Miệng cười tươi, neho một mắt khi tới gần hấn:

- Wow! Chắc là anh đang hát một bản tình ca?

- Hi Deana! Chào cô buổi chiều! – Hấn cũng làm tỉnh như không có gì xảy ra, cũng neho một mắt biểu đồng tình.

Nghĩ tới tính tự nhiên của Deana, hấn thấy cần có người... giúp hấn. Hấn ngó vào trong gọi hai chú em ra chơi. Cô nhỏ đặt mình ngồi xuống bên hấn trong chiếc ghế sofa cũ đặt trước hiên nhà trước khi hai chú em mang ra hai chiếc ghế:

- Bài nhạc anh hát vừa rồi nghe trữ tình lắm! Anh có thể giải nghĩa cho tôi nghe nó nói về cái gì không?

- Tôi không đủ khả năng chuyển ngữ chính xác theo ý của bài hát được mà chỉ có thể giải nghĩa đại khái cho cô biết thôi!

- Thế cũng tốt!

Sau khi tóm lược xong, cô nhỏ các có hỏi:

- Chưa gặp mà đã nghĩ nàng đẹp như trăng, vậy khi gặp rồi thì ông nhạc sĩ thấy ra sao?

- Nếu ông Đinh Hùng và Phạm Đình Chương ở đây thì chắc họ sẽ nói: “nàng đẹp như buổi chiều mùa Thu ở Pearshall!”

Hắn nhìn thẳng mặt cô bé trả lời sau khi ngó hai chú em. Trong bóng tối lơ mờ hắn như thấy gương mặt cô nàng rạng rỡ hẳn lên.

- Anh có thể hát lại đoạn nói cái gì “tôi cùng em... ước nguyện gì đó” không?

Hắn dạo đàn, lắng đọng tâm tư, say mê hát: “Tôi cùng em mơ những chốn nào. Ước nguyện chung giấc mộng trăng sao. Sánh vai một mái lầu phong nguyệt. Hoa bướm vì em nghiêng cánh trao..... ôi chưa gặp nhau, như đã ước thề. Mây hồng giăng kín ngả sơn khê. Bóng hoa ngả xuống bàn tay mộng. Và mộng em cười như giấc mơ!”

- Thật là tuyệt vời! Cảm ơn Twan nha! – cùng với lời nói là tiếng vỗ tay đơn lẻ.

- Chú nào hát cho cô ấy nghe không? – hắn đánh trống lắng với hai chú em.

- Come on you guys, no more homesick! – cô nhỏ nhìn hai chú em khuyến khích.

Hai chú cùng hát bài Tình Em Biển Rộng Sông Dài của nhạc sĩ Thông Đạt: “Hòa bình ơi! Tình yêu em như sông biển rộng, tình yêu như lúa ngoài đồng, tình yêu em tát cạn biển Đông. Hòa Bình ơi, ơi hòa bình ơi sao em nhớ lòng kẻ đợi người trông? Sao em nhớ lòng lúa khô ngoài đồng. Sao em nhớ lòng?... Hòa bình ơi, ơi hòa bình ơi! Ba mươi tuổi đời thoát từ vành nôi! Ba mươi năm trường khổ đau nhiều rồi. Về đây hỡi người ơi! Về đây hỡi người ơi...!”

Bài nhạc đã hết mà không ai nói một lời! Hắn nghe đoạn “Ba mươi tuổi đời thoát từ vành nôi, ba mươi năm trường khổ đau nhiều rồi, về đây hỡi người ơi” trong lòng bỗng nghẹn đắng! Bên tai mơ hồ nghe tiếng gọi của quê hương, của mẹ cha. Ôi làm sao về được khi lũ Cộng sản điên cuồng khát máu đang dày xéo, chiếm đoạt giang sơn. Ôi có nỗi buồn nào hơn cho những kẻ có quê hương mà không thấy lối quay về!!!

- Trời ơi you guys làm cái gì vậy? Chắc lại ca bài homesick rồi phải không? Âm điệu nghe buồn bã lắm!

Hắn đang buồn mà cũng phải phì cười khi nghe cô nhỏ la lên như vậy. Vừa lúc đó có tiếng người đàn bà gọi tên Deana từ cửa sau và bảo cô nhỏ về đọc kinh. Deana nói với anh em hắn là bà mẹ gọi về. Trước khi đứng dậy, Deana còn choàng tay ôm hắn nói lời giã từ, còn hẹn gặp ngày mai sau khi chúc mọi người ngủ ngon.

Khi cô nhỏ khuất dạng sau cánh cửa, chú lớn hỏi hắn:

- Anh Tư ơi! Em thấy dường như anh với cô ấy thân mật khác thường! Tám ơi! Chú có thấy như anh không? Chắc anh chạy trời không khỏi rồi anh Tư ơi! Coi bộ cô nhỏ mệt anh rồi đó nha!

- Bậy bạ! – hắn cố chối biến – Có lẽ người Mỹ sống tự nhiên, thoải mái thôi! Cũng có thể cô ấy cảm thương hoàn cảnh của anh em mình. Anh thích cô ấy vì cô chứng tỏ rất thông minh lại vui tính. Nhưng dù gì cũng chỉ còn vài hôm nữa là cô ấy đi rồi!

- Sao em nghi quá! – chú nhỏ góp vào – Ồ mà chỉ gặp lần thứ hai ngắn ngủi nhưng sao thấy cô ta thân mật với anh Tư lắm lắm!

- Ồ thôi đúng rồi anh Bảy ơi! Chiều nay anh Tư về muộn... hèn gì!!!

- Ồ anh cũng nghi vậy, nhất là trong bữa ăn tối nay thấy anh Tư có vẻ mơ mơ màng màng, lâu lâu lại lắc đầu, lại mỉm cười vu vơ nữa!

Hắn cảm thấy mặt nóng bừng, lúng ta lúng túng như kẻ ăn vụng bị bắt quả tang. Hắn cố chống chọi một cách yếu ớt:

- Hai đứa đều biết anh đi San Antonio giao nhận xe hôm nay mà! Thôi nha, đừng nghi bậy bạ nha!

- Vậy mà chắc trúng tùm lum tà la mới chết chứ!!! – chú lớn nói xong cả ba anh em cùng cười rộ...

- Thôi không nói chuyện với hai đứa nữa, anh đi ngủ đây!

- Đêm nay chắc có người trần trọc khó ngủ!

Hắn cảm thấy quẽ quẽ với hai chú nhỏ, vội leo vào giường trùm mền, giả vờ ngủ. Mà đúng thật, hắn trần trọc tới khuya lắc khuya lơ vẫn không tài nào chợp mắt được. Tư tưởng cứ rối tung lên. Hắn nghĩ về mối tình cảm mới lạ này và cho đó chỉ là một giai đoạn ngắn ngủi, một thứ lãng mạn bất ngờ mà thôi. Vài hôm nữa cô bé sẽ rời xa nơi này để trở lại trường với sách vở và bè bạn. Và rồi hắn và các em cũng sẽ tiếp tục cuộc sống lên đênh khốn khó này với tương lai ở tận cuối đường hầm chưa thấy ánh sáng!

Và cứ thế, trận chiến nội tâm vẫn âm ỉ kéo dài. Hình ảnh lộn xộn, ngổn ngang có kẻ cười người khóc! Có tiếng vó câu phóng đều trên thảm cỏ xanh tận chân trời, bao la với nắng vàng như lụa. Có tiếng suối róc rách đâu đây, nghe tiếng nói vui tươi trong trẻo của Deana thoát biến thành những lời hờn trách cùng với hình bóng Ngọc Anh chột ả, chột hiện, chập chờn đắm lệt.

Thình lình, súng nổ ran tứ phía. Hắn chạy thực mạng vì giặc Cộng rượt nà sau lưng. Càng lúc càng đuổi sức! Trong đầu hắn cái chết cứ lớn vồn. Phải chi còn được khẩu súng! Hắn vô cùng tuyệt vọng nhưng nhất định không đầu hàng địch quân. Hắn tiếc khẩu Ruleau P.38 đã rút mất khi nào không biết. Lúc đầu chạy với hắn còn có mấy thằng bạn, tới lúc này thì không còn bóng dáng nào cả khi hắn quay lại sau lưng. Khoảng cách của hắn và lũ giặc càng ngày càng thu ngắn, nhất là bày chó dữ truy đuổi gắt gao! Hắn hoảng hốt dừng lại trước vực thẳm! Thế là hết! Không suy nghĩ gì thêm, hắn nhắm mắt nhảy xuống cùng lúc nghe tiếng súng nổ đùng đùng đùng...

Hắn hét lên, choàng tỉnh giấc, mồ hôi vã ra như tắm! Hắn sờ khắp người rồi thở phào mừng rỡ... Trong vài giây đồng hồ ngắn ngủi, hắn chưa biết mình đang ở đâu! Đang phân vân thì lại nghe tiếng nổ quen thuộc... không, tiếng đập cửa liên tục!

Hắn tóc mền lên tiếng: “Đợi một chút!” Hắn đi vào phòng rửa mặt qua loa, vừa đi vừa nhìn đồng hồ tay rồi thẳng thốt chạy vô phòng lay gọi hai chú nhỏ:

- Bảy nè, Tám ơi! Ngủ quên trễ giờ làm rồi, dậy mau, đã 8 giờ sáng, chắc ông chủ cho

người đi gọi kia!

- Anh à, hôm nay thứ Bảy mà!!! – Chú lớn lầu bầu, kéo dài chữ “mà” trong cơn ngái ngủ.

Tiếng đập cửa mạnh hơn, hấn gãi đầu, gãi tai trong khi đi nhanh ra cửa. Cửa vừa mở đã thấy cô nhỏ mỉm cười:

- Chào buổi sáng! Trời ơi tôi gõ cửa đã sưng hết tay!

- Chào buổi sáng! Có việc gì sớm vậy, Deana?

- Tôi qua anh đã hẹn với tôi trong bàn tiệc, trước mặt mọi người là 8 giờ sáng nay chúng ta đi cưới ngựa rồi đi câu, đi tắm suối nữa, anh quên rồi sao?

- Ủa! Tôi có hẹn hở? – Hấn ngạc nhiên.

- Ô! Chắc đêm qua anh uống nhiều quá nên quên mất chứ gì?

Cô nhỏ hạ thấp giọng, nói tiếp:

- Anh có còn nhớ anh đã ôm hôn tôi dưới bếp khi anh theo tôi vào tủ lạnh lấy thêm đá không?

- Trời! Thiệt sao?

Bây giờ thì hấn tỉnh thật. Ừ nhỉ! Sao hấn lại dám hứa lung tung với cô nhỏ trước mặt mọi người?! Lại còn dám liêu lĩnh ôm hôn cô nhỏ nữa! Chắc cũng tại cái chai “Johnny Walker Black Label” một lít mà hấn và thằng bạn Mễ ở sở thất nghiệp cưa gọt gọt và hai chú em chỉ uống được bia! Tự nhiên hình ảnh Ngọc Anh lại hiển hiện trong tâm tư hấn làm hấn hồi hận, hấn tìm cách chống chế:

- Tôi còn mệt quá chắc không đi nổi đâu!

Trên khuôn mặt thanh tú sự thất vọng lẫn buồn phiền xuất hiện, cô nhỏ mím môi:

- Anh không đi thật sao? Ngày mai tôi phải về lại Houston rồi!!!

Thấy vẻ mặt phụng phịu của cô nhỏ hấn toan gật đầu, cùng lúc trong đầu hấn, gương mặt Ngọc Anh tối sầm lại làm hấn lúng túng:

- Xin lỗi! Tôi còn chóng mặt quá, sợ ngã ngựa nguy hiểm lắm!

- Vậy khoảng trưa mình đi câu và tắm suối với gia đình tôi nha? Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi mà!

Thấy cô nhỏ nhấn mạnh chữ “với gia đình tôi” cùng với đôi mắt khẩn khoản, hấn tự quyền cho hấn một lý do để gật đầu:

- Okay! Tôi ngủ một lát nữa chắc sẽ đỡ đi nhiều! Xin lỗi Deana nhé!

- Tôi sẽ trở lại khoảng 11 giờ nha?

- Okay! Lúc đó tôi sẽ sẵn sàng!

Hấn trở vào giường cố dỗ giấc ngủ trở lại mà có được đâu! Cái trận chiến nội tâm quái đản cứ làm hấn miên man đắm chìm trong suy tư. Những yêu dấu Saigon đua nhau về khắc khoải. Những ngày mưa tháng nắng lúc thiếu thời lẫn lộn hiện ra. Cứ thế vùng tâm tư như những cánh đồng thênh thang của hoa và mộng lồi kéo hấn về vùng ấu thơ không mạch lạc, thuở vào đời chao đảo với mộng mơ. Rồi cuộc chiến, rồi tháo chạy,

những ngày tháng buồn tênh, đầy âu lo trong các trại tỵ nạn... loanh quanh cũng trở lại cô bé tóc vàng! Hẳn lơ mơ biết tại sao hẳn lại nhận lời! Chính vì cái mơ hồ đó làm cho hẳn ghét hẳn tưởng rằng thậm tệ.

Từ thứ Hai tới nay, một tuần lễ đi khá nhanh, nhưng dường như cảm tình của cô nhỏ đối với hẳn có đà tăng nhanh hơn nữa. Thấy cô nhỏ gần bó đôi khi làm hẳn cảm động, mặc dù trong thâm tâm vẫn nghĩ rằng tình cảm của các cô gái Mỹ rất tự nhiên và hời hợt. Hẳn nghĩ hẳn cũng chỉ “hời hợt” với cô nhỏ. Những rung động của hẳn cũng là lẽ đương nhiên của một gã con trai đang ở tuổi xuân với sức sống bùng bùng. Không ngày nào là không gặp, thế mà hẳn vẫn chưa biết cô nhỏ học trường nào, ngành nào; cô nhỏ bao nhiêu tuổi! Theo sách giáo khoa, ở Mỹ, không nên hỏi tuổi phụ nữ, và càng không nên tò mò về đời tư của họ nếu họ không tự nói ra. Hẳn đoán già đoán non cô nhỏ chắc đã đôi mươi, chắc đang học Đại học nào đó. Tâm tính cô nhỏ rất ư vô tư, hành động như người lớn nhưng cử chỉ như học trò nhỏ. Nhiều lần hẳn muốn tìm cách hỏi cô nhỏ nhưng lại phì cười tự hỏi “để làm gì, sẽ chỉ là cơn gió lạ mang mùi thơm của biển qua vùng nông trại mênh mông”. Hẳn nghĩ lại thân phận tỵ nạn của hẳn và chỉ còn một ngày nữa thôi, hẳn tạm an lòng!

- Anh Tư à! Thấy anh lặn lội hoài, mớ cả đêm, chắc tại uống nhiều rượu quá, anh có khỏe không? – Chú lớn chột hỏi.

- Còn nhức đầu chút đỉnh!

- Sáng nay anh không đi cưỡi ngựa như đã hứa đêm qua với Deana à?

- Không! Cô ấy nói lát nữa sẽ rủ anh em mình đi câu và tắm suối với gia đình cô ấy.

- Đi câu vui đó anh Tư, nhưng mình đâu có cần câu?

- Chắc ông bà chủ nhà sẽ cho mình mượn!

Trời trong và cao vút, nắng tháng tám vẫn còn chói chang, vài đám mây trắng trôi lơ lững cuối trời xa. Khi Deana hướng dẫn anh em hẳn đến công viên, chỗ gia đình ông chủ nhà đang đóng lều dưới tàng cây lớn, mặt trời đã nằm giữa đỉnh trời. Có một số lều bên cạnh của cư dân trong vùng, họ đang nướng thịt và chuyện trò vui vẻ. Không có ai ở trong lều gia đình. Deana chỉ cho biết hai người đàn ông đang câu, cùng với một số người, phía xa dưới những lùm cây rợp bóng mát trên thượng nguồn. Mẹ và bà của nàng đang tắm suối. Deana biểu anh em hẳn ra bờ suối để “say HI” với gia đình nàng. Thấy vẻ ngại ngùng trù lên anh em hẳn, cô nàng nắm tay hẳn kéo đi và ra dấu cho hai chú em tiến về bờ suối:

- Hi Grandma, hi Mom! Anh em Twan xin chào bà và Mẹ!

Bà Susan, mẹ Deana, bước lên bờ, với lấy chiếc khăn tắm trên bờ quần hờ ngang thắt lưng, rồi bắt tay cả ba anh em, trong khi bà Nội đưa tay vẫy. Bà Susan trông rất trẻ và thân thiện, tóc của bà cũng óng ánh vàng che hờ hững đôi mắt xanh lơ tuyệt đẹp. Đứng bên bà, Deana chỉ là một cô em nhỏ tuổi, giống hệt. Bà mặc bộ đồ tắm hai mảnh bó sát thân người làm tất cả các đường cong lồ lộ như một cô gái đương xuân. Qua bà, hẳn

như đang nhìn ngắm hình hài Deana. Mặt hần bỗng nóng ran, vội vã ngó tránh đi.

- Twan, anh nghĩ là Mẹ tôi đẹp lắm phải không? – Deana hãnh diện hỏi.

- Phải! Nhất định là như vậy! Bà rất xinh đẹp! – Hần ngó thẳng bà Susan, nói tiếp – Nếu hai mẹ con bà đi ngoài đường, người ta sẽ lầm tưởng là hai chị em!

- Cám ơn Twan! Bố chồng của bác nói cháu là Pilot phải không?

- Dạ, chỉ là cựu Pilot!

Bà Susan nở nụ cười tươi thắm, bảo rằng ngôn ngữ của hần cũng giống như mấy chàng Pilot của Mỹ “mau mắn, nịnh đầm”! Hần e thẹn nhìn về hướng hai ông đang câu phía xa xa.

- Chào mừng các cháu tới nước Mỹ. Các cháu sẽ “appreciate” đời sống thanh bình và hoàn toàn tự do ở đất nước này. Trời hôm nay thật tuyệt vời! Hy vọng các cháu “enjoy the day” với gia đình chúng tôi. Deana! Đưa họ tới giới thiệu với Ba con đi!

Theo đôi chân vui của cô nhỏ, anh em hần được hai người đàn ông bắt tay niềm nở. Ông Stephen, Ba của Deana có vẻ nghiêm trang, đạo mạo như một ông thầy giáo khác hần vẻ tươi trẻ, thân thiện của bà Susan. Ông hỏi anh em hần muốn câu cá hay muốn đi tắm. Ông nói câu cá để thưởng thức sự yên lắng, để thư giãn tâm hồn chứ không có nhiều cá đâu. Phần vì không có quần áo tắm, phần e ngại nên ba anh em xin được câu cá với hai ông mặc dù Deana muốn hần đi tắm với cô nàng. Cô nhỏ lại phụng phịu bước về bên tắm trong khi hai ông giúp anh em hần sửa soạn đồ câu.

Câu cả tiếng đồng hồ mà chẳng ai câu được con cá nào. Lâu lâu ai cũng kéo lưỡi câu trống lên móc mồi tiếp!. Có vài lần chú em giựt mạnh rồi cuộc chẳng được gì! Sức nóng càng lúc càng oi ả. Hần ngó xuống dòng nước thềm thường, nhất là khi nghĩ đến cô bé chắc đang tắm với bà và mẹ. Nghĩ đến thân hình bốc lửa của bà mẹ để liên tưởng tới thân hình Deana, trắng nõn nà với những đường cong tuyệt mỹ... mặt hần lại nóng bừng cổ xua đuổi những ý nghĩ hần cho rằng bất chính. Khổ nỗi cái thân thể cường tráng, căng đầy nhựa sống của một gã thanh niên trên hai mươi cứ muốn sổ lòng! Hần hít một hơi dài và cổ thấy khát đắng. Hần rất muốn đi tìm nước uống nhưng lại ngại ngừng, áy náy trong lòng. Khi này, khi đang soạn đồ ăn thức uống mang theo mà cô nhỏ nhất định không cho, nói rằng ba mẹ cô nàng đã mang theo không thiếu một thứ gì.

- Mấy bạn trẻ ơi! Chúng ta nên nghỉ đi ăn trưa nhé!

Tiếng ông chủ nhà thốt lên như một luồng gió mát khiến hần reo vui trong lòng. Cả năm người tiến về hướng lều. Cô bé thấy mọi người trở lại hỏi han lắng xằng. Giống như bà mẹ, Deana quàng chiếc khăn tắm màu trắng ngang thắt lưng, phần trên chỉ là chiếc áo tắm màu hồng nhạt không che hết nổi bộ ngực căng đầy nhựa sống. Đường như thấy hần ngó trộm, cô bé liếc nhìn hần cong môi với cái nheo mắt khiêu khích. Hần ngượng ngùng ngó ra xa:

Ồ- Mùa Thu mà trời vẫn nóng quá sức!

- Ở đây thường là nóng tới cuối tháng 9 mới dịu lại! – Ông Nội Deana tiếp lời.

Sau khi ăn uống qua loa, mọi người lại rủ nhau đi tắm. Hấn ngập ngừng nói rằng cả ba anh em không mang theo đồ tắm nên xin đi câu tiếp.

- Các cháu mặc quần áo tắm cũng được mà, không sao đâu! – Bà Susan khuyến khích.

- Dạ chúng tôi thích... câu hơn! – Hấn đỏ mặt vì dỗi lòng.

Cô bé cũng xin đi theo câu. Khi đi ngang qua lối mòn sát bên bờ suối, bỗng nhiên cô bé vấp chân ngã bổ vào người khiến hấn mất thăng bằng cùng cô bé chới với ngã vào lòng suối. Hấn hoảng hốt, ôm chặt lấy cô bé, nhuyển người, xoay nghiêng tránh đập lưng vào mặt nước, đồng thời vừa đủ để tránh gây nguy hiểm cho cô bé. Nếu là bờ cao hấn có thể lộn một vòng thì đỡ biết mấy! Cô bé bám chặt vào hấn, rướn người hôn lên môi hấn say đắm khi hai người chìm sâu dưới dòng nước. Cũng may lòng suối không quá sâu, hấn đạp chân đứng lên, mực nước chỉ ngập tới cổ. Trong lúc các chú em lo lắng thì cô bé vẫn ôm chặt, ép sát người vào hấn cười nắc nẻ. Thế là hấn biết bị mắc lờm cô bé một cách thú vị. Trong lúc thăng thót đó, hấn cố đẩy cô bé ra một cách ngượng ngập. Sự va chạm vô tình đã khiến bàn tay hấn dừng trên đôi gò ngực của nàng. Hấn có cảm giác tê điếng hơn khi bàn tay nàng giữ chặt lấy bàn tay của hấn trên vòng ngực rồi đẩy xuống thấp dần. Mặc dù hai chú em đã tiếp tục bước đi nhưng hấn vẫn lo sợ quay nhìn hướng ông bà cha mẹ của cô nàng đang tắm ở cách đó khuất tầm nhìn.

- Twan! Ôm chặt em đi, hôn em đi! Mai mình xa nhau rồi, không biết bao giờ gặp lại! – Cô nhỏ nói trong hơi thở dồn dập làm tâm tư hấn càng thêm bấn loạn và sợ hãi.

- Không được đâu, Deana! Gia đình cô và mọi người chung quanh...

Lời hấn nói bị đứt quãng vì đôi môi nóng bỏng của cô nhỏ đang hôn hấn đắm đuối. Vòng tay của nàng ôm siết hấn chặt cứng mà dường như hấn cũng không còn muốn buông ra. Trong phút chốc, hấn quên hết tất cả chuyện trên đời, quên luôn mình đang ở đâu. Dòng nước cũng đồng lõa dấu khuất đôi bàn tay rạo rực tìm nhau bên dưới...

Bỗng nghe có tiếng cười nói lao xao trên lối mòn tiến về phía họ, hai người hoảng hốt buông nhau ra. Chờ mấy người đi qua, con chân động cũng đã ngưng lại, sẵn dịp hấn phóng lên bờ, đi nhanh về phía hai chú em đang câu. Đầu óc vẫn còn bàng hoàng, ngây ngất nhưng hấn lại thở phào một cách nhẹ nhõm...

Khi anh em hấn trở lại lều, mặt trời đã ngã về phía tây. Cá vẫn không cắn câu. Mọi người đang ở trong lều dường như chuẩn bị ra về. Hấn không dám ngó thẳng cô nhỏ, và cô nhỏ dường như đang hờn dỗi!

- Các cháu muốn về chưa? – Bà Susan hỏi.

- Vâng! Câu không được con cá nào! – Hấn đáp tỉnh queo.

- Sáng mai gia đình bác sẽ về lại Houston để Deana có dịp nghỉ ngơi, sửa soạn vào lớp 11. Chúc các cháu may mắn. Hy vọng có cơ hội gặp lại các cháu lần tới.

- Deana học lớp 11? – Hấn tóa hỏa, trố mắt – Trời ơi! Cả tuần nay cháu cứ tưởng Deana đang ở bậc Đại học!

- She wishes! – Bà mỉm cười xoay qua con gái.

- Mommy! Mẹ đâu cần phải nói những điều đó!

Cô bé nói với mẹ mà dẫu môi, lườm hằn sắc lẹm. Lòng hằn bối rối lắm, hấn không biết mình nên buồn hay vui. Con gái tuổi vị thành niên bên đất nước này... ôi thật là nguy hiểm!

“Con gái vị thành niên”... cụm chữ nghĩa này giúp hấn giải thoát những lẩn cấn trong lòng, có mãnh lực làm hấn bừng tỉnh cơn mê; như bóng tối đã trả về cho ly nước lạnh khi tia mặt trời đột ngột tắt ngấm. Hấn nhìn Deana thẳng thắn với nụ cười buồn:

- Well Deana, lớp 11 và 12 sẽ là ngưỡng cửa cho bậc đại học mà tôi đã làm tưởng cô đang ở trong! Hy vọng những ngày ở Pearshall sẽ làm cô ghi nhớ như một kỷ niệm vui, sẽ giúp cô thanh thản tâm hồn trước khi trở về với trường lớp và sách vở.

Cô bé dường như đỏ mắt quay đi. Ông Stephen bắt tay anh em hấn rồi mọi người chia tay, ai lên xe nấy.

Như cuốn phim chiếu thử chớp qua mau lẹ, mớ hình ảnh ngổn ngang, lộn xộn trong đầu... một tuần lễ thoáng qua như giấc mơ choáng ngập đường về. Hấn biết là khó thể quên hình bóng mỹ miều đầy nguy cơ đó trong một ngày một bữa, khó cho giấc ngủ hấn không mộng mị vào những tháng ngày bấp bênh phía trước, ở một nơi chốn mà hấn nghĩ muôn đời vẫn sẽ là người khách lạ! Hấn quyết định không về nhà đêm nay như một trốn chạy cô nhỏ, đưa hai chú em đi thăm gia đình một người bạn ở đó hơn một giờ lái xe mà hấn vừa liên lạc được.

Hấn thở dài khi hình dung khuôn mặt đầy thất vọng của cô nhỏ khi thấy cửa nhà hấn đóng im lìm đêm nay, nhất là sáng mai khi lên xe về lại Houston, cô bé cũng chẳng nghe được một câu giã từ của hấn.

Deana! Cô như tia nắng mặt trời vô tình đậu trong ly nước lạnh đời tôi!

Yên Sơn

(Tựa đề bài viết, mượn ý một tác phẩm nổi tiếng Un Peu de Soleil Dans l'Eau Froide hay “Sunlight on Cold Water” của Sagan, Françoise. Xuất bản năm 1970).

Lan Cao

Đừng

1. Đừng nói nữa

Trời âm thanh đã chật

Rượu khô bình, nhóm bạn đã về non.

2. Đừng khóc mãi

Người tình không nước mắt

Dối gian thừa, rót máu chén môi hôn.

3. Đừng cười nhé

Ngã vào cây đặc chí

Gió mê đồ, bể khổ nhốt sân si.

4. Đừng vung lửa

Áo hùng anh rơm rạ

Tuổi dân gian, cơn khoái lạc sinh thì.

5. Đừng giận nhé

Mất khôn vùng mặt đỏ

Đêm vùng vắng, lẫn lộn đồ thời gian.

6. Đừng im lặng

Trở thành người câm điếc

Giả vô tâm, quanh địa ngục sai lầm.

Xuân Du

Con chim và tôi

Buổi sáng

Trên cành

Có con chim đứng hót

Nó nhìn quanh

Tìm hướng bay xa

Nhưng nó vẫn

Đứng nhìn ngơ ngát

Nó quên rồi những cánh rừng xưa!

Ta đứng nhìn chim

Trong chóc lát

Chợt thấy mình

Quá đổi cô đơn

Ta cũng biết

Bên kia bờ biển lớn

Một chỗ về chìm khuất giữa màn sương

Ta cũng như chim

Mỗi sáng

Đứng nhìn quanh

Cho thỏa chí tang bồng

Nhưng ta không là

Con chim buổi sáng

Ta chỉ là thằng giá áo túi cơm!

Độc ẩm

“Trăm năm thân thế bóng tà dương...”

Nguyễn Bá Trác

Này bằng hữu

Đêm nay

Ta uống rượu

Uống một mình
Dưới ánh trăng sông
Ta cũng biết
Người xưa
Từng uống rượu
Uống một mình dưới bóng tà dương
Đêm nay
Ta một mình uống rượu
Chợt nghe
Đau nhói
Ở trong lòng
Giấc phương Bắc
Hăm he
Bờ Đông hải
Hồn trời Nam uất khí chập chùng.
Thương tuổi trẻ
Đã một lần gục ngã
Giờ tóc râu
Bạc trắng như sương
Ta cũng muốn
Quay lưng chào sự thật
Nhưng
Quay bên nào
Cũng chạm nỗi đau thương !

Trần Văn Lương

Cái nốt ruồi

Kim đồng hồ đeo tay chỉ đúng 1 giờ 10. Thế là lớp học đã bắt đầu được 10 phút. Lại trễ nữa! Nhìn về phía cánh cửa đang mở rộng của giảng đường Hội Hữu của trường Văn Khoa, tôi tần ngần không biết có nên vào lớp hay không. Chẳng lẽ “cúp cua” thêm một bữa? Tôi đã trốn lớp mấy ngày rồi vì cái tội la cà các quán cà phê nên tới trường trễ.

Tôi ngần ngại không muốn ngất ngưỡng đi vào lớp một mình, một phần vì thấy kỳ kỳ và một phần sợ bị thầy nhớ mặt và ghi tội, một điều hơi phiền toái nếu phải thi vấn đáp vào ngày cuối khóa. Tuy nhiên nếu bỏ học nữa thì cái lương tâm bèo nhèo của tôi sẽ bị cái hàm răng giả của nó cắn... nhột không chịu được. Hơn nữa, nghỉ nhiều thế thì không biết bài vở sẽ ra làm sao. Các Đại Học miền Nam hồi đó rất thiếu giáo sư và thường thường một số thầy phải “chạy” trường. Các đại học cố gắng sắp xếp thời khóa biểu làm sao để các thầy chỉ tới trường vài lần trong mỗi lục cá nguyệt. Mỗi lần như thế, các thầy đều ở lại nhiều tuần liên tiếp, dạy dồn dập mỗi ngày nhiều giờ cho hết chương

trình. Vì thế, chỉ cần cúp cua một ngày là sinh viên sẽ lợi bì bõm cho đến cuối khóa. Do đó, tôi bèn nghiêng chặt răng, đầu cúi thấp, nhẹ nhàng bước vào lớp và ngồi vào hàng ghế trống cuối cùng. Tôi nhìn lên bục, thầy đang hăng hái giảng bài và hình như không chú ý đến tên sinh viên đi trễ. Tôi thở phào nhẹ nhõm, và bắt đầu láo liên cặp mắt quan sát các hàng ghế chung quanh. Hầu hết mọi người đều chăm chú nghe giảng bài và tôi chỉ thấy được phía sau hay cùng lắm là một bên khuôn mặt của mỗi người.

Tôi bỗng như chạm vào đường dây điện cao thế khi ánh mắt quét tới hàng ghế bên cạnh. Người con gái, mặt mày nghiêm trang lạnh lùng như một bức tượng bằng thạch cao, mắt nhìn thẳng về phía bục giảng bài, chăm chú theo dõi lời thầy. Tôi quả là không nói ngoa khi bảo rằng khuôn mặt của cô gái giống như bức tượng. Tôi chỉ thấy được phần nghiêng của khuôn mặt vì thủy chung nàng không hề quay về phía tôi, dù chỉ là trong một vài giây ngắn ngủi. Nét mặt nhìn nghiêng thật là thanh tú với sống mũi cao và thẳng nằm ngay dưới một khuôn mắt mang nhiều nét Tây phương. Làn môi không dày không mỏng được khép một cách hờ hững, và khóe miệng về phía tôi hơi nhếch lên một tí. Và đặc biệt nhất, ngay trên khóe miệng đó, có một cái nốt ruồi to gần bằng nửa hạt đậu đen. Vì không nhìn thẳng được khuôn mặt cô gái nên tôi không thể biết được là nốt ruồi đó làm tăng hay giảm sắc đẹp của “bức tượng”. Mặc dù thế, nhìn nghiêng, cái nốt ruồi cộng thêm cái khóe mép hơi nhếch lên và cái sống mũi thon nhỏ có một sức quyến rũ thật là mãnh liệt. Và do đó, thay vì nghe thầy giảng bài, đầu óc của tôi lúc nào cũng gởi trọn về khuôn mặt bên cạnh, trong khi bên ngoài vẫn làm ra vẻ chăm chú nhìn về phía trước. Thỉnh thoảng tôi giả bộ ngo ngoáy uốn mình cho đỡ mỏi lưng và liếc nhanh về phía trái, chỉ đủ để thấy cái nốt ruồi đậm màu trên một làn da trắng bóc, nằm chênh chếch trên bờ môi mọng đỏ. Ôi, màu sắc sao mà hoà hợp một cách lạ kỳ. Chưa bao giờ tôi thấy ba màu đỏ, trắng và đen đi với nhau một cách tuyệt diệu như thế! Tất cả lại lồng trong ánh nắng chiều xanh như màu nước chè tươi của mùa thu Đà Lạt. Trời ơi, không lẽ Thiên đàng lại ở trong lớp học nhỏ bé này sao? Tôi bần thần theo dõi một cách kín đáo người hàng xóm “Trời cho” này. Trước mặt nàng, cuốn sách mở sẵn trên bàn được đều đặn lật qua trang mới, đi rất sát với lời giảng của thầy, mà cô nàng thủy chung không cần liếc xuống nhìn vào sách. Tôi thầm nghĩ trong bụng rằng cô bé này giỏi thật, và cũng bắt chước nàng lật sách như một cái máy. Hề nàng lật là tôi lật, mặc dù chẳng biết, và cũng chẳng thắc mắc, mình đang ở trang nào.

Khi tan lớp, vào khoảng 5 giờ chiều, nàng là người rời lớp học sau cùng. Tôi ra trước và phát phơ đứng hút thuốc ngoài sân, mục đích là sẽ lẻo đẻo theo sau để tìm xem “hang cọp” ở chỗ nào. Cuối cùng cái bóng áo dài trắng thướt tha cũng rời lớp và thông thả đi về hướng nhà thờ Năng Tĩnh. Nàng hình như không hề biết là có một gã đầu trâu mặt ngựa đang dò trò trinh thám theo sau. Nàng đi thẳng vào nhà nguyện, và... dĩ nhiên tôi cũng vào theo. Nàng tiến đến gần bàn thờ và quỳ ngay hàng ghế đầu tiên trước cung thánh. Tôi chỉ dám thu mình trong chiếc ghế cuối góc nhà thờ để nhìn lên, không có can

đảm tiến tới phía trước. Không hiểu tại sao mỗi khi “định mệnh run rủi” tôi phải vào nhà thờ, tôi chỉ thấy thoải mái khi được ngồi ở hàng ghế sau cùng vì, thú thật, mỗi lần nhìn lên Chúa trên cây Thánh Giá tôi thấy ngàì ngàì làm sao, có lẽ vì mặc cảm rằng mình là kẻ ngoại đạo và tự cảm thấy mình quá ư là bê bối. Nàng quý im lìm, đầu hơi cúi xuống. Mái tóc kiểu Sylvie Vartan màu đen tương phản với màu trắng của chiếc áo dài. Ánh sáng mờ mờ do tia nắng chiều ề uột xuyên qua những khung kính đục rơi lên trên hàng ghế nàng quý tạo thành một bức tranh đen trắng lung linh huyền ảo. Nàng miệt mài cúi đầu cầu nguyện, mặc thời gian trôi qua một cách chậm rãi đến sốt ruột. Đúng là Trời hại tôi, “bức tượng” của tôi chẳng những có đạo mà còn là một con chiên quá sức ngoan đạo! Than ôi, số tôi thật là khổ! Điều này lại phải mất công đi làm quen một vị linh mục hay một vị nữ tu nào để xin học đạo. Cái món giáo lý coi bộ hơi khó nuốt đối với tôi. Trong suốt thời gian gần chục năm nội trú ở trong một trường đạo, tôi chỉ nhớ được có mỗi một điều là Đức Chúa Trời có 3 Ngôi, còn 3 Ngôi như thế nào thì mù tịt. Nếu bị hỏi ép quá thì đành giở trò bài bầy: ngôi thứ nhất là “Mỏ”, ngôi thứ hai là “Toa” và ngôi thứ ba là ”Lũy”...

Nhìn đồng hồ tay đã thấy gần 7 giờ tối mà “bức tượng” vẫn không nhúc nhích, tôi đành phải bấm bụng rời nhà nguyện để tới quán ăn cơm tháng cho kịp vì không muốn phải mất ngủ vì bao tử trống không. Với cái lạnh của đêm khuya Đà Lạt, cảm giác đói bụng không phải là một điều dễ chịu, mặc dù đối với những sinh viên nghèo như tôi, cái cảm giác này đã trở thành một người bạn thân thiết.

Và từ đó trong vòng bốn tuần lễ liên tiếp, ngày nào tôi cũng tới lớp, ngồi hàng ghế cuối cùng, sau “bức tượng” một hàng, lén lút chiêm ngưỡng trong thâm lặng cái nốt ruồi tai hại, và khi tan lớp lại lách thếch đi theo nàng lên nhà nguyện. Nhiều lúc tôi cũng có ý muốn bước nhanh lên để gọi chuyện làm quen, nhưng khi thoáng liếc qua gương mặt lạnh như ly cà phê sữa đá trong một buổi sáng Đà Lạt, bao nhiêu can đảm đều theo khói thuốc Bastos Quân Tiếp Vụ bay lên nhập vào đám mây dày đặc của bầu trời thu xám xịt. Và ngày nào cũng như ngày nấy, đến giờ cơm tối nàng vẫn còn gục đầu cầu nguyện, tôi lại đành phải thảm đạm biệt nàng để đi săn sóc cái bao tử lép kẹp của mình. “Thương em thì thương rất nhiều” nhưng “anh phải sống”, em ơi!!!

Bạn bè tôi nhiều người ngạc nhiên khi thấy tôi lên nhà thờ mỗi buổi chiều sau lớp học mà không hiểu nguyên do. Tôi nhủ thầm thật là may mắn khi cái lũ quỷ sứ này không phát giác ra mục tiêu của sự theo đuổi của tôi. Chỉ cần một đứa biết thì cả đám ôn thần dịch vật này sẽ làm rùm beng lên, thậm chí còn có đứa dám tìm cách gài bẫy để tặng cho tôi nhiều cú đau đớn. Vì biết thế, nên tôi càng cẩn thận hơn không dám theo nàng quá sát và cũng không dám liêu lĩnh làm quen. Một điều làm tôi ngạc nhiên là hầu như trong lớp, ngoài tôi ra, không ai để ý đến nàng cả. Có thể là quan niệm về thẩm mỹ của tôi khác với mọi người, hay là mắt mũi của tôi kèm nhèm chẳng nhận ra được nổi lòng thầm kín của những kẻ chung quanh. Không tìm được câu trả lời thỏa đáng, và cũng

không dám tâm sự cùng ai, tôi đành bỏ không thêm thắt thêm làm chi cho mệt xác. Hôm nay là ngày cuối cùng của khóa học. Trên đường tới lớp, tôi tự nhủ chiều nay thế nào cũng phải gọi chuyện với nàng cho bằng được, sống chết gì cũng phải làm cho cóc mở miệng. Đây là cơ hội cuối cùng. Nhưng khi bước vào lớp, tôi choáng váng như bị ông thợ rèn gần nhà nện cho một búa vào đầu: nàng không có mặt trong lớp! Điều này có vẻ không ổn tí nào. Ngày học cuối thường là ngày quan trọng nhất vì các thầy đều cho biết những chi tiết quan trọng liên quan đến kỳ thi cuối khóa. “Bức tượng” đã có mặt trong tất cả các buổi học, mà lại vắng mặt ngày hôm nay, đó là điều tôi không thể tưởng tượng được. Suốt mấy tiếng đồng hồ, tôi như người mất hồn, không biết và không nhớ được một lời nói nào của thầy. Quanh đi quẩn lại trong óc cũng chỉ có ba điều: nốt ruồi đen, bờ môi đỏ và màu da trắng mà thôi. Tôi cứ lẩm nhẩm mãi một câu hát không biết nhất được từ một xó xỉnh tối tăm nào của mấy quán cà phê: “Em ơi, bây giờ em ở nơi đâu...”

Vừa tan lớp, tôi tức tốc chạy lên Năng Tĩnh. Nhưng than ôi! Nhà nguyện hoàn toàn trống trơn, chỉ có Chúa nhìn tôi và tôi... không dám nhìn Chúa! Vắng nàng, cung thánh bỗng rộng mênh mông và lạnh lẽo như hồn người trinh nữ bên hồ Than Thở trong buổi chiều đông. Tôi gục đầu vào lưng hàng ghế trước, đầu óc trống rỗng. Mắt nhắm lại, tôi cố hình dung lại trong đầu khuôn mặt lạnh như tiền của nàng và cái nốt ruồi yêu dấu nằm trên khóe môi được nhếch lên một cách ngạo nghễ. Đang nhắm mắt lơ mơ, tôi bỗng có cái cảm giác là tôi không phải là người duy nhất trong nhà nguyện. Ngẩng đầu lên, tôi chợt thấy nơi hàng ghế đầu tiên, chỗ nàng thường quỳ trong mấy tuần qua, hình bóng của một vị nữ tu trong bộ áo dòng đen và tấm khăn che đầu phủ xuống ngang lưng. Tôi bàng hoàng tự hỏi, chẳng lẽ đó lại là nàng! Phi lý, nàng không thể là một nữ tu được, tôi không muốn thế! Vì chỉ thấy được phía sau lưng, nên tôi không biết hư thực ra sao. Nhưng cái tư thế quỳ, cái dáng đầu hơi cúi xuống sao mà giống quá. Dù trong lòng xôn xang, nhưng tôi không dám đường đột đi lên gần cung thánh để nhìn mặt. Giá chi đừng có bộ áo dòng thì khung cảnh sẽ y hệt như mấy tuần qua: Một người con gái nghiêm trang quỳ cầu nguyện ở phía trên, và một chàng trai cuối nhà thờ ngồi nghĩ hươu nghĩ vượn...

Và cũng như cũ, gần 7 giờ tôi lại phải luyện tiếc rời nhà thờ để đi lo phục vụ cho cái bao tử lép kẹp của tôi.

Thế rồi cái điệp khúc này được lặp đi lặp lại mỗi ngày sau đó. Không biết tôi bắt đầu biết cầu nguyện từ lúc nào, nhưng một hôm tôi chợt bắt gặp mình đang lẩm bẩm: “Lạy Chúa, xin cho con được gặp lại nàng và nhất là cho nàng đừng phải là bà Soeur! Chúa muốn con làm gì, con cũng sẵn sàng làm hết, trừ việc... bắt con đi tu.”

Một ngày kia, có lẽ vì thương tình hay vì quá mệt mỏi với lời cầu xin bá láp của tôi mà Chúa đã động lòng trắc ẩn. Mới vào khoảng 5 giờ, vị nữ tu đã đứng dậy, làm dấu Thánh giá và quay người đi ra. Trong ánh nắng ảm đạm của buổi chiều Đại học, tôi bỗng nhận

ra khuôn mặt quen thuộc. Cả người tôi như đóng băng. Chẳng lẽ đó là “nàng” thật ư? Quả là tai hại bạc triệu. Còn đang bàng hoàng, thì “nàng” đã đi ngang, và... Chúa ơi, “nàng” nhìn con và mỉm cười gật đầu chào!!! Không biết cái cảm giác được lên Thiên đàng như thế nào, nhưng tôi dám chắc là không thể hơn được nỗi sung sướng của tôi lúc đó. Nếu có ai hiện diện nơi đây, họ sẽ phải phì cười vì cái bản mặt ngờ nghệch và lơ lảo của tôi, vốn dĩ đã xấu xí và đàn độn hơn người. Như cái máy, tôi đứng bật dậy và lảo đảo đi theo “nàng”. May quá, không gặp bất kỳ ai trên đường. Vừa qua khỏi quãng đất trống trước nhà thờ và đến đầu con đường dốc nhỏ trải nhựa nằm giữa giảng đường Hội Hữu và Thư Viện, “nàng” đứng lại chờ tôi. “Nàng” quay nhìn tôi, ánh mắt hơi ngời lên một tí tinh nghịch, và nhẹ nhàng bảo:

- Có lẽ là anh làm tôi với chị Thanh!

Tôi ngơ ngác lằm nhằm trong miệng hai chữ “chị Thanh” và quan sát kỹ khuôn mặt của người đối diện. Cũng khuôn mặt trái soan đó, cũng cái mũi nho nhỏ thanh tú đó, cũng bờ môi thắm đỏ và hơi cong lên ở bên mép... Nhưng kìa, ơ hay... Như đoán được ý nghĩ của tôi, vị nữ tu giải thích:

- Nhiều người cũng làm tôi với chị Thanh như anh. Chúng tôi là hai chị em ruột, và giống nhau như hai giọt nước, chỉ khác nhau có một điểm là chị Thanh có cái nốt ruồi trên mép phải.

Quả thế thật, trên da mặt mịn màng của vị nữ tu tôi không thấy một cái nốt ruồi nào cả. Thật là bé cái làm. Trong sự ngỡ ngàng bối rối, tôi lại cảm thấy lóe lên một tia hy vọng nhỏ: Biết đâu Thanh không có đi tu, và chỉ có cô em này làm Soeur mà thôi! Nhưng niềm hy vọng của tôi không kéo dài được lâu. Vị nữ tu kể tiếp:

- Hai chị em chúng tôi là con của một ông trùm xứ tại một họ đạo di cư gần Ban Mê Thuột, và đều đi tu tại dòng Mến Thánh Giá ở trên tỉnh. Chị Thanh được nhà dòng gửi tới đây đi học, và chị ấy đã trở về lại nhà Chúa. Chị có nói chuyện với tôi... về anh.

Tôi giật mình. Chết chưa, thế mà cứ tưởng là “nàng” không biết những chuyện ruồi bu của tôi.

Vị nữ tu lại lém lỉnh nói tiếp:

- Chị Thanh nhờ tôi nhắn với anh là ráng quên chị ấy đi và cố gắng học hành vì ngày thi sắp đến và nếu anh trượt thì sẽ bị đi lính đấy. Chị nhờ tôi tặng anh một tấm hình của chị để anh cầu nguyện cho chị mỗi khi nhớ đến chị.

Tôi thần thờ cầm lấy tấm ảnh đen trắng vị nữ tu trao cho, và chưa xót nhìn khuôn mặt của người đẹp của tôi đang tươi cười trong bộ áo dòng ủi thẳng nếp ngày khấn tạm. Hỡi ơi, khuôn mặt đó, bờ môi đó, và cố nhiên cái nốt ruồi thân yêu đó... tất cả sao mà xa xôi cách trở. Tôi lí nhí nói lời cảm ơn và vội vàng nhét bức ảnh vào túi áo blouson khi nhác thấy mấy thằng bạn trời đánh của tôi đang từ phía Thư Viện đi tới. Chúng cố tình đi ngang chỗ tôi đứng nói chuyện với vị nữ tu, nhìn phớt qua hai đứa, cất tiếng cười khúc khích với nhau và nháy mắt với tôi một cách rất ư là đều giả. Vị nữ tu vẫn tỉnh bơ làm

như không để ý đến, mỉm cười nói lời từ biệt và đi về hướng cổng Viện. Tôi đứng đó ngơ ngác nhìn theo cho đến khi bóng dáng chiếc áo dòng đen đã khuất sau lưng giảng đường Minh Thành.

Tôi lang thang quanh khu Năng Tĩnh một lúc rồi tắt tả trở về cái phòng trọ lạnh lẽo ở đường Hàm Nghi. Việc đầu tiên khi vào phòng là lôi tấm hình ra ngắm nghía và kẹp cẩn thận vào giữa cuốn Thánh Kinh trên bàn trước khi đi ăn tối. Cuốn Thánh Kinh này do một thằng bạn vừa mới theo đạo Tin Lành tặng cho tôi, với mục đích dụ tôi theo đạo của hắn. Mỗi lần gặp mặt là hắn cứ bảo tôi phải đọc cuốn sách này. Tôi cũng ráng chiều ý bạn nhưng chẳng bao giờ đọc hết được một trang trước khi hai mí mắt sập xuống. Sau này bị hắn thúc quá, tôi bèn nổi quạu và bảo hắn: “Sách gì mà đọc chán thấy mớ tở, thua truyện Kim Dung xa. Thế này mà mày cứ bắt tao đọc hoài thì làm sao tao đọc được. Hôm nào rảnh, tao sẽ đem trả cho mày để mày cho người khác!”. Từ đó tôi ít có dịp gặp lại hắn và cũng quên chưa trả lại cuốn sách. Đó là lý do tại sao một kẻ ngoại đạo như tôi lại có cuốn Thánh Kinh nằm trên bàn học.

Vừa bước chân vào quán ăn, thì cả đám lâu la đã chờ sẵn và thi nhau pháo kích:

- Ôi giỏi ơi, cái thằng ông nội này hết chuyện làm rồi hay sao mà lại đi tán tỉnh kẻ tu hành như thế này...

- Ê con trai, coi chừng xuống Hỏa ngục đó con ạ...

- “Khen cho con, mắt tinh đời!”. Em đẹp như Ma Xơ, các các bùm...

- Cái nốt ruồi trên mép quả đáng đồng tiền bát gạo...

Tôi giật bản mình. Cái nốt ruồi? Làm gì có cái nốt ruồi? Không biết thằng này đào đâu ra cái ý tưởng về cái nốt ruồi. Chẳng lẽ chúng nó biết mình lẻo đẻo theo sau nàng từ trước mà đến giờ này mới nói? Tôi cứ loay hoay mãi với ý nghĩ này thành ra không biết sau đó chúng nó còn tung ra những điều gì tệ hại hơn nữa.

Cắm đầu cắm cổ nuốt vội vàng cho xong phần ăn, tôi bay về nhà trọ, để nguyên áo quần leo lên giường nằm thừ ra suy nghĩ. Tôi ôn lại trong đầu từng lời của cô nữ tu. Không biết cố ý hay vô tình mà vị nữ tu đã cho tôi biết những chi tiết thật là đáng giá: Ông bố làm trùm xứ một họ đạo di cư, hai chị em đi tu ở nhà dòng Mến Thánh Giá Ban Mê Thuật... À, tại sao mình không điều tra thêm thử xem sao. Tôi chợt nhớ ngay đến Hoa, cô em họ của tôi. Hoa là con của bà dì ruột tôi, chơi rất thân với tôi lúc nhỏ. Lớn lên, Hoa lấy chồng Công giáo, và theo chồng về ở họ đạo Hà Lan B thuộc giáo phận Ban Mê Thuật. Tôi có thể nhờ Hoa điều tra giùm về hai chị em Soeur Thanh (Trời ơi là Trời, chữ “Soeur” đọc lên nghe đau lòng quá!). Tôi hy vọng là cùng đạo với nhau, Hoa có thể cho tôi nhiều chi tiết hữu ích về hai “người đẹp” này. Tôi hăng hái choàng ngồi dậy, viết một lèo xong bức thư cho Hoa, chạy qua bà chủ nhà mượn con tem và ba chân bốn cẳng bay ra bưu điện tống ngay vào thùng thư chính.

Nắng chiều buồn như cỏ úa. Tôi uể oải rời nhà thờ mà lòng mềm oặt như cọng bún thiêu. Con đường trở về nhà trọ sao mà lê thê và những tuần lễ chờ đợi sao trôi qua quá chậm

chạp. Mỗi buổi chiều tôi đều lên Năng Tĩnh, với hy vọng mong manh là được gặp lại “Cái Nốt Ruồi” hay em gái nàng. Nhưng than ôi, bóng chim tăm cá! Tôi đâm ra thù cái ông thi sĩ Tàu vớ vẩn nào đó đã nói một câu rất ư là vô duyên lãng xẹt: “Giai nhân nan tái đắc”. Điểm an ủi duy nhất cho tôi là quý Cha và Frères, mà tôi thỉnh thoảng xui xẻo gặp mặt ở trong khuôn viên nhà thờ, càng ngày càng tỏ ra có cảm tình với thằng bé “ngoan đạo”! Các ngài đâu có biết rằng người mà thằng bé ước tìm gặp là “nàng”, chứ không phải Chúa của các ngài. Tuy thế, tôi vẫn phải luôn làm mặt tươi cười để đáp lễ lại những cái nhìn khuyến khích và khen thưởng của các ngài. Tôi nghĩ thầm trong bụng rằng phải chi các Cụ cầu nguyện Chúa cho tôi được gặp lại “nàng” thì có phải là quý hoá hơn không! May quá, các ngài không thấy được ý nghĩ này trong cái đầu đen kịt của thằng quỷ sứ! Về đến nhà, sắp mở cửa phòng trọ thì tôi nghe tiếng gọi của bà chủ nhà:

- Cậu Văn ơi, có thư.

Nhìn thấy tên người gửi là cô em họ tôi từ Ban Mê Thuật, tôi mừng rơn, mừng còn hơn cả lúc nhận được mandat từ nhà mỗi đầu tháng. Chạy vội về phòng, khóa kín cửa lại, tôi xé vội phong bì và đọc ngấu ngiến bức thư của Hoa dưới ánh đèn điện vàng vọt của phòng trọ:

Ban Mê Thuật ngày...

Anh Văn mến,

Sau đây là những chi tiết về Soeur Thanh mà anh đã hỏi em: Em rất thân với gia đình Soeur Thanh, vì Bác Trùm Xuân, bố của Soeur Thanh, là ông bác họ của nhà em. Bác được gọi là Ông Trùm, vì bác ấy đã từng là Trùm Xứ của họ đạo Hà Lan A, cách họ đạo Hà Lan B của em không mấy xa. Không hiểu sao anh lại nói gặp em gái của Soeur Thanh, vì bác Trùm chỉ có một người con duy nhất là Soeur Thanh mà thôi...

Tôi giật nảy mình, linh cảm có điều gì hơi bất thường. Sau ít giây sững sờ, tôi đọc tiếp: Bác Trùm cho Soeur Thanh đi tu ở Dòng Mến Thánh Giá Ban Mê Thuật từ khi Soeur được khoảng 12 tuổi. Đến năm 18 tuổi, Soeur đậu Tú tài II. Sau khi vào nhà tập khoảng một năm và sau khi khấn tạm, Soeur được nhà Dòng gửi đi học ban Cử nhân Triết tại Viện Đại Học Đà Lạt của anh đó. Em đã được gặp Soeur rất nhiều lần. Soeur rất đẹp và dễ thương. Đặc biệt nhất là cái nốt ruồi trên khoé môi của Soeur làm cho Soeur hết sức có duyên.

Cách đây mấy tháng (vào khoảng đầu tháng Mười), bác Trùm gái bỗng nhiên đau nặng, sợ không qua khỏi, nên Soeur phải lật đật rời Đà Lạt để về thăm mẹ lần cuối. Không ngờ trên đường về nhà, xe đồ bị trúng mìn gần Ban Mê Thuật và tất cả mọi người trên xe đều tử nạn...

Trời ơi! Tôi bàng hoàng buông tờ thư, ngồi phịch xuống thành giường, hồn xác tê dại. Tôi cố nhớ lại, đầu tháng Mười chính là lúc tôi nhìn thấy Soeur Thanh lần đầu tiên trong lớp học. Chẳng lẽ... Tôi từ xưa vốn không tin chuyện ma quỷ, nhưng giờ đây tự

nhiên cảm thấy xương sống hơi lạnh lạnh. Đang lơ mơ thì cánh cửa phòng trọ, mà tôi nhớ đã khoá lại sau khi vào, bỗngưng tự động mở ra. Không biết có phải là do thần hồn nhát thần tính hay không mà tôi có cảm giác mình vừa thoáng thấy một bóng đen vụt ra khỏi cửa và tan dần vào trong những tia nắng xanh xao của buổi chiều đông Dalat.

Và chợt như do linh tính, tôi chồm tới bàn học, chụp vội cuốn Thánh Kinh, mở ra để tìm tấm ảnh. Tấm ảnh vẫn còn đó, nhưng bây giờ... đã thành một tờ giấy trắng. Khuôn mặt của người trong ảnh, mà tôi còn thấy rõ ràng ngày hôm qua, đã hầu như hoàn toàn biến mất. Tất cả chỉ còn lại một chấm tròn đen nho nhỏ nằm ở vị trí cũ của cái nốt ruồi duyên.

Trần Yên Thảo

Người tình xưa và trái đất

Từ vô biên đã chia tay
lại chung một chuyến đò đầy qua sông
bên đường chưa tỏ đục trong
biết đưa yếm lục quần hồng về đâu.

Cõi sinh thành

Biển lộng gió rừng mù sương
gieo tiền thử bói một phương đất lành
khi đi về phía sinh thành
gặp em đi ngược nên đành quay lui.

Nỗi buồn cựu ước

Nhụy đào trở giữa vườn tôi
gót son đài các một thời yếm anh
nhưng từ khi lá thối xanh
nỗi buồn Cựu Ước lừa quanh tóc thề.

Cõi người ta

Từ vô lượng đã định rồi
thân đơn áo chiếc về chơi ta bà
bởi vì trong cõi người ta
tinh tuy đen bạc nhưng mà có em.

Song Thy

Lời nguyện cầu trong đêm

Cám ơn đời ta vẫn còn hơi thở
Cám ơn người còn mãi giữ niềm tin
Cám ơn ta tìm lại được chính mình
Cám ơn tình để ngàn năm yêu mãi
Ta biết ai khi chiều len len đến

Gặp nhau vào lúc xế bóng hoàng hôn
Hương thời gian, giọt nắng rớt bên song
Thu bờ ngõ, lá vàng bay lịm chết
Gió hôm nay sao mơn man lành lạnh
Nhè nhẹ thổi, khẽ rối mái tóc bông,
Lạnh không ai, trời lại sắp sang Đông
Niềm vui đó đừng bao giờ vụt mất!!

Vẫn ngày này... mỗi năm

Vào ngày này năm trước tôi có viết “Ngày Này Mỗi Năm”... Đó là lần đầu tiên tôi viết về mình, và... năm nay vẫn thế. Ở xã hội này viết về mình là chuyện thường, chứ ở Việt Nam ta khi xưa “Cái tôi là cái đáng ghét”. Khi viết, tôi đã cố diễn tả những cảm nghĩ riêng tư, những gì mình mang nặng trong lòng. Lại một năm nữa. Tôi “già” thêm một tuổi, thời gian trôi qua nhanh quá đi. Tôi cảm ơn những gì đã nhận được trong năm qua. Tôi đã học được những gì? Hay là bộ óc của tôi đã chứa đầy không còn gì để nhét vào nữa. Tôi thầm cảm ơn Ông Trời vì vẫn được thấy ánh mặt trời mỗi sáng, hạnh phúc khi thấy con cái lớn khôn, niềm vui khi biết cha mẹ còn khang kiện, các em và bà con được an bình. Tôi không viết thêm về “cái tôi” nữa, bởi vì ước vọng của mình đã được đặt trên cỗ xe đang bon bon lăn theo bóng thời gian. Tôi bước ra ngoài khung cảnh an bình mà tôi đang sống và đang tay đón nhận sự thể ập đến để thấy cuộc sống đích thực quanh mình.

Từ lâu cuộc sống của tôi đã được tôi tự đóng khung, dù công việc thường ngày tôi gặp gỡ nhiều người đủ mọi tầng lớp trong xã hội. Cuộc sống vẫn quay đều quanh tôi. Xã hội vẫn không ngừng thay đổi. Khi tuổi đời ngày một cao, tôi chợt nghĩ những điều mà từ trước đến giờ chưa nghĩ hay ít khi để ý đến. Con mưa chợt đến, hay thủy triều lên xuống, là những thay đổi của thiên nhiên rất bình thường mà nay cũng làm tôi suy tư.

Có điều gì thay đổi trong tôi mà không giải thích được!

Ngày hai buổi trên đường đi về, có biết bao cảnh trạng ập đến bắt tôi phải suy nghĩ... như người hành khất bên đường mang tấm bảng “Cần tiền bỏ thí để trị bệnh”. Như cô gái tuổi vị thành niên cầm tấm bảng “Cần tiền để lo mai táng Mẹ”... thật tình tôi không nghĩ là họ thật lòng, nhưng cũng có chút lòng xao xuyến. Nhưng nếu đây là sự thật thì với số tiền nhỏ nhoi tôi giúp đỡ, liệu có làm được gì không? Chuyện gì đã thúc đẩy để những người kia trở thành những người hành khất bất đắc dĩ. Tìm ra câu trả lời không dễ vì đây là vết thương của xã hội. Lâu lâu tôi gặp một người ăn xin có vẽ nghiến ngáp với tấm bảng “Nói dối làm gì, tôi cần tiền để uống rượu”. Tôi mỉm cười, cho anh ta một dollar, một kẻ lập dị và biết nói thật điều mình muốn.

Anh họ tôi có người bạn thân, mới năm trước đây mạnh khỏe, nay vướn đủ thứ bệnh phải đi lọc máu mấy lần mỗi tuần. Vào ở nhà chính phủ, trông nhờ sự giúp đỡ

hàng tháng. Thân già lại phải lo cho đứa con bệnh hoạn, nhìn anh mà thấy xót xa, hình vóc thật nhiều thay đổi, chân chương sự đời không còn hoạt bát như năm trước tôi gặp. Nói chung đây là nỗi buồn của những người lớn tuổi cô đơn mà hằng ngày tôi nghe trên làn sóng phát thanh, biết bao nhiêu bất hạnh, cô đơn, túng thiếu, không phương tiện di chuyển, ngôn ngữ bất đồng, sức khỏe suy yếu...

Ai nghe mà không để lòng bồn khoăn khi nghĩ đến viễn ảnh của chính mình?

Tôi lại nghĩ đến ba má.

Năm nay sức khỏe của má tôi có phần suy giảm, không như những năm qua. Bao nhiêu tế bào trong ta đã bị đào thải và tái tạo để con người được sinh tồn và khỏe mạnh, nhưng ở vào tuổi của má thì là điều quá ư hãn hữu. Chúng tôi, những đứa con cố níu kéo, cỗ xe cuộc đời của má đang hồi đồ dốc. Tôi tự hứa là làm những gì có thể để má được vui. Tôi đã sắp xếp lại các sinh hoạt thường ngày của mình, để có thêm thời gian bên cạnh má. Các con tôi, đang trong tuổi vị thành niên và đang trong mùa nghỉ Hè, tôi phải gởi tạm các cháu ở nhà người bà con, để tôi có thể đêm đêm ở bên má, sau ngày má xuất viện. Bao nhiêu là xáo trộn. Thương con là một chuyện, nhưng tình mẫu tử cũng không thể đong lường, và thời gian bên người mẹ già nua suốt đời tận tụy cho con là điều tất yếu. Mỗi khắc trôi qua trong những tháng ngày còn lại, sự gần gũi, an ủi của các con bên mẹ càng cần thiết hơn. Một ngày nghỉ trong tuần, tôi dành hết cho má trong lúc này vẫn chưa thấy đủ. Nhìn ánh mắt của má bịn rịn, mỗi khi tôi ra về nên tôi hiểu má cần tôi đến mức nào! Lòng tôi se thắt khi thấy tay ba cầm dù chờ tôi trước cửa lúc bên ngoài trời đổ mưa, hay ba lo đổ đầy bình xăng xe của tôi mỗi khi đến thăm... bao nhiêu việc làm đó cũng đủ nói lên rất nhiều những gì mà ba má muốn nói cùng tôi. Chính những lúc đó, tôi như có thêm nghị lực trời ban, bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến.

Tôi muốn nhắn lời cùng các em, chị em mình cố gắng làm được những gì cứ làm thật nhiều, vì được lo lắng cho ba má trong lúc này, đó là niềm phúc lớn vì chúng ta còn cha mẹ để chăm sóc. Chũr hiếu là vậy đó các em! Bởi để ngày mai, sợ sẽ không còn cơ hội để đền đáp công ơn dưỡng dục của đấng sinh thành.

Một năm qua bao nhiêu việc xảy đến cho tôi.

Ngày ngày vẫn đi làm, nhiều lúc mệt mỏi, cơ thể rã rời. Nhưng tôi biết ngoài kia, còn biết bao người bất hạnh hơn mình.

Ba mẹ cần đến tôi, con cái ngày một lớn khôn cần vòng tay nồng ấm của tôi, bao nhiêu nhu cầu trong gia đình, ngoài xã hội... chính những điều này đã nung nấu và cho tôi thêm nghị lực để phấn đấu vượt thắng phần thể chất yếu đuối của mình. Các em hãy nhớ, nghị lực, ý chí mạnh mẽ và tình yêu thương là yếu tố khắc phục những trở ngại trong cuộc sống, bồi dưỡng cho thân xác dù tuổi đời chông chênh.

Một ngày như mọi ngày, nhưng không ngày nào giống ngày nào! Đặc biệt hôm nay đánh dấu “vẫn ngày này... mỗi năm” của một con người. Suốt bao nhiêu năm, bao nhiêu biến đổi trong tâm tư, tiềm thức và thể xác của tôi, bao nhiêu thay đổi quanh

mình, trong xã hội loài người... tất cả được kết tụ thành chiếc áo đặc thù, khoác lên tôi để đánh dấu từng khoảnh khắc thời gian mà tôi đã sống.

Xã hội đầy đầy bất công! Bất hạnh... quanh ta biết lấy gì hàn gắn!

Chút tình thương của tha nhân có xoa dịu nỗi đau khổ của kiếp người trầm luân?

Xin cầu nguyện ánh sáng thăng hoa cho những ba trăm sáu mươi lăm ngày sắp tới.

Xin cầu nguyện niềm vui và hạnh phúc đến với người người...

Songthy

LỜI CẢM TẠ

Nhóm Chủ trương Trầm Hương

Chân thành cảm tạ Quý văn Thi Hữu đóng góp sáng tác để Trầm Hương thêm phần phong phú.

Đồng thời cũng xin Tri ân Quý Ân nhân đã ủng hộ tài chánh và quảng cáo góp phần ấn phí như sau:

Quý Ông Bà:

Đào Vĩnh Tuấn 300US (in bìa)

Phan Thuận 100US

Như Phạm 100US

Nguyễn Phụng 100US

Phương My Vide 100US

Leon Vu 50US

Phần đóng góp của anh em Trầm Hương và ủng hộ của ân nhân nhận sau ngày kết thúc lay-out sẽ được thông báo vào số tới.

Lời cảm ơn không thể nói hết thành lời, mà sẽ được thể hiện qua sự cố gắng đổi mới Trầm Hương để không phụ lòng ưu ái của quý vị.

Trân trọng,

Tạp Chí Trầm Hương

Địa Chỉ thư tín:

Nhơn Đức Nguyễn

418 Cavendish Dr, Arlington, TX 76014